BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH SƯ PHẠM HÓA HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

NGHỆ AN - 2019

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

(Kèm theo Quyết định số: 901/QĐ-ĐHV ngày 25 tháng 04 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Huy Bằng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Lê Đức Giang	Phó Viện trưởng phụ trách Viện SPTN	Phó Chủ tịch	
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên	
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
9	Bà Đặng Thị Thu	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
11	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng KH&HTQT	Thành viên	
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thành viên	
14	Bà Phan Thị Hồng Tuyết	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên	
15	Ông Cao Cự Giác	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên	
16	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên	
17	Ông Đậu Xuân Đức	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên	
18	Bà Đinh Thị Trường Giang	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên	
19	Bà Chu Thị Hải Yến	Sinh viên lớp 57A, ngành SP Hóa học	Thành viên	

Danh sách này gồm có 19 người.

MỤC LỤC

Trang

PHẦN I. KHÁI QUÁT 1
1.1. Đặt vấn đề 1
1.2. Tổng quan chung 5
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ 11
Tiêu chuẩn 1 MỤC TIÊU VÀ CĐR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 11
Tiêu chuẩn 2 BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 20
Tiêu chuẩn 3 CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC 30
Tiêu chuẩn 4 PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC 38
Tiêu chuẩn 5 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC 45
Tiêu chuẩn 6 ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN 60
Tiêu chuẩn 7 ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN 76
Tiêu chuẩn 8 NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC 85
Tiêu chuẩn 9 CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ 95
Tiêu chuẩn 10 NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG 107
Tiêu chuẩn 11 KẾT QUẢ ĐẦU RA 124
PHẦN III. KẾT LUẬN 137
PHẦN IV. PHỤ LỤC 143
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo 143
Phụ lục 2: Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá 168

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
BCN	Ban chủ nhiệm
BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
BGH	Ban giám hiệu
CĐR	Chuẩn đầu ra
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT – HSSV	Công tác chính trị, học sinh SV
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
ĐH	Đại học
GDĐH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HTSV	Hỗ trợ SV
HV	Học viên
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPDH	Phương pháp dạy học
PTN	Phòng thí nghiệm
SPHH	Sư phạm Hóa học
SV	Sinh viên
TDTT	Thể dục thể thao
TS	Tiến sĩ
THPT	Trung học phổ thông
THTN	Thực hành thí nghiệm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 10.1. Các công trình khoa học đã công bố của Khoa/Viện.....115

Bảng 10.2 Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập.....115

Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp (của 5 khóa gần nhất) (phụ lục 8).....125

Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên thôi học (của 5 khóa gần nhất).....125

Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên 5 khóa gần nhất ngành Sư phạm Hóa học 128

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

1.1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) đóng vai trò quan trọng, quyết định chất lượng đào tạo của trường Đại học. Trong xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học nói riêng thì việc nâng cao chất lượng CTĐT ngành sư phạm càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, khoa Hóa học trước đây và Viện Sư phạm tự nhiên, Trường Đại học Vinh hiện nay thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học (SPHH). Do đó, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (ĐGN) CTĐT ngành SPHH theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo các công văn hướng dẫn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH và ngày 28/06/2016, công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng,B Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành SPHH đã giúp Nhà trường, Viện Sư phạm Tự nhiên tự rà soát, đánh giá thực trạng làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT, ngành Sư phạm Hóa học, Viện Sư phạm Tự nhiên đã căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại. Để làm tốt công tác tự đánh giá CTĐT ngành SPHH đòi hỏi có sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành SPHH được thành lập theo Quyết định số 901-QĐ/ĐHV ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học

Vinh gồm BGH, chủ tịch Hội đồng trường, cán bộ giảng viên Viện Sư phạm Tự nhiên, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Thông tin phản hồi của các bên liên quan (SV, cựu SV, giảng viên, nhà tuyển dụng, ...) cũng là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu chỉ đạo chung, Trung tâm ĐBCL của trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học bao gồm 4 phần:

+ **Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng cần mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ **Phần II:** Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: *(1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.*

+ **Phần III:** Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ **Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1074, 1075 của Bộ giáo dục đào tạo ngày, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành l phần tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí. CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CĐR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; tiểu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của

cả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và minh chứng (Mã MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef; Trong đó:

- H: viết tắt "Hộp minh chứng" (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp)
- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên)
- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ: H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

1.1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH*** của BGD&ĐT, ban hành kèm theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ GD & ĐT.

Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành Sư phạm Hóa học tự xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và thực hành Sư phạm Hóa học đứng đầu cả nước, vươn tới tầm khu vực và quốc tế.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Khoa/Viện trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và dịch vụ xã hội.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của

khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành Sư phạm Hóa học theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Từ đó, đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá: quy trình tự đánh giá được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Sư phạm Hóa học

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: *1. Mô tả; 2. Điểm mạnh; 3. Tồn tại; 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng; 5. Tự đánh giá.*

Sau khi có quyết định thành lập *Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học*, Nhà trường đã ban hành *Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học*; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

+ Nhóm 1 do PGS.TS. Cao Cự Giác làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1,2;

+ Nhóm 2 do PGS.TS. Nguyễn Xuân Dũng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 3,4;

+ Nhóm 3 do PGS.TS. Phan Thị Hồng Tuyết làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5,8;

+ Nhóm 4 do PGS. TS. Lê Đức Giang làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6,7;

+ Nhóm 5 do PGS.TS. Đinh Thị Trường Giang làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 9;

+ Nhóm 6 do TS. Đậu Xuân Đức làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 10,11.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Viện, ngành Sư phạm Hóa học

đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học, tiến hành họp cán bộ toàn ngành để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng…* Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Viện giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban lãnh đạo Viện cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong ngành Sư phạm Hóa học.

Phương pháp và công cụ tự đánh giá: Thực hiện đánh giá CTĐT ngành Sư phạm Hóa học được thực hiện theo phương pháp tổng hợp, so sánh, đối chiếu...Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng… Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

1.2. Tổng quan chung

Trường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Quyết định Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NQ. Sau đó ba năm, Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ đã quy định nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh nghiên cứu khoa học - công nghệ

gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động: "Đoàn kết - Đổi mới - Hội nhập - Phát triển" quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính phủ kí quyết định đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: "Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kĩ thuật với chất lượng cao, là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ".

Ngày 11/7/2011, Trường được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào danh sách các trường đại học xây dựng thành trường đại học trọng điểm. Với vai trò, vị trí mới, Trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước”.

Như vậy, sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỉ XXI, tình hình kinh tế - xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQTW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại;

đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo". Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết và cấp bách.

Thực hiện Nghị quyết 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013) Trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: *"Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ*". Như vậy, sứ mạng của Trường được xác định phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trong thời gian vừa qua, Trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được một bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và trước xã hội.

Viện Sư phạm Tự nhiên được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHV ngày 4/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh trên cơ sở sáp nhập 16 bộ môn của 5 khoa: Khoa Toán học (thành lập năm 1959), khoa Vật lý (1961), khoa Hóa học (1961), khoa Sinh học (1961) và khoa Công nghệ Thông tin (1998). Viện có các chức năng chủ yếu: Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ Đại các ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Vật lý, SPHH, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Tin học; đào tạo trình độ thạc sĩ 15 chuyên ngành và đào tạo trình độ tiến sĩ 10 chuyên ngành. Trong đó, có 4 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 2 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ thuộc lĩnh vực Hóa học, cụ thể như sau:

- Các chuyên ngành trình độ thạc sĩ: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lý

luận và PPDH bộ môn Hóa học.

- Các chuyên ngành trình độ tiến sĩ: Hóa hữu cơ, Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học.

Trong gần 60 năm qua, khoa Hóa học trước đây và Viện Sư phạm tự nhiên hiện nay **(sau đây viết tắt là Khoa/Viện)** đã đào tạo hơn 3.000 cử nhân SPHH, hơn 600 thạc sĩ Hóa học và 15 tiến sĩ Hóa học. Đây chính là nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ. Hiện nay, Viện Sư phạm tự nhiên đang đào tạo 128 SV ngành SPHH, 56 học viên cao học của 4 chuyên ngành (Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lý luận và PPDH Bộ môn Hóa học), 18 nghiên cứu sinh của 2 chuyên ngành (Hóa hữu cơ, Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học).

Bên cạnh đó, Khoa/Viện còn đảm nhận công tác bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, hợp tác quốc tế và các hoạt động phục vụ cộng đồng góp phần phát triển kinh tế- xã hội cho địa phương và trong cả nước. Khoa/Viện đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hàng trăm giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hàng trăm bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa/Viện đã chủ trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ, đề tài cấp Tỉnh, cấp trường.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Khoa/Viện đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành SPHH. Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường và cơ bản phản ảnh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin bao gồm thông tin giảng viên, mô tả học phần, nội dung giảng dạy học phần, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá. Đề cương

môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành SPHH trường Đại học Vinh bao gồm khối kiến thức đại cương, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành thuộc lĩnh vực hóa học và khoa học giáo dục. Ngoài ra chương trình ngành SPHH còn có nhiều học phần giúp SV rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm. Các học phần được thiết kế đa dạng theo hướng cung cấp kiến thức lý thuyết, kỹ năng thực hành đồng thời tăng cường rèn luyện khả năng tư duy, làm việc độc lập; có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR.

Chương trình được thiết kế đáp ứng các CĐR ngành SPHH; được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. SV tốt nghiệp CTĐT ngành SPHH có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản và chuyên sâu về Hóa học; có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình môn hóa học trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Khoa/Viện có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lí, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành SPHH có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong công tác.

Khoa/Viện đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành SPHH và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và

mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành SPHH có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá SV đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa/ Viện.

Bản "Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành SPHH" được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng trường, Viện Sư phạm Tự nhiên, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường. "Báo cáo tự đánh giá" đã được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường, đồng thời gửi đăng kí kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến Bộ GD&ĐT và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đã Nẵng trong tháng 10 năm 2019.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên mục tiêu và CĐR là cách tiếp cận hướng đến người học, nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan.

Chương trình đào tạo ngành SPHH hiện nay được xây dựng theo phương pháp sơ đồ ngược, khởi đầu từ việc xây dựng mục tiêu và CĐR với sự tham gia của tất cả các bên liên quan thông qua các cuộc khảo sát lấy ý kiến. Mục tiêu và CĐR được thường xuyên rà soát bổ sung, cập nhật những yêu cầu mới của xã hội cũng như những định hướng phát triển của nghề nghiệp sư phạm trong nước và trên thế giới.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả

Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) SPHH được ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/04/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh [H1.01.01.01], được công khai trên website của Nhà trường [H1.01.01.02]. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT [H1.01.01.03], dựa trên ma trận kĩ năng [H1.01.01.04], bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát của CTĐT xác định: *"SV tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành SPHH có năng lực thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình giáo dục môn Hóa học ở trường phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế"*. Mục tiêu này phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường "*là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước"* và phù hợp với Tầm nhìn của Nhà trường là "*trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, hướng tới sự thành đạt của người học"* [H1.01.01.05]. Mục tiêu của CTĐT chú trọng đến khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đề cao năng lực tự chủ trong chuyên

môn của giáo viên và nhà trường, hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định trong Luật GDĐH: "Đào tạo trình độ đại học để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo".

Trên cơ sở kết quả khảo sát nhu cầu của thị trường lao động [H1.01.01.06], Ban soạn thảo CTĐT cùng các cán bộ, giảng viên tham gia giảng dạy Chương trình đã xây dựng Mục tiêu và CĐR (CĐR) của CTĐT, đồng thời xác định rõ các vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.07]. Khi xây dựng Mục tiêu của CTĐT, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên của Ngành đã lồng ghép tinh thần của Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường vào Mục tiêu của chương trình đào tạo [H1.01.01.08]. Hội đồng khoa học của Khoa/Viện đã tổ chức phản biện, thẩm định và trình Hiệu trưởng phê duyệt CTĐT [H1.01.01.09].

Sau khi xây dựng Mục tiêu của CTĐT, CĐR và đề cương chi tiết học phần, Khoa/Viện đã khảo sát, lấy ý kiến đóng góp của giảng viên và chuyên gia, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng [H1.01.01.10]. Kết quả khảo sát cho thấy, Mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học (thể hiện tại mục 1 điều 5 và mục b thuộc mục 2 điều 5) [H1.01.01.11]. Hàng năm trên cơ sở khảo sát ý kiến SV, cựu SV, Khoa/Viện tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Mục tiêu đào tạo, CĐR, đề cương chi tiết học phần [H1.01.01.12].

Tuy nhiên, việc khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT chưa được tiến hành đồng bộ một cách thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành SPHH được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, được mô tả rõ ràng trong Bản mô tả CTĐT, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì ra soát, chỉnh sửa và bổ sung.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn	Bộ môn PPGD Hóa học, bộ phận ĐBCL	Hoàn thành trong tháng 9/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT SPHH	Bộ môn PPGD Hóa học, bộ phận ĐBCL	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. Mô tả

CĐR (CĐR) của CTĐT ngành SP Hóa học xác định những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành SPHH đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT [H1.01.02.01] và được công bố rộng rãi cho người học, giảng viên và các bên liên quan [H1.01.02.02]. CĐR cũng chính là cam kết của Nhà trường với người học và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo.

CĐR của CTĐT ngành SPHH được mô tả lần đầu tiên năm 2013 theo tinh thần Thông tư 49/2012/TT-BGDĐT, công bố trên website năm 2014 [H1.01.02.03]. Hàng năm CĐR được rà soát, điều chỉnh và phát triển theo quy trình chặt chẽ phù hợp với quy định theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT, dựa trên sứ mạng và mục tiêu chung của nhà trường, mục tiêu của CTĐT đã được xây dựng [H1.01.02.04] [H1.01.02.05]. Việc phát triển CĐR được tiến hành bởi Ban phát triển CTĐT của ngành, gồm những giảng viên có kinh nghiệm của các bộ môn và một số chuyên gia bên ngoài trường [H1.01.02.06], với sự tham gia của các bên liên quan qua khảo sát và góp ý, được thẩm định và phê duyệt bởi HĐKHĐT ngành.

Năm 2015 khoa Hóa học đã tổ chức Hội nghị Trưởng khoa Hóa học các trường

sư phạm bàn về phát triển CĐR ngành SP Hóa học [H1.01.02.07], đưa ra khuyến nghị làm rõ năng lực chuyên môn hóa học và năng lực dạy học hóa học trong CĐR. Trên cơ sở đó CĐR được cập nhật áp dụng từ khóa 57 (tuyển sinh năm 2016) [H1.01.02.08] đã xác định một cách cụ thể hơn một số năng lực mong đợi ở người học khi tốt nghiệp.

Năm 2016, Nhà trường triển khai nghiên cứu và áp dụng phương pháp tiếp cận CDIO để xây dựng CTĐT theo tiếp cận năng lực [H1.01.02.09], theo đó mục tiêu và CĐR của CTĐT SPHH được phát triển một bước quan trọng đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ năng lực quốc gia [H1.01.02.10], những xu hướng mới trong đào tạo và yêu cầu năng lực của người giáo viên thế kỷ 21 [H1.01.02.11]. Viện SPTN đã tiến hành khảo sát sâu rộng ý kiến các bên liên quan về dự thảo CĐR, bao gồm giáo viên trường phổ thông, cựu SV, giảng viên, chuyên gia, các sở GD ĐT [H1.01.02.12], phân tích đối sánh với một số CĐR của các trường khác trong nước [H1.01.02.13]. Trên cơ sở đó, CĐR của CTĐT đã được xây dựng gần như hoàn toàn mới, được thông qua HĐ KHĐT và ban hành rộng rãi năm 2017 [H1.01.02.14], được cập nhật năm 2019 [H1.01.02.15]. CĐR hiện nay được mô tả rõ ràng, súc tích theo 4 nhóm năng lực [H1.01.02.15], tương ứng với 4 trụ cột giáo dục của UNESCO:

(i) Kiến thức và lập luận ngành (học để biết):

+ Hiểu biết kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, tin học và ngoại ngữ.

+ Áp dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và sư phạm.

+ Vận dụng kiến thức cốt lõi ngành SPHH.

+ Kiến thức nâng cao ngành SPHH.

(ii) Kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp (học để làm):

+ Kỹ năng nghề nghiệp giáo viên Hóa học.

+ Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề giáo dục.

+ Kỹ năng khám phá tri thức khoa học giáo dục và khoa học hóa học.

+ Tư duy hệ thống trong các vấn đề giáo dục.

+ Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.

(iii) Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm (học để chung sống)

+ Kỹ năng làm việc nhóm: hình thành, tổ chức, phát triển và lãnh đạo nhóm.

+ Kỹ năng giao tiếp: xây dựng chiến lược giao tiếp, giao tiếp văn bản, thuyết trình, đa phương tiện, giao tiếp bằng ngôn ngữ hóa học, giao tiếp bằng ngoại ngữ, ...

(iv) Năng lực xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động giáo dục và dạy

học (học để khẳng định mình):

+ Nhận thức bối cảnh xã hội và môn Hóa học.

+ Nhận thức bối cảnh nhà trường phổ thông.

+ Hình thành ý tưởng hoạt động giáo dục.

+ Thiết kế hoạt động giáo dục.

+ Triển khai thực hiện hoạt động giáo dục.

+ Đánh giá, cải tiến và hoàn thiện hoạt động giáo dục.

CĐR CTĐT đã chú trọng đến năng lực tự chủ, trách nhiệm và sáng tạo trong nghề nghiệp, năng lực tự học và học suốt đời, năng lực làm việc nhóm và giao tiếp. CĐR đặt ra yêu cầu đạt năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam, và năng lực sử dụng tin học đạt trình độ B.

Mỗi CĐR được cụ thể hóa (mức độ 3) bằng các mô tả với động từ Bloom, và thang đánh giá năng lực từ 1 đến 5 tương ứng, được xây dựng theo nguyên tắc SMARC (**S**pecific- **M**easurable-**A**ctionable – **R**ational -**C**ommunicable) nhằm đảm bảo tính cụ thể và phù hợp mục tiêu, tính khả thi trong điều kiện nguồn lực cho phép, rõ ràng dễ hiểu [H1.01.02.16]. Trên cơ sở đó, Ban phát triển CTĐT lập ma trận đối ứng phân nhiệm CĐR của CTĐT cho từng học phần để đảm bảo tất cả CĐR được thực hiện và không có môn học ”thừa, lặp” trong chương trình, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng học phần theo tiến trình phát triển liên tục của CTĐT [H1.01.02.17].

Phân tích trên cho thấy CĐR của CTĐT đã mô tả rõ ràng và bao quát các năng lực chung và năng lực chuyên biệt đối với SV ngành SPHH, đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu của vị trí việc làm của người học khi tốt nghiệp là trở thành giáo viên THPT trong bối cảnh tự chủ, sáng tạo và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông, đồng thời có những năng lực chung phù hợp với yêu cầu của thế giới việc làm ngày nay như năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, năng lực tự học....

2. Điểm mạnh

CĐR được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	Bộ phận ĐBCL của Khoa/Viện	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn và thành tựu của thế giới về đào tạo giáo viên	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KHĐT ngành	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Tiêu chí 1.3:. CĐR của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT được xây dựng và rà soát chỉnh sửa dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan, đặc biệt là giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục, cựu SV và giảng viên. Việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan và định kỳ rà soát đánh giá, bổ sung và điều chỉnh CTĐT đã được nhà trường quy định và hướng dẫn rõ ràng cụ thể trong các văn bản [H1.01.03.01] [H1.01.03.02].

Trong quá trình đào tạo, Khoa/Viện thường xuyên cử giảng viên đến các trường phổ thông nơi SV thực tập để kiểm tra, thăm hỏi, trao đổi chuyên môn và thu thập thông tin phản hồi về CTĐT, CĐR và các nội dung chuyên môn khác [H1.01.03.03]. Đồng thời, Khoa/Viện gửi phiếu xin ý kiến góp ý về CĐR đến tổ chuyên môn ở các trường phổ thông [H1.01.03.04], lấy ý kiến khảo sát SV cuối khóa, cựu SV [H1.01.03.05], thường xuyên sinh hoạt chuyên môn trong tập thể giảng viên tham gia

đào tạo sư phạm [H1.01.03.06]. Nhờ đó, CĐR của CTĐT ngày càng phù hợp và đáp ứng tốt các yêu cầu của giáo viên các trường phổ thông.

CĐR của CTĐT SPHH được xây dựng năm 2013 và công bố đầu tiên vào đầu năm 2014. Năm 2015, khoa tiến hành rà soát, chỉnh sửa CĐR trên cơ sở:

+ Kết quả Hội nghị Trưởng khoa Hóa học các trường đào tạo SPHH vào năm 2015 bàn về phát triển CĐR của các CTĐT SPHH [H1.01.03.07].

+ Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể dựa trên cách tiếp cận phát triển năng lực và tinh thần trao quyền tự chủ về chương trình giáo dục nhà trường cho trường phổ thông.

+ Các ý kiến phản hồi của các trường phổ thông, các Sở GD-ĐT, và của cựu SV.

CĐR đã được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa một số năng lực cốt lõi ngành SPHH, bao gồm: năng lực thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học hóa học theo hướng phát triển năng lực người học; mô tả rõ năng lực sử dụng thí nghiệm trong dạy học hóa học; năng lực ngôn ngữ hóa học, một số kỹ năng chung của thời đại như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong giáo dục, ...[H1.01.03.08].

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng CTĐT theo tiếp cận năng lực với sự tích hợp cao các kỹ năng và đảm bảo khả năng thực hiện được các CĐR trong một chương trình đào tạo có tính cấu trúc cao, năm 2016 Nhà trường triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển các CTĐT [H1.01.03.09]. CĐR của CTĐT SPHH được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan [H1.01.03.10], chú trọng đến việc cập nhật các xu hướng mới của quốc tế trong việc phát triển năng lực giáo viên nói chung và đào tạo giáo viên nói riêng [H1.01.03.11]. MT và CĐR của CTĐT đã được thẩm định bởi Hội đồng nghiệm thu cấp trường và công bố theo QĐ của HT vào năm 2017 [H1.01.03.12].

Đầu năm 2019, CĐR tiếp tục được rà soát và chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được SV khi tốt nghiệp vừa là nhà hóa học, nhà giáo dục và là giáo viên dạy hóa học có đủ các kỹ năng của giáo viên thế kỷ 21, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO [H1.01.03.13].

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CĐR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi trên website Nhà trường và subweb của Khoa/Viện

[H1.01.03.14], được đặt đường dẫn từ trang đăng ký học của tất cả SV trên website Nhà trường. Khoa/Viện đưa các nội dung cơ bản của CĐR vào nội dung các tờ rơi giới thiệu CTĐT [H1.01.03.15], giới thiệu trực tiếp MT và CĐR CTĐT cho SV mới nhập học vào dịp sinh hoạt chính trị đầu khóa [H1.01.03.16]. Ngoài ra, việc tìm hiểu CĐR và CTĐT còn được hướng dẫn cho SV trong Sổ tay SV, được các giảng viên thường xuyên truyền thông qua các môn học, được quán triệt bởi hệ thống cố vấn học tập và quản lý SV.

Tóm lại, trong giai đoạn 2014 đến 2019, CĐR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên các yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn dạy học, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

2. Điểm mạnh

CĐR đã được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đáp ứng yêu cầu công tác ở trường phổ thông.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi về CĐR của các giáo viên và cựu SV ở trường phổ thông chưa được thường xuyên và rộng rãi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa CTĐT	Bộ phận ĐBCL của Viện	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát CĐR, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn và thành tựu của thế giới về đào tạo giáo viên	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KHĐT ngành	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành SPHH được xây dựng phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, được mô tả rõ ràng và được công khai trên website của Nhà trường. Việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật được thực hiện thường xuyên và kịp thời. CĐR của CTĐT được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ, theo tiếp cận phát triển năng lực, được mô tả cụ thể, rõ ràng súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và được thường xuyên rà soát, bổ sung điều chỉnh, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR đã chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đáp ứng yêu cầu công tác ở trường phổ thông. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 1: 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho người học và người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lý, học sinh trong hoạt động tuyển sinh, các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Nhà nước, với đầy đủ các thông tin theo quy định, được định kỳ rà soát bổ sung. Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CĐR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lý dễ dàng triển khai thực hiện cũng như cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Bản mô tả chương trình đào được xây dựng đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 07/2015 và Thông tư 49 về đánh giá CTĐT giáo viên THPT, được biên soạn bởi bộ phận xây dựng CTĐT của Khoa/Viện theo mẫu quy định của Nhà trường [H2.02.01.01], và được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi Hội đồng KHĐT Khoa/Viện thông qua.

Bản mô tả CTĐT năm 2014 bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.02].

1) Thông tin chung: phần này giới thiệu các thông tin chung về CTĐT: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh; tên gọi văn bằng: Bằng tốt nghiệp Cử nhân SPHH. Tên gọi của CTĐT là SPHH, trình độ đào tạo đại học, loại hình đào tạo chính quy tập trung.

2) Mục tiêu của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể.

3) Các quy định chung của CTĐT: thời gian đào tạo 4 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 132 tín chỉ, đối tượng tuyển sinh và các yêu cầu tiêu chí tuyển sinh áp dụng theo Quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT. Ngành SPHH tuyển sinh khối A (Toán, Lý, Hóa) và khối B (Toán, Hóa, Sinh) với điểm trúng tuyển cao hơn hoặc bằng điểm sàn đảm bảo chất lượng của Bộ quy định hàng năm [H2.02.01.03]. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao

đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4) Thang đánh giá kết quả học tập: quy định theo thang điểm chữ. Để tăng độ phân giải trong kết quả đánh giá, Nhà trường sử dụng thang điểm chữ A, B^+, B, C^+, C, D^+, D và F.

5) Nội dung và cấu trúc của chương trình dạy học được mô tả thành khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Cách phân chia các khối kiến thức thể hiện cấu trúc của CTĐT, tạo thuận lợi cho việc quản lý đào tạo và phát triển chương trình.

6) Chương trình dạy học được mô tả dưới dạng khung chương trình đào tạo và kế hoạch dạy học dự kiến (mục 8) và mô tả vắn tắt nội dung các học phần (mục 9). Chương trình dạy học bao gồm thông tin về tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, phân bổ số giờ lý thuyết, bài tập, thực hành, thực tập, đồ án, tự học, …, phân kỳ dự kiến, đơn vị đảm nhận.

7) Các thông tin về điều kiện thực hiện chương trình đào tạo được mô tả ở các mục 10, 11 và 12. Đội ngũ giảng viên (mục 10) cung cấp thông tin về trình độ, học vị, chức danh khoa học, lĩnh vực chuyên môn, khả năng đảm nhiệm giảng dạy các học phần cụ thể trong CTĐT. Cơ sở vật chất (mục 11) trình bày thông tin về hệ thống các PTN và trang thiết bị thí nghiệm, về hệ thống thư viện và danh mục giáo trình, sách, tài liệu tham khảo các loại phục vụ đào tạo.

Năm 2016, Nhà trường xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO. Website của Trường có trang thông tin và hướng dẫn về xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO [H2.02.01.04], trong đó thường xuyên cung cấp thông tin về các hoạt động phát triển năng lực xây dựng CTĐT cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo của Nhà trường [H2.02.01.05]. Nhờ đó, năm 2017, bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo cách tiếp cận phát triển năng lực (tiếp cận CDIO) [H2.02.01.06]. Năm 2019 bản mô tả CTĐT đã được rà soát và cập nhật theo văn bản hướng dẫn mới [H2.02.01.07], bao gồm các nội dung chính:

1) Thông tin chung

2) Mục tiêu CTĐT

3) CĐR của CTĐT

4) Nội dung CTĐT: Mô tả 4.1) Số tín chỉ tổng cộng và phân theo từng khối kiến thức; 4.2) Kế hoạch giảng dạy dự kiến; 4.3) Mô tả tóm tắt các học phần.

5) Ma trận CĐR (ma trận kỹ năng)

6) Cách thức đánh giá kết quả học tập

7) Điều kiện thực hiện CTĐT

8) Hướng dẫn thực hiện CTĐT

Những thông tin trong các nội dung trên bao hàm đầy đủ các thông tin như phiên bản trước. Điểm mới trong bản mô tả này chính là ma trận CĐR và nâng cao tỷ trọng đánh giá quá trình. Để phân nhiệm các học phần, chương trình sử dụng ma trận CĐR tham chiếu các CĐR của chương trình với các học phần kèm theo mức độ đạt được mong muốn (thang năng lực) [H2.02.01.08]. Mỗi học phần có đề cương tổng quát và đề cương chi tiết được mô tả cụ thể các thông tin, là bản thiết kế hoạt động dạy học chi tiết, bao gồm cả quy định cụ thể về cách thức đánh giá, nhằm giúp người dạy và người học thuận lợi trong việc thực hiện và đạt CĐR chương trình đào tạo. Về tiêu chí tuyển sinh, từ năm 2017 thực hiện kỳ thi THPT toàn quốc, ngành SPHH tuyển sinh theo kết quả tổ hợp môn thi, bao gồm các tổ hợp: (Toán, Lý, Hóa), (Toán, Hóa, Sinh), (Toán, Hóa, Anh) [H2.02.01.09]. Điểm xét tuyển đảm bảo ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT quy định hàng năm.

Từ năm 2014 đến nay, CTĐT đã được rà soát, cập nhật 3 lần [H2.02.01.10], trung bình ít nhất 2 năm/ lần, qua đó đã cập nhật các nội dung và yêu cầu từ Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H2.02.01.11] và Thông tư 32/2018/TT-BGD&ĐT về Ban hành Chương trình GDPT tổng thể, [H2.02.01.12].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện chương trình, hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước và của các nước trên thế giới nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ SV, cựu SV, nhà trường phổ thông một cách thường xuyên hơn + Đối sánh CĐR của CTĐT với các CTĐT khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.	Bộ phận ĐBCL Ban phát triển CTĐT, Bộ môn	Hàng năm 9/2019	
2	Phát huy điểm mạnh	+ Thường xuyên rà soát, cập nhật CTĐT theo quy trình ĐBCL	Bộ môn, Khoa/Viện, Ban PT CTĐT và HĐ KHĐT; Phòng ĐT	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả

Đề cương các học phần trong CTĐT phiên bản năm 2014 được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu của TT08/2011/TT-BGDĐT [H2.02.02.01], trong đó bao gồm các thông tin [H2.02.02.02]:

1) Thông tin chung về chương trình đào tạo: Tên chương trình đào tạo, ngành đào tạo, trình độ đào tạo.

2) Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, số tín chỉ, loại học phần (bắt buộc/tự chọn...), giờ tín chỉ đối với các hoạt động dạy học (lý thuyết/bài tập/ thực hành/ thảo luận/tự học, ...), giảng viên giảng dạy học phần (họ tên, chức danh, học vị, địa chỉ email, điện thoại liên hệ, hướng nghiên cứu chính).

3) Mục tiêu học phần: mô tả cụ thể theo mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng, mục tiêu thái độ và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

4) Mô tả văn tắt nội dung học phần: giúp người học hình dung tổng thể các nội dung chính và logic của các phần nội dung của học phần.

5) Nội dung chi tiết của học phần: nêu rõ từng chương, mục, có thể chi tiết đến 3 cấp.

6) Học liệu: danh mục học liệu được phân thành giáo trình chính và các tài liệu tham khảo phục vụ nhu cầu đọc thêm và tự nghiên cứu.

7) Kế hoạch dự kiến và hình thức tổ chức dạy học mô tả trong mục lịch trình chung: mô tả rõ sự phân bố các nội dung dạy học theo tuần, số tiết của mỗi hình thức dạy học (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành, tự nghiên cứu, ...). Mục lịch trình cụ thể ở phần tiếp theo nêu rõ nội dung dạy học kèm theo các nhiệm vụ của SV được hướng dẫn cụ thể. Phần này giúp SV chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu và thực hiện các hoạt động học tập của mình đáp ứng yêu cầu của học phần.

8) Quy định đối với học phần và yêu cầu khác của giảng viên: Các quy định đối với SV như việc làm và nộp bài tập, tham gia thảo luận, dự lớp, ... quy định về phương thức kiểm tra đánh giá và những yêu cầu khác được nêu rõ.

9) Thông tin về phê duyệt của đơn vị và Nhà trường.

Năm 2016, Nhà trường chủ trương áp dụng tiếp cận CDIO trong việc xây dựng và đổi mới CTĐT. Đề cương chi tiết các học phần cũng được thay đổi đáng kể, được xây dựng theo biểu mẫu mới và ban hành từ năm 2017 [H2.02.02.03]. Đề cương gồm các thông tin sau [H2.02.02.04]:

1) Thông tin tổng quát về học phần: tên chương trình đào tạo, thông tin về giảng viên, thông tin chung về học phần: tên học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mã số học phần, phân loại học phần trong các khối kiến thức, số tín chỉ và số giờ phân bổ cho các hoạt động dạy học, các học phần tiên quyết, học phần song song hay nối tiếp.

2) Mô tả vắn tắt về học phần: nêu vị trí học phần trong tổng thể chương trình đào tạo, các nội dung cơ bản và những kỹ năng chính được đề cập trong học phần, đóng góp của học phần vào sự phát triển năng lực của người học.

3) Mục tiêu và CĐR của học phần: các mục tiêu của học phần được tham chiếu với các CĐR của chương trình đào tạo kèm theo thang năng lực mong đợi. Trên cơ sở các mục tiêu của học phần, các CĐR được mô tả tương ứng kèm theo phân nhiệm ITU giúp giảng viên và SV đều nắm được.

4) Đánh giá học phần: mô tả rõ các thành phần đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, tham chiếu với các CĐR của học phần tương ứng với từng phương thức đánh giá và tỷ lệ (trọng số) đánh giá. Đánh giá quá trình mỗi học phần thường bao gồm 3 thành phần: 1) ý thức học tập; 2) hồ sơ học phần: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài

báo cáo, đồ án, ...; 3) đánh giá định kỳ: là các bài kiểm tra giữa kỳ dưới các hình thức khác nhau như trắc nghiệm khách quan, tự luận.

5) Nội dung và kế hoạch giảng dạy: bao gồm 1) nội dung giảng dạy được trình bày theo chương mục, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá tương ứng; 2) kế hoạch giảng dạy được mô tả theo từng tuần, nêu rõ các nội dung và hình thức tổ chức dạy học, nội dung tự học và nghiên cứu của SV, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá; 3) Phương tiện hỗ trợ dạy học: nêu rõ các trang thiết bị, điều kiện đặc thù để thực hiện các bài dạy học của học phần.

6) Học liệu: bao gồm 2 giáo trình chính và các tài liệu, học liệu tham khảo, mang tính cập nhật.

7) Quy định của học phần.

8) Phụ trách học phần: nêu rõ đơn vị được nhà trường phân công phụ trách học phần.

9) Thông tin phê duyệt đề cương chi tiết học phần.

Với những thông tin và cách mô tả như trên, cả giảng viên và SV đều nắm vững những nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy và học đảm bảo đạt CĐR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương, mỗi SV sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CĐR có cơ sở rõ ràng và minh bạch.

Đề cương chi tiết có đầy đủ mọi thông tin cần thiết giúp cho các đơn vị chức năng dễ dàng trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp cho các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình.

Năm 2019, CĐR của CTĐT đã được rà soát, chỉnh sửa và cập nhật [H2.02.02.05] để phù hợp với nội dung quy định của Thông tư 20/2018 về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, và Thông tư 32/2018 về Chương trình giáo dục phổ thông, theo hướng tích hợp một số CĐR có nội hàm gần nhau, làm nổi bật hơn các năng lực đặc thù của giáo viên hóa học [H2.02.02.06] để làm cơ sở cập nhật đề cương chi tiết các học phần. Tuy nhiên về cơ bản các chỉnh sửa mới chỉ dựa trên văn bản quy định của Bộ GD-ĐT và ý kiến của giảng viên, việc thu thập thông tin phản hồi của SV về môn học còn chưa được thường xuyên ở tất cả các học phần.

2. Điểm mạnh

Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về học phần chưa đồng bộ ở tất cả các học phần, phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của SV chưa được tiến hành sâu đến các khối kiến thức trong mỗi học phần để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hướng dẫn GV lấy ý kiến phản hồi từ SV về học phần, đề nghị Trường tích hợp chức năng này vào phần mềm quản lý đào tạo	Bộ phận ĐBCL của Viện, Tr tâm CNTT	Hàng năm Năm 2019	
		Phân tích dữ liệu thi, kiểm tra và đánh giá một cách sâu sắc hơn, cung cấp thông tin cho GV để điều chỉnh đề cương chi tiết	Trung tâm ĐBCL		
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần hàng năm, truyền thông rộng rãi đến từng SV và giảng viên để thực hiện	Bộ môn, Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KHĐT ngành	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT đã phê duyệt được công bố công khai và giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Khoa/Viện

[H2.02.03.01], công bố trên trang đăng ký học của SV, giới thiệu cho SV trong các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay SV [H2.02.03.02]. Hàng năm, khi tiếp đón tân SV, Khoa/Viện tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa/Viện, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả [H2.02.03.03]. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các bên liên quan qua tài liệu quảng bá về Khoa/Viện [H2.02.03.04], qua bài viết giới thiệu ngành đào tạo trên website [H2.02.03.05]. Tất cả đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp kèm theo bản mô tả CTĐT [H2.02.03.06] [H2.02.03.07], công bố công khai cho SV, được giảng viên giới thiệu chi tiết trước khi học mỗi học phần.

Từ năm 2018, Nhà trường đưa subweb dành cho cựu SV vào website chính thức của Trường [H2.02.03.08], tăng thêm kênh liên hệ của cựu SV với các đơn vị đào tạo, qua đó CTĐT được các cựu SV tiếp cận và tham gia vào việc truyền thông cũng như cho ý kiến phản hồi góp phần phát triển CTĐT.

Từ năm 2019, Nhà trường đưa vào sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS, Learning Management System), qua đó thông tin về học phần và giao tiếp dạy học của giảng viên và SV được kết nối và lưu trữ phục vụ quản lý và đánh giá kết quả dạy học một cách thuận lợi [H2.02.03.09]. Hệ thống LMS bước đầu đã hỗ trợ việc học và dạy của GV và SV cũng như hỗ trợ quản lý đào tạo hết sức hiệu quả.

Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho SV vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó SV nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.10].

CTĐT ngành SP Hóa học theo tiếp cận CDIO dành một học phần Nhập môn ngành sư phạm với thời lượng 02 tín chỉ để giúp SV năm thứ nhất tiếp cận với nghề nghiệp tương lai, trong đó có các nội dung giới thiệu về CTĐT sư phạm, cấu trúc, logic và yêu cầu của CTĐT [H2.02.03.11].

Để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐTmột cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, Trung tâm TH-TN, Trung tâm ĐBCL, trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT .

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và các đề cương chi tiết các học phần đều được công khai, cho phép người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các trường phổ thông – nơi sử dụng SV tốt nghiệp ngành SPHH, còn chưa hiệu quả. Những đổi mới trong CTĐT gần đây chưa được các trường phổ thông và các sở GD&ĐT biết đến một cách sâu sắc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các hoạt động nhằm truyền thông về CTĐT ngành SP Hóa học theo tiếp cận mới hướng đến phát triển năng lực giáo viên	Khoa/Viện	Hàng năm	Lồng ghép trong giảng dạy bồi dưỡng GV
		Đưa địa chỉ truy cập CTĐT vào giao diện chính của website Trường	Trung tâm CNTT, Phòng ĐT	Năm 2019	
2	Phát huy điểm mạnh	Giới thiệu cụ thể, chi tiết CTĐT và các học phần đến từng giảng viên, SV,	Khoa/Viện	Hàng năm	
		Tiếp tục công khai CTĐT đến các cựu SV, các nhà quản lý giáo dục, tranh thủ sự tham gia ý kiến của các bên liên quan để tiếp tục phát triển CTĐT	Khoa/Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc quản lý, triển khai thực hiện và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo. Bản mô tả CTĐT cũng là tài liệu hỗ trợ người dạy, người học trong quá trình đào tạo, cung cấp thông tin cho các bên liên quan, được cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nhu cầu xã hội. Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, người học, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Đề cương chi tiết được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, học liệu.

Tuy nhiên việc truyền thông CTĐT đến các bên liên quan còn chưa được hiệu quả, việc thu thập ý kiến phản hồi còn hạn chế chủ yếu ở SV và giảng viên.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 2: 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

CTDH ngành SPHH được thiết kế dựa trên mục tiêu và CĐR của CTĐT theo hướng hiện đại, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới (2018) và phù hợp với nhu cầu xã hội. Các học phần có sự đóng góp rõ ràng cho CĐR. CTDH ngành SPHH được xây dựng theo tiếp cận CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate) tích hợp kiến thức, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Quy trình này được xây dựng một cách khoa học, hợp lí, logic và về phương pháp tổng thể có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau trong đó có đào tạo sư phạm với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra

1. Mô tả

Từ năm học 2007 – 2008 trường Đại học Vinh đã chính thức ban hành CTĐT đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trong đó có các ngành đào tạo sư phạm. Khung CTĐT ngành SPHH được thiết kế theo hệ thống tín chỉ với tổng số 50 học phần (kể cả kiến tập và thực tập sư phạm) và tổng số tín chỉ tích lũy là 140 [H3.03.01.01].

Trước hết phải khẳng định rằng CTDH đại học sư phạm ngành hoá học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh đã bao quát toàn bộ nội dung chương trình phổ thông hiện hành, ngoài ra còn có nhiều khối kiến thức bổ trợ làm cơ sở cho việc nghiên cứu SGK một cách đầy đủ, rõ ràng hơn [H3.03.01.01].

Liên tục đào tạo gần 10 năm theo hệ thống tín chỉ, CTDH ngành SPHH đã có những điều chỉnh CĐR và khung chương trình theo hướng tăng cường các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm cũng như các môn tự chọn đáp ứng CĐR đã công bố [H3.03.01.02]. Mặc dù có nhiều ưu điểm so với đào tạo theo niên chế, đó là tính linh hoạt, mềm dẻo, liên thông, … Tuy nhiên, nhìn tổng thể, cấu trúc chương trình vẫn chủ yếu theo tiếp cận nội dung nên kiến thức trang bị quá tải và mang tính chất hàn lâm, thiếu tính ứng dụng cho nghề dạy học, đặc biệt chưa chú trọng phát triển năng lực cá nhân và phẩm chất nghề giáo. Vì vậy chương trình sư phạm nói chung và ngành SPHH nói riêng ở trường Đại học Vinh vẫn chưa đi theo sự phát triển khoa học giáo dục của các nước, đặc biệt là các nước phát triển (OECD). Để khắc phục các nhược điểm trên, cũng như hiện đại hóa CTDH sư phạm đáp ứng yêu cầu Đổi mới căn bản và

toàn diện giáo dục phổ thông [H3.03.01.03], trường Đại học Vinh đã triển khai thực hiện các đề tài trọng điểm cấp trường năm 2016 nhằm xây dựng CĐR và CTDH tiếp cận CDIO [H3.03.01.04] và đưa vào áp dụng đào tạo tất cả các khối ngành trong đó có SPHH từ K58 tuyển sinh năm 2017 [H3.03.01.05].

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTĐT, nhà trường đã xây dựng phiếu điều tra, khảo sát ý kiến và phản hồi của các bên liên quan, bao gồm: Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động Trường Đại học Vinh [H3.03.01.06]; Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2016-2017 và 2017-2018 và Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kỳ 1 (2017-2018) [H3.03.01.07].

CTDH đại học hệ chính quy ngành SPHH xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, ban hành theo quyết định số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR. CTDH bao gồm đề cương chi tiết các học phần, kế hoạch dạy học. Trong đề cương chi tiết mô tả mục tiêu và CĐR học phần đối ứng với CĐR của CTĐT. CTDH ngành SPHH được thiết kế dựa trên mục tiêu đào tạo ngành học, khung năng lực, CĐR và ma trận ITU theo CDIO [H3.03.01.08]. Ngoài ra khi thiết kế CTDH, Khoa/Viện cũng đã tiến hành tham khảo và đối sánh với CTDH ngành SPHH của các trường ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Tp HCM, … và một số trường ĐH nước ngoài [H3.03.01.09]. Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học của tất cả các môn học/học phần trong CTDH phù hợp với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR [H3.03.01.10].

Định kỳ hằng năm, căn cứ trên phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa/Viện tổ chức họp và đề xuất những thay đổi, chỉnh sửa về CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động [H3.03.01.11]. Nhà trường cũng đã thành lập Nhóm nghiên cứu CDIO nhằm nghiên cứu lí luận và tổng kết thực tiễn dạy học của nhà trường cũng như những khuyến nghị của hiệp hội CDIO thế giới để cải tiến và phát triển CTĐT dựa trên CĐR [H3.03.01.12].

2. Điểm mạnh

Trường Đại học Vinh triển khai xây dựng và phát triển CTĐT một cách khoa học theo tiếp cận CDIO, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đưa ra

các văn bản hướng dẫn cụ thể và thay đổi CTDH theo hướng hiện đại tiếp cận CDIO để đáp ứng CĐR của từng ngành học, đặc biệt là ngành SPHH Viện Sư phạm Tự nhiên đã cập nhật kịp thời và có những thay đổi chương trình học phù hợp với CĐR đã công bố.

3. Điểm tồn tại

- Một số nội dung CĐR môn học trong CTDH chưa tương thích với CĐR của CTĐT.

- Chưa có không gian học tập và trải nghiệm theo đúng quy trình đào tạo CDIO.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chỉnh sửa, bổ sung CĐR môn học cho tương thích với CĐR của CTĐT	Viện/Phòng Đào tạo	Hằng năm	
		Tiếp tục phát triển không gian học tập và trải nghiệm theo yêu cầu CTĐT	Viện/Phòng Quản trị và đầu tư	2019	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật kịp thời và có những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố	Viện/Phòng đào tạo	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng

1. Mô tả

Nội dung các môn học đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR của CTĐT, với khối lượng 125 tín chỉ các học phần được phân nhiệm vào các chủ đề của CĐR: Kiến thức lập luận ngành (Nhập môn ngành sư phạm, Ngoại ngữ, Ứng dung ICT trong giáo dục, Giáo dục học, Tâm lí học, Toán học, Vật lí, Hóa học, Sinh học, …); Kĩ năng phẩm chất cá nhân (Thực hành Hóa học; Thực hành PPDH Hóa học; Kiến tập

sư phạm và Thực tập sư phạm…); Kĩ năng làm việc nhóm (Các môn chuyên ngành Hóa học; Lí luận và PPDH Hóa học; Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm…); Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thiện chương trình môn Hóa học (Phát triển chương trình môn hóa học; Đo lường, đánh giá và phương pháp NCKH trong dạy học hóa học, …). Mỗi học phần được xây dựng căn cứ vào mục tiêu của CTĐT về cả kiến thức, kĩ năng, năng lực và thái độ với người học sau khi hoàn thành chương trình [H3.03.02.01]. Đề cương chi tiết các học phần được xây dựng dựa trên CĐR của CTĐT và được xây dựng chi tiết đảm bảo các phân nhiệm ITU và ma trận môn học – CĐR trong CTĐT công bố thông qua bản mô tả CTĐT và bản mô tả môn học/học phần [H3.03.02.02].

Sự đóng góp của mỗi học phần trong việc giúp người học đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu, khung năng lực, ma trận môn học – CĐR và ma trận ITU [H3.03.02.01], [H3.03.02.02]. CTĐT được thiết kế dựa trên CĐR với 3 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục chung; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở nhóm ngành và kiến thức ngành); Khối kiến thức chuyên ngành (các môn về Lí luận và PPDH Hóa học và nghiệp vụ sư phạm). Các môn học thuộc khối kiến thức chung (Nhập môn ngành sư phạm; Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giáo dục học; Tâm lí học, ICT trong giáo dục, Tự chọn 1) đáp ứng các CĐR về yêu cầu SV hiểu biết ngành sư phạm nói chung và SPHH nói riêng, quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục Việt Nam, vận dụng những tư tưởng của Hồ Chí Minh và những nguyên lí chủ nghĩa Mác-Lênin để hiểu triết lí giáo dục, đặc thù ngành nghề sư phạm và quản lí hành chính trong lĩnh vực giáo dục. Các môn học thuộc kiến thức cơ sở nhóm ngành (các môn Toán, Vật lí đại cương, Sinh học đại cương, Hóa học đại cương, Ngoại ngữ) trang bị cho SV kiến thức nền tảng, làm cơ sở cho SV hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản đó để học các môn chuyên ngành hóa học (Hóa lý và Hóa lý thuyết, Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Tự chọn 2). Khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, làm tiền đề cho khối kiến thức chuyên ngành SPHH (Đo lường, đánh giá và phương pháp NCKH trong dạy học hóa học; Lí luận và PPDH hóa học; Phát triển chương trình môn Hóa học; Thực hành PPDH hóa học, Tự chọn 3 và 4). Các môn chuyên ngành NVSP, giúp SV những kiến thức cơ bản về nghiên cứu KHGD ngành Hóa học, vận dụng lí thuyết và thực hành các PPDH Hóa học theo tiếp

cận CDIO. Một số môn học có những project giúp SV thực hiện các mục tiêu cụ thể về nghề dạy học trong CĐR. CTĐT tiếp cận CDIO đã được thiết kế tích hợp nhằm tinh gọn số đầu môn học và tạo điều kiện phát triển năng lực người học. Các môn chuyên ngành đã chú trọng đến đáp ứng CĐR về đo lường đánh giá trong dạy học hóa học cũng như phát triển chương trình môn Hóa học ở THPT theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Để giúp SV có thêm cơ hội dạy học Hóa học bằng tiếng Anh ở các trường quốc tế, học phần "PPDH hóa học bằng tiếng Anh ở trường THPT" được thiết kế đưa vào môn học tự chọn. Vì vậy, CTĐT SPHH đã đáp ứng được nhu cầu xã hội. Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kĩ năng như kĩ năng giao tiếp; kĩ năng làm việc nhóm; kĩ năng tư duy sáng tạo; kĩ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành SPHH khi ra trường được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CĐR của CTĐT [H3.03.02.03].

Để đánh giá người học đạt được CĐR của mỗi học phần, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, dự án học tập, …) đáp ứng CĐR môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học [H3.03.02.04].

Trường Đại học Vinh đã xây dựng và công bố CĐR cho ngành SPHH, CĐR này được xây dựng dựa trên chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, trên cơ sở khảo sát các bên liên quan và các CTĐT được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh đầy đủ [H3.03.02.05].

Đề cương chi tiết các học phần đều dựa trên ma trận môn học – CĐR và phân nhiệm ma trận ITU trong CTĐT ngành SPHH. Định kỳ căn cứ trên sự phản hồi của người học, các bên liên quan [H3.03.02.06], hội đồng khoa học và đào tạo Khoa/Viện đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất [H3.03.02.07].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTĐT ngành SPHH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

3. Điểm tồn tại

Còn có sự chồng chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CĐR. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR và cũng còn một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại phân nhiệm ITU cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng 01 CĐR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào phân nhiệm ITU chung của ngành để tránh trường hợp trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CĐR ngành SPHH.	Viện/Phòng Đào tạo	Năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT để điều chỉnh nội dung cho phù hợp CĐR	Viện/Phòng Đào tạo	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Năm 2014 trường Đại học Vinh ban hành quyết định số 3242/QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H3.03.03.01]. Năm 2017, CTĐT ngành SPHH được thiết kế theo tiếp cận CDIO [H3.03.03.02] có 36 học phần gồm 125 tín chỉ, trong đó có 10 tín chỉ tự chọn, trung bình 15,6 tín chỉ/1 học kì. Tỉ lệ khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 75%, kiến thức chuyên ngành chiếm

25% khối lượng chương trình nhằm tăng tính tích hợp và liên thông giữa các ngành sư phạm tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học) và sư phạm Toán học [H3.03.03.03], tạo điều kiện cho SV học cùng lúc 2 CTĐT, mỗi học kì SV có thể đăng kí học từ 14 đến 30 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian của mình [H3.03.03.04]. Trước khi xây dựng được CĐR và CTĐT tiếp cận CDIO, khoa Hóa học đã tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (SV năm cuối, giáo viên dạy hóa học ở các trường THPT, lãnh đạo phòng ban các Sở Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia là giảng viên các trường ĐHSP) làm cơ sở thực tiễn [H3.03.03.05]. Khoa cũng đã tổ chức nhiều phiên họp, thảo luận và lấy ý kiến góp ý từ hội đồng khoa học và đào tạo [H3.03.03.06] và cuối cùng là góp ý của HĐKH đào tạo nhà trường để nhóm biên soạn chỉnh sửa và trình duyệt [H3.03.03.07]. Trong quá trình xây dựng CĐR và CTĐT tiếp cận CDIO, trường Đại học Vinh đã tổ chức nhiều đợt tập huấn với sự hỗ trợ của các chuyên gia trong nước và ngoài nước, qua đó đã giúp cho nhóm biên soạn có thêm kĩ năng viết CĐR và thiết kế CTĐT [H3.03.03.08]. Khi xây dựng chương trình Khoa đã có sự phân tích đối sánh với CTĐT ngành SPHH của các trường đại học trong nước và quốc tế [H3.03.03.09]. Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. SV có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành trong các phòng thí nghiệm, kiến tập và thực tập tại các trường THPT. CTĐT cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn, tiên quyết hay ràng buộc và thời gian kế hoạch học tập cụ thể [H3.03.03.10].

CTDH ngành SPHH, trường Đại học Vinh được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỉ lệ thời lượng giữa lí thuyết và thực hành, trải nghiệm. Tích hợp nhiều nội dung kiến thức và kĩ năng học tập làm giảm số học phần và phát triển năng lực người học. CTĐT của ngành SPHH đã được xây dựng trên cơ sở tăng cường kĩ năng nghề nghiệp như tăng thời lượng thực hành, thực tập, thiết kế các dự án học tập phục vụ cho phát triển kĩ năng nghề nghiệp [H3.03.03.03].

2. Điểm mạnh

Các học phần trong CTDH ngành SPHH được cấu trúc đảm bảo logic giữa các học phần đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; đảm bảo tính tích hợp giữa mạch nội dung kiến thức với phát triển năng lực người học. Các học phần trong CTDH được

bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần.

3. Điểm tồn tại

CTĐT từ khóa 57 trở về trước còn mang nặng tính lý thuyết, chưa có nhiều tiết thực hành, kĩ năng. CTĐT đại học ngành SPHH theo hướng tiếp cận CDIO mới được thực hiện 2 năm nên cũng chưa lường trước được những khó khăn tiềm ẩn xuất hiện, đặc biệt chưa có sự đánh giá sản phẩm SV ra trường từ các trường THPT và các Sở Giáo dục và Đào tạo. Việc tham khảo và đối sánh với CTĐT đại học ngành SPHH của các trường quốc tế chưa được nhiều do việc tiếp cận chương trình còn nhiều hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng về chất lượng SV khi tiếp nhận công việc giảng dạy. Tăng cường tham khảo và đối sánh với CTĐT đại học ngành SPHH của các trường quốc tế.	Viện/Phòng Đào tạo	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Các học phần trong CTDH được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật 2 năm 1 lần	Viện/Phòng Đào tạo	Năm 2020	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Cấu trúc và nội dung CTTDH ngành SPHH được thiết kế theo hướng tiên tiến, có tham khảo đối sánh với các CTĐT của các trường đại học trong nước và quốc tế, bám sát CĐR. Chương trình được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong CTĐT ngành SPHH được cấu trúc đảm bảo sự logic giữa các học phần, giảm tải các nội dung hàn lâm, tích hợp về kiến thức và năng lực người học, thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR đã công bố.

***Tự đánh giá Tiêu chuẩn 3*:** 3/3 tiêu chí đều đạt.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy học luôn lấy người học làm trung tâm, phương pháp dạy học đa dạng và sáng tạo đáp ứng CĐR đã được trường Đại học Vinh tuyên bố trong các CTĐT. Cũng như các chương trình khác, CTDH ngành SPHH được thiết kế theo hướng tiên tiến hiện đại bám sát mục tiêu đào tạo và CĐR của chương trình, phù hợp theo nhu cầu xã hội. Đặc biệt, kể từ năm học 2017-2018, nhà trường áp dụng việc đào tạo theo tiếp cận CDIO thì ngành SPHH đã chú trọng hơn đến PPDH phát triển năng lực SV, nhấn mạnh các CĐR với 5 cấp độ: (1) biết/nhớ; (2) hiểu; (3) vận dụng; (4) phân tích/tổng hợp; (5) đánh giá.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được ghi rõ trong đề án Quy hoạch xây dựng Trường Đại học Vinh (đến năm 2020) và được trình bày lại trong báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Vinh tháng 12 năm 2016 là đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường học, cơ sở trong khu vực; nghiên cứu, triển khai chuyển giao khoa học công nghệ gắn với đào tạo, triển khai kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống [H4.04.01.01].

Mục tiêu giáo dục của Trường được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của Trường, Khoa/Viện và được thể hiện trong các mục tiêu của CTĐT và đề cương học phần [H4.04.01.02]. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT và mục tiêu giáo dục của Trường.

Để hiểu rõ được tầm quan trọng về chương trình học và phương pháp tiếp cận dạy học, Trường Đại học Vinh đã đưa ra thông báo số 506/ĐHV- CTCTHSSV ngày 11/5/2018 về kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kỳ 1 (2017-2018). Từ các kết quả thu thập được, Trường đã đưa ra báo cáo số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017 và báo cáo số 10/BC- ĐHV ngày 29/3/2018 về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh học kỳ 1 năm 2016-2017 và 2017-2018; Báo cáo kết quả lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh học kỳ 2 năm học 2017-2018 số 44/BC-ĐHV ban hành ngày 29/8/2018 [H4.04.01.03]. Ngoài sự đóp góp ý kiến của người học về CTĐT và giảng

viên, Nhà trường cũng đã thu thập ý kiến của người sử dụng lao động và các bên liên quan về mục tiêu CTĐT thông qua phiếu xin ý kiến lãnh đạo phòng ban Sở Giáo dục và Đào tạo, giáo viên ở các trường THPT, tổng hợp ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên [H4.04.01.04].

Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT SPHH được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lí thông tin, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy mục tiêu giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.05].

Mục tiêu giáo dục được tất cả cán bộ, giảng viên, người học của nhà trường hiểu rõ và vận dụng vào trong việc thiết kế CTDH và được giới thiệu/phổ biến cho các bên liên quan trên trang thông tin điện tử của Khoa/Viện, Trường [H4.04.01.06], [H4.04.01.05].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu giáo dục của nhà trường và của CTĐT ngành SPHH được phổ biến rộng rãi qua các văn bản ban hành, hướng dẫn, kế hoạch cho các Khoa/Viện, toàn thể cán bộ, giảng viên và người học nắm rõ.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá, truyền thông về mục tiêu giáo dục của nhà trường đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Viện SPTN tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức hơn để các bên liên quan đều có thể biết đến Trường Đại học Vinh và cải thiện cách thức tiếp cận để có thể tìm hiểu	Viện/Phòng Đào tạo	Hàng năm	

		đến trường một cách dễ dàng.			
2	Phát huy điểm mạnh	Viện SPTN có chương trình, hoạt động ở các địa phương nhiều hơn nữa để truyền bá được mục tiêu giáo dục của nhà trường, mục tiêu của ngành SPHH.	Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả

Các CTDH được thiết kế để tương thích và đạt được các CĐR. Khi thay đổi CTĐT, Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định về CTĐT và những CĐR tương ứng. Ngày 29/9/2014, Trường ban hành quyết định số 3242//QĐ-ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Ngày 27/4/2017 ban hành quyết định số 747/QĐ- ĐHV về CTĐT đại học hệ chính qui tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ [H4.04.02.01]. Các CTDH và phương pháp giảng dạy đều được thể hiện trong các đề cương chi tiết các học phần của các khóa K56 (đào tạo theo hệ thống tín chỉ), K57 (đào tạo theo nhóm ngành), K58 trở đi (đào tạo theo tiếp cận CDIO) [H4.04.02.02]. Hoạt động dạy học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR [H4.04.02.03].

Trường Đại học Vinh và Khoa/Viện đã có những cuộc hội thảo liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Năm 2018, Viện Sư phạm Tự nhiên đã tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy tiếp cận CDIO khối ngành Sư phạm để đánh giá những kết quả đạt được, đề xuất những giải pháp và nhấn mạnh nhiệm vụ, tiếp tục triển khai CTĐT tiếp cận CDIO đạt hiệu quả cao [H4.04.02.04]. Năm 2019, nhà trường đã tổ chức Hội nghị xây dựng và phát triển CTĐT đại học chính quy tiếp cận CDIO trong đó có chỉ ra những tồn tại, thách thức cũng như những điều chỉnh cần thiết khi triển khai CDIO cho những học phần tiếp theo [H4.04.02.05]. Hàng năm, vào tháng 11 Trường Đại học Vinh tổ chức tháng "Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm" cho các Khoa/Viện đào tạo sư phạm và kết thúc là hội thi: "Nghiệp vụ Sư phạm" cho từng Khoa/Viện và toàn trường để đánh giá

được sự chuyển biến trong đổi mới PPDH theo CDIO, khả năng và trình độ, kĩ năng, nhận thức nghề giáo của SV để điều chỉnh nội dung, chương trình và PPDH; bổ sung những kĩ năng nghiệp vụ cần trang bị cho SV; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp cho SV sau khi ra trường. Bản báo cáo kết quả của hội thi đánh giá được những mặt thành tựu và hạn chế trong từng khoa, từ đó đưa ra được những đề xuất để cải tiến cho giảng viên và SV như Báo cáo tổng kết tháng Rèn luyện Nghiệp vụ Sư phạm, Hội thi "Nghiệp vụ Sư phạm" và thực tập cuối khóa học [H4.04.02.06]. Ngoài ra, Công đoàn trường Đại học Vinh còn tổ chức Hội thi "Tìm hiểu CDIO…" cho các đoàn viên công đoàn thuộc khối giảng dạy Khoa/Viện và phòng ban chức năng nhằm nâng cao nhận thức về đào tạo CDIO cho cán bộ công nhân viên chức toàn trường, qua đó có những điều chỉnh thích hợp về PPDH các học phần do mình phụ trách [H4.04.02.07]. Bên cạnh đó, hàng năm Bộ môn PPDH Hóa học còn tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, trao đổi những kĩ thuật dạy học mới cho SV sư phạm nói chung và ngành Sư phạm Hóa nói riêng nhằm phát triển năng lực dạy học và truyền cảm hứng về nghề dạy học cho các em SV năm cuối [H4.04.02.08].

PPDH, hình thức, tài liệu, tác phong … của người giảng viên đều được SV đánh giá và phản hồi qua sự thu thập ý kiến phản hồi từ SV của trường Đại học Vinh thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến và trực tiếp. Trường tổng kết các đánh giá của SV, lập báo cáo kết quả gửi lại trực tiếp cho giảng việc qua email cá nhân hoặc bằng văn bản; gửi cho các khoa, viện để có những điều chỉnh kịp thời trong công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường như Quyết định số 1307/QĐ- ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016 [H4.04.02.09]. Hằng năm giảng viên, Bộ môn, Khoa/Viện tổ chức seminar vận dụng các PPDH đa dạng nhằm thực hiện có hiệu quả CTĐT. Qua khảo sát, giảng viên và người học hài lòng với PPDH được sử dụng trong CTĐT [H4.04.02.10].

Các quy định, hướng dẫn, thay đổi chương trình dạy và học đều được cập nhật liên tục trên website của Khoa/Viện, Trường Đại học Vinh để các bạn SV được kịp thời nắm bắt, thay đổi cho phù hợp, hoặc có vấn đề vướng mắc về chương trình học có thể hỏi đáp trực tuyến thông qua cổng thông tin này [H4.04.02.11].

2. Điểm mạnh

Viện Sư phạm Tư nhiên và ngành Hóa học đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của SV cũng như việc kiến tập, thực tập tại các trường THPT. Đội ngũ CBGD của ngành Hóa học thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm,

đạo đức nhà giáo, đổi mới PPDH theo hướng phát triển tính tích cực sáng tạo của người học, phát triển năng lực học sinh.

3. Điểm tồn tại

SV tham gia vào quá trình học chưa thực sự thích nghi với phương pháp đào tạo tiếp cận CDIO. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo về PPDH tiếp cận CDIO cho GV và SV; Tổ chức Tọa đàm chia sẽ phương pháp học tập đại học theo tiếp cận CDIO cho SV năm thớ nhất, hướng dẫn SV xây dựng kế hoạch học tập, tự học, tự nghiên cứu; Chia sẽ kinh nghiệm của các chuyên gia, cố vấn trong việc tư vấn về phương pháp dạy và học cho GV và SV.	Viện	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Quan tâm nhiều hơn nữa đến việc học tập của SV cũng như việc kiến tập, thực tập tại các trường THPT.	Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học

1. Mô tả

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động nghiên cứu khoa học SV, các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thảo luận, báo cáo kiến tập sư phạm và thực tập sư phạm đều hướng tới mục tiêu hình thành ở người học các kĩ năng thiết yếu, kĩ năng mềm. Các bài tập nhóm, bài thảo luận giúp SV hình thành kĩ năng làm

việc nhóm, kĩ năng ứng xử; những bài tập thực tế giúp SV hiểu, phân tích được tình huống, kĩ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo trong dạy học. Trường đã ban hành thông báo số 4656//TB-ĐHV ngày 07/12/2015 về kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo kĩ năng mềm; Quyết định về việc thành lập ban chỉ đạo tháng Rèn luyện NVSP và hội thi "Nghiệp vụ Sư phạm" [H4.04.03.01].

Các hoạt động dạy và học của SV ngành SPHH nhằm giúp SV hình thành các kĩ năng và phẩm chất nghề nghiệp cá nhân [H4.04.03.02]: *(1)* **Áp dụng** được các *kĩ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề* trong giáo dục, dạy học bộ môn và trong hoạt động xã hội (cách xác định vấn đề, mô hình hóa và phân tích vấn đề, đánh giá các giải pháp và đề xuất, khuyến nghị) vào hoạt động nghề nghiệp; *(2)* **Áp dụng** được các *kĩ năng nghiên cứu, khám phá tri thức Hóa học và KHGD* (xây dựng giả thuyết, thực nghiệm khảo sát thông tin, phân tích, kiểm tra và kết luận về giả thuyết, công bố vấn đề nghiên cứu) vào hoạt động nghề nghiệp; *(3)* **Áp dụng** được *kĩ năng tư duy tầm hệ thống* (phân biệt các mối liên hệ trong hệ thống, sắp xếp trình tự ưu tiên để giải quyết, dung hòa và cân bằng trong giải quyết các vấn đề của hệ thống) vào hoạt động nghề nghiệp; *(4) Có phẩm chất chính trị, thái độ và tư tưởng*: có sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro, khéo léo, linh hoạt trong vận dụng các nguồn lực, tư duy sáng tạo, tư duy suy xét, kĩ năng học tập và rèn luyện suốt đời, có kĩ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong dạy học; *(5) Ứng xử chuyên nghiệp, công bằng trong ứng xử và đánh giá, có trách nhiệm xã hội*. *Bên cạnh kĩ năng và phẩm chất cá nhân, các hoạt động dạy và học còn giúp SV có kĩ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả: (i)* Áp dụng được kĩ năng *làm việc nhóm* (kĩ năng tổ chức nhóm, hoạt động nhóm, phát triển nhóm và lãnh đạo nhóm) vào các hoạt động nghề nghiệp; *(ii)* Áp dụng được kĩ năng xây dựng chiến lược giao tiếp, cấu trúc giao tiếp; thực hành giao tiếp bằng văn bản và ICT; kĩ năng thuyết trình; kĩ năng đàm phán, vận động, thỏa hiệp và giải quyết xung đột vào các hoạt động nghề nghiệp; *(iii)* Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và dạy học Hóa học. Hoạt động dạy và học coi trọng việc hình thành và phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp: (1) ***Nhận biết được*** vai trò và trách nhiệm của người giáo viên; **đánh giá được** ảnh hưởng của xã hội lên giáo dục và ngược lại; ***nhận biết được*** bối cảnh của xã hội; sứ mệnh (nhiệm vụ) của nhà trường; đặc điểm học sinh; vị trí và vai trò của ngành học; (2) **Điều chỉnh, thiết lập** được các mục tiêu dạy học, mục tiêu giáo dục và hướng nghiệp; chức năng, nguyên lý và cấu trúc chương trình nhà trường môn học; **mô hình hóa** chương trình nhà trường; **quản lý** chương trình nhà trường môn học; (3) ***Thiết kế được*** *chương trình nhà trường THPT môn Hóa học và môn*

Khoa học tự nhiên: cấu trúc; nội dung; kế hoạch và hướng dẫn thực hiện; (4) ***Thực hiện (triển khai)*** *được chương trình nhà trường THPT môn Hóa học và môn Khoa học tự nhiên*: triển khai các hoạt động dạy học và giáo dục theo kế hoạch; lãnh đạo và quản lý người học; giám sát, kiểm tra đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện; giải quyết các tình huống sư phạm nảy sinh; (5) ***Phát triển*** *được chương trình nhà trường THPT môn Hóa học và môn Khoa học tự nhiên*: phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong dạy học và giáo dục; phân tích các kết quả kiểm tra, đánh giá và phản hồi để cải tiến và phát triển chương trình môn học sau mỗi chu trình thực hiện.

Các CTĐT đều có các quy định ban hành quy trình hướng dẫn riêng, CTĐT được thay đổi liên tục theo hướng tích cực, ngày càng được cải tiến trình độ và kĩ năng của SV thích hợp với nhu cầu xã hội. Ngày 29/9/2014 trường ban hành quyết định số 3242//QĐ_ĐHV về chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; ngày 27/04/2017 ban hành quyết định số 747/QĐ-ĐHV về CTĐT đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ [H4.04.03.03].

Hàng năm, Khoa/Viện đều tổ chứ hội thi thao giảng cấp Khoa/Viện đối với SV năm thứ tư sau khi SV đã hoàn thành các học phần rèn luyện NVSP. Hai năm/1 lần trường tổ chức thi thao giảng cấp trường cho các Khoa/Viện đào tạo sư phạm. Qua các đợt thi này SV đã nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho bản thân, chuẩn bị thực tập ở các trường THPT [H4.04.03.04].

Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến [H4.04.03.05] các bài giảng, bài tập, các chia sẻ của cựu SV, SV khóa trước cho khóa sau giúp SV có những kênh học tập, những chia sẻ kinh nghiệm học tập, tăng khả năng hiểu biết của mình ngoài sách vở.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa/Viện đưa ra đã tạo động lực cho SV rèn luyện các kĩ năng, giúp họ có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình.

3. Điểm tồn tại

SV chưa có thói quen hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp theo tiếp cận CDIO; Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học tiếp cận CDIO chưa thật sự được chú trọng cho khối ngành sư phạm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hơn các cuộc hội nghị, hội thảo, trao đổi với SV về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO; Mở các hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của SV và giải đáp một cách kịp thời.	Viện	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tạo động lực cho SV hình thành và phát triển kĩ năng nghề nghiệp theo CDIO.	Viện	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Viện Sư phạm Tự nhiên, ngành SPHH đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết SV và rèn các kĩ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của SV. Bên cạnh đó, Viện Sư phạm Tự nhiên cần tạo các môi trường giúp SV có thể đi tìm hiểu các trường THPT ngay từ năm thứ nhất, có cái nhìn thực tế về nghề dạy học; tổ chức những hội nghị, hội thảo về cải tiến CTĐT cho SV và cách dạy học cho GV theo tiếp cận CDIO.

***Tự đánh giá Tiêu chuẩn 4*:** 3/3 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của người học đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Do đó, việc đánh giá kết quả học tập SV ngành SPHH được nhà trường và Khoa/Viện chú trọng bắt đầu từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp**.** Việc đánh giá được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CĐR của chương trình đào tạo. Nhà trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV và được thông báo công khai trước mỗi khóa học và trước khi học mỗi học phần. Trong quá trình đánh giá sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV nhằm giúp SV có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của SV. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của ngành SPHH – Trường Đại học Vinh nhận được sự phản hồi tốt của các bên liên quan (giảng viên, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng,..).

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR.

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả học tập của SV ngành SPHH được thực hiện theo quy trình chặt chẽ từ khi tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp nhằm đạt được CĐR. Thực hiện hướng dẫn của Bộ GD và ĐT về tuyển sinh đầu vào, trường đại học Vinh đã Ban hành Đề án tuyển sinh nhằm đảm bảo chất lượng đầu vào của các ngành, trong đó chú trọng đầu vào của ngành Sư phạm [H5.01.01.01]. Từ năm 2013, Trường đã công bố CĐR các ngành đào tạo, trong đó chỉ rõ các yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H5.01.01.02], công bố bản mô tả CTĐT trong đó mô tả trình độ kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được của SV sau khi tốt nghiệp [H5.01.01.03]. Thực hiện quá trình đổi mới nhằm nâng cao chất lượng, từ năm 2016 Nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, đã ban hành CĐR và khung CTĐT từ khóa 58 theo tiếp cận CDIO [H5.01.01.04]. CĐR các học phần được xây dựng trên cơ sở CĐR của CTĐT. Chuẩn đầu ra là cơ sở để đánh giá kết quả học tập của SV, trên cơ sở đó Khoa/Viện đã xây dựng ma trận trình độ năng lực- CĐR [H5.01.01.05].

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế theo quy trình chặt chẽ, phù hợp với mức độ đạt được CĐR của ngành học, các nội dung học tập, các học phần. Trên cơ sở quy chế của Bộ GD và ĐT về đào tạo ĐH, Trường đã ban hành các quy định đào tạo đại học chính quy các ngành trong đó làm rõ nhiệm vụ, mục tiêu và quy trình kiểm tra đánh giá [H5.01.01.06]. Trường có Trung tâm ĐBCL là đơn vị chuyên trách thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học [H5.01.01.07].

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết qủa học tập, quy định về việc ra đề thi [H5.01.01.08]. Việc đánh giá kết quả học tập các học phần ở Trường Đại học Vinh được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần. Trong đó, đối với hệ thống đào tạo theo tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 70%.

Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi nhằm tăng cường đánh giá năng lực của SV, cụ thể điểm đánh giá quá trình (bao gồm chuyên cần và hồ sơ học phần) chiếm tỷ trọng 50%, điểm thi kết thúc học phần chiếm tỷ trọng 50% [H5.01.01.09]. Hiện nay Trường ĐH Vinh đang triển khai thực hiện đánh giá giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm trên máy tính, các bộ môn có thể lựa chọn và đề xuất hình thức thi trắc nghiệm hoặc tự luận đối với đánh giá cuối kỳ. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có qui định về trọng số điểm. Bộ môn thực hiện phân công cán bộ phụ trách học phân xây dựng đề cương chi tiết, trong đó chỉ rõ các nội dung đánh giá học phần, hình thức, trọng số, .. . [H5.01.01.10]. Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn xây dựng đề thi nhằm đảm bảo tính khoa học, thống nhất và phù hợp CĐR [H5.01.01.11]. Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành SPHH được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với CĐR học phần, trên cơ sở thiết kế Bản đặc tả, ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CĐR của học phần [H5.01.01.12], Các bộ môn đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí đánh giá cho các học phần, nội dung Thực hành thí nghiệm, bám sát CĐR của học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá về kỹ năng, thái độ [H5.01.01.13]. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành các công văn hướng dẫn về việc điều chỉnh chỉnh sửa ngân hàng đề thi phù hợp với yêu cầu của CĐR. Ngành SPHH đã nhiều lần rà soát, chỉnh sửa bộ đề thi các học phần nhằm đảm bảo tính phù hợp, cập nhật với CTĐT.

2. Điểm mạnh

Trường đã có các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp, đã triển khai thực hiện việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần, nội dung và CĐR của CTĐT. Đã thực hiện việc rà soát định kỳ nhằm cập nhật và cải tiến quy trình kiểm tra đánh giá để nâng cao hiệu quả. Việc đổi mới về quy định kiểm tra đánh giá, quy định về tỷ trọng của các thành phần điểm phù hợp với các yêu cầu đã được công bố trong CĐR, nhằm tăng cường đánh giá theo tiếp cận năng lực đối với người học.

3. Điểm tồn tại

Chưa đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực ở tất cả các học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian TH hoặc HT	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Viện/Bộ môn, Giảng Viên	Hoàn thành 2019	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn chỉnh thực hiện các quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (theo CDIO), tăng cường các hình thức đánh giá quá trình, sử dụng kết hợp các hình thức đánh giá, thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức, quy trình đánh giá để đảm bảo cập nhập, phù hợp với CĐR của CTĐT.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Viện/Bộ môn, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả học tập của SV tại Trường Đại học Vinh được áp dụng theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Qui chế 43) và Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT sửa đổi bổ sung Quy chế 43 của Bộ GD - ĐT [H5.05.02.01]. Trường Đại học Vinh đã ban hành quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02], trong đó quy định rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí đánh giá, thang điểm và trọng số của các điểm thành phần.

Điểm học phần được tính từ các điểm thành phần theo các công thức sau:

- Đối với học phần không có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \text{ x } 0,1 + a_2 \text{ x } 0,2 + a_3 \text{ x } 0,7$$

- Đối với học phần có thực hành thí nghiệm:

$$a = a_1 \times 0,1 + a_2 \times 0,2 + \left(\frac{a_3 \times m + a'_3 \times n}{m + n}\right) \times 0,7$$

Trong đó:

a: điểm học phần;

a_1: điểm chuyên cần;

a_2: điểm đánh giá giữa học phần (kiểm tra thường kì);

a_3: điểm thi kết thúc học phần phần lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

a'_3: điểm phần thực hành, thí nghiệm;

m: số giờ lí thuyết (gồm cả bài tập, xêmina);

n: số tiết thực hành, thí nghiệm.

(điểm thành phần và điểm học phần đều làm tròn đến một chữ số thập phân)

Các công thức trên được lập trong phần mềm quản lý điểm. Nhà trường ban hành quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định các khâu của quá trình đáng giá: đánh giá học phần, giữa kỳ, hình thức, phương pháp và các vấn đề liên quan một cách rõ ràng, chặt chẽ [H5.05.02.03].

Các quy định của nhà trường được cụ thể hóa và quy định rõ trong nội dung đánh giá khóa học, mỗi học phần [H5.05.02.04]. Tuy nhiên việc đánh giá một số nội dung,

học phần Thực hành thí nghiệm còn chưa có các quy định, tiêu chí rõ ràng, chi tiết nên việc đánh giá còn gặp khó khăn.

Từ khóa đào tạo thứ 58 (tuyển sinh năm 2017), nhà trường thực hiện đổi mới chương trình theo định hướng tiếp cận năng lực, các quy định về đánh giá kết quả học tập có sự thay đổi theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, đánh giá quá trình, tiêu chí đánh giá được xây dựng trên cơ sở CĐR của CTĐT, CĐR của học phần. Phương pháp đánh giá, tiêu chí và trọng số có sự thay đổi: tăng cường áp dụng các hình thức đánh giá khách quan và tăng trọng số điểm đánh giá quá trình, (bổ sung điểm hồ sơ học phần với trọng số 20%), quy định các công thức tính điểm học phần đối với các loại học phần khác nhau [H5.05.02.05]. Trường ban hành các quy định về công tác tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập, quy định cụ thể về các hình thức đánh giá, tổ chức thi, chấm thi, quản lý bài thi, hồ sơ và kết quả thi một cách chặt chẽ nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và công bằng [H5.05.02.06].

Thời gian thi giữa kỳ, thi học phần đều được quy định rõ ràng trước mỗi học kỳ, năm học [H5.05.02.07]. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được quy định rõ ràng và được giảng viên thông báo công khai đến SV trước mỗi học kỳ và khi bắt đầu học của mỗi học phần [H5.05.02.08]. Các khâu của quá trình đánh giá được quy định rõ ràng, chặt chẽ và phân công trách nhiệm đến từng bộ phận, giảng viên, cụ thể về nội dung và thời gian. Trường ban hành hướng dẫn cụ thể về các khâu của quá trình đánh giá nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu đánh giá trên cơ sở CĐR của CTĐT và CĐR học phần [H5.05.02.03].

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý điểm, đảm bảo quản lí kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lí số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.02.03]. Nhà trường có quy định rõ ràng về cơ chế phản hồi kết quả học tập đối với người học, bao gồm hướng dẫn thực hiện quy đình đề nghị xem xét lại điểm thi từ phía SV và quy định trách nhiệm và thời gian phản hồi, Trung tâm Đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên trách giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình đánh giá [H5.05.02.04]. Các vần đề liên quan đến ý kiếm của SV về điểm thi đã được giải quyết kịp tời và thông tin tới người học theo đúng quy trình và thời gian quy định [H5.05.02.05].

Kết quả học tập của người học được Nhà trường quản lí chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các khoa đào tạo, Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo và lưu trữ trên phần mềm quản lí đào tạo của Nhà trường

[H5.05.02.04] và được thông báo kịp thời và công khai đến người học: thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, khoa đào tạo và qua tài khoản SV [H5.05.02.06].

Sau mỗi học phần, khóa học nhà trường, ngành đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, kết qủa cho thấy 100% người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra/đánh giá kết quả học tập [H5.05.02.07].

2. Điểm mạnh

Trường có các qui định cụ thể, rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, quy trình tổ chức thi, chấm thí, quản lý kết quả và được triển khai thực hiện nghiêm túc ở các bộ phận. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời đến các bên liên quan, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Các bộ phận chức năng, cán bộ, giảng viên đều thực hiện đầy đủ các quy định của nhà trường về kiểm tra đánh giá và công khai việc công bố quy trình , tiêu chí, phương pháp, thời gian đánh giá trong từng học phần cho SV vào buổi học đầu tiên của học phần. Việc đánh giá được sự kiểm tra, giám sát của trưởng bộ môn, trung tâm ĐBCL và các bộ phận quản lý liên quan nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và minh bạch.

3. Điểm tồn tại

Việc sử dụng phương pháp đánh giá trong một số học phần, nội dung đặc thù ngành chưa thống nhất.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần thống nhất để xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chung cho các học phần thực hành, thí nghiệm của ngành	TTĐBCL /Viện/Bộ môn/GV	Hoàn thành vào cuối 2019	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận năng lực (CDIO), thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan để hoàn thiện và phát	TTĐBCL /Viện/Bộ môn/GV	Hàng năm	Đang thực hiện

		triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.			

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả

Trên cơ sở Qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD – ĐT, tháng 4 năm 2013, Trường Đại học Vinh đã Ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.01]. Trong chương 3 (Đánh giá kết quả học tập và tổ chức thi kết thúc học phần) quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần, cách tổ hợp điểm học phần (điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận với trọng số: điểm chuyên cần (10%), điểm giữa kỳ (20%), điểm thi kết thúc học phần (70%). Quy định các công thức tính điểm học phần đối với các học phần không có và có thực hành thí nghiệm và quy định về đánh giá kết quả học tập của SV đối với một số môn học đặc thù (GDQP, GDTC), các nội dung đặc thù của ngành Sư phạm. Hình thức kiểm tra, thi đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, trắc nghiệm trên máy tính, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng Trường đã cụ thể hóa quy định bằng các văn bản hướng dẫn thực hiện các khâu của quá trình đánh giá nằm đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy [H5.05.03.02]. Năm học 2015-2016, Trường Đại học Vinh đã thực hiện thí điểm việc đánh giá giữa kỳ một số học phần theo hình thức testonline [H5.05.03.03].

Từ năm 2016, nhà trường bắt đầu thực hiện đổi mới chương trình theo tiếp cận CDIO, đã ban hành quy định về đào tạo hệ đại học chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ, đã có những cải tiến về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV theo hướng tăng cường đánh giá năng lực, tăng độ chính xác, độ tin cậy. Quy định về các các loại điểm đánh giá bộ phận trong đánh giá học phần có sự thay đổi, đưa thêm điểm đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) vào thành phần điểm đánh giá với trọng số 20% và giảm trọng số điểm thi cuối học phần từ 70% xuống 50% [H5.05.03.04]. Để thực hiện việc đánh giá học phần theo tiếp cận CDIO, Nhà trường ban hành quy định về việc xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bảo phủ

chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV và ma trận đề thi, thi giữa kỳ đối với các học phần đại cương được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm khách quan [H5.05.03.05].

Triển khai các quy định và hướng dẫn của nhà trường, ngành SPHH đã xây dựng ĐCCT các học phần trong CTĐT, có quy định về hình thức đánh giá học phần và biên soạn ngân hàng đề thi học phần, 100% các học phần trong chương trình đào tạo có ngân hàng đề thi, có 2 học phần thực hiện thi giữa kỳ theo hình thức testonline [H5.05.03.06]. Hàng năm Khoa/Viện đều triển khai rà soát tình trạng đề thi theo kế hoạch của trường; các khâu coi thi, chấm thi được thực hiện nghiêm túc theo quy định của nhà trường [H5.05.03.02]. Nhà trường có bộ phận thanh tra công tác coi thi, chấm thi để đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng [H5.05.03.07].

Thực hiện theo kế hoạch triển khai CTĐT theo tiếp cận CDIO, từ năm 2017, ngành Hóa học đã thực hiện xây dựng đề cương chi tiết các học phần theo tiếp cận CDIO, về nội dung đánh giá được thiết kế khoa học và chặt chẽ hơn trên cơ sở CĐR của CTĐT, CĐR học phần [H5.05.03.08]. Trong ĐCCT quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực [H5.05.03.09], thực hiện xây dựng Ngân hàng đề thi học phần trên cơ sở xây dựng Bản đặc tả, sau đó thiết kế hệ thống câu hỏi theo 5 mức độ đánh giá và xây dựng ma trận đề thì cho đề thi giữa kỳ, đề thi học phần và bắt đầu được áp dụng cho khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017) [H5.05.03.10]. Trong đánh giá quá trình, ngoài đánh giá chuyên cần,ý thức và thái độ học tập (trọng số 10%), giảng viên còn đánh giá kết quả tham gia thảo luận, làm việc nhóm và hồ sơ học tập của SV (trọng số 20%). Việc đánh giá giữa kỳ được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm cho tất cả các học phần đại cương. Đặc biệt, Khoa/Viện đã triển khai xây dựng Bộ Tiêu chí đánh giá Thực hành thí nghiệm cho một số nội dung, học phần thí nghiệm của CTĐT, các kết quả về xây dựng bộ tiêu chí đánh giá được thông qua với sự tham gia của hầu hết các giảng viên, các BM đã tổ chức nhiều buổi seminar để thống nhất về tiêu chí đánh giá, đây là một trong những cơ sở để hoạt động đánh giá thực hành thí nghiệm theo tiếp cận năng lực đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và công bằng [H5.05.03.11]. Việc đánh giá kết quả học tập ở trường Đại học Vinh nhận được sự phản hồi tốt của người học và của các bên liên quan [H5.05.03.12].

2. Điểm mạnh

Với sự chỉ đạo của Trường và các phòng ban chức năng (TTĐBCL) hoạt động đánh giá kết quả học tập ở Trường Đại học Vinh nói chung và trong CTĐT ngành SPHH nói riêng đâng từng bước được chuyên nghiệp hóa với việc sử dụng đa dạng các

phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CĐR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần	BM/TTĐBCL	Thực hiện hàng năm/học kỳ	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục chỉ đạo và thực hiện quy trình đánh giá theo tiếp cận năng lực (CDIO), đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết qủa học tập và sử dụng phù hợp với đối tượng, tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá trong đào tạo.	Trường/TT ĐBCL/Viện /Bộ môn/Cán bộ GD	Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả

Các quy trình đánh giá được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo các quy trình được thực hiện theo đúng kế hoạch, để kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến người học đảm bảo người học có điều kiện cải thiện kết quả học tập Theo quy định, giảng viên phải công khai trước lớp điểm quá trình (điểm chuyên cần, thái độ và điểm kiểm tra giữa học phần) ở buổi học cuối của mỗi học phần [H5.05.04.01]. Đối với điểm thi kết thúc học phần, nhà trường qui định ngay sau khi thi kết thúc học phần, Trung tâm

ĐCL phải tổ chức dồn túi, cắt phách, và chuyển giao bài cho tổ bộ môn để các giảng viên tiến hành chấm bài và công bố kết quả cho SV sau khi thi 2 tuần [H5.05.04.02]. Kết quả học tập của SV được Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: thông tin trên bảng tin của Trung tâm ĐBCL, Khoa/Viện đào tạo và trang web của Trường (qua tài khoản SV). Thông qua hệ thống phần mềm quản lí (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.03].

Nhà trường có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với các SV theo từng học kỳ, nhằm thông tin cho SV có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành chương trình đào tạo trog thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho SV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất [H5.05.04.04].

Trong quá trình đào tạo, Khoa/Viện đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về đánh giá và phản hồi kết quả cho người học. Hiện nay các học phần đại cương của ngành đều đã thực hiện đánh giá giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm, sau mỗi học kỳ các cán bộ đều hoàn thành các điểm bộ phận và nhập vào phần mềm trước khi thi kết thúc học phần. Các khâu coi thi, chấm thi thực hiện theo đúng kế hoạch, các học phần thuộc chương trình đào tạo của ngành SPHH đều hoàn thành việc công bố kết quả đánh giá đúng thời gian quy định [H5.05.04.05].

Để nắm tình hình học tập của người học và hỗ trợ người học trong quá trình học Khoa/Viện đã phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp SV, các trường hợp SV thuộc diện cảnh báo, Khoa/Viện yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các SV, lập danh sách SV thuộc diện cảnh báo và tồn đọng [H5.05.04.06]. Hằng năm, Khoa/Viện có gửi giấy thông báo kết quả học tập và rèn luyện về gia đình để gia đình nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của SV nhằm hỗ trợ SV cải thiện kết quả [H5.05.04.07]. Trong mỗi học kỳ, Khoa/Viện đều tổ chức các buổi gặp mặt các SV thuộc diện cảnh báo, có sự tham gia của Ban lãnh đạo Khoa/Viện, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý SV và, Cố vấn học tập. Tại cuộc họp đó, SV được tư vấn và hướng dẫn lập kế hoạch học tập. Công tác rà soát này được TLĐT thực hiện cụ thể nghiệm túc đúng quy trình, Hội đồng Khoa học – Đào tạo Khoa/Viện tiến hành họp và đề xuất các phương án hỗ trợ SV để cải thiện việc học tập thông qua CVHT, giáo viên chủ nhiệm [H5.05.04.08]. Kết quả thực hiện được tổng kết, đánh giá hàng năm để rút kinh nghiệm thực hiện nhằm tăng cường việc hỗ trợ người học trong việc cải thiện kết quả học tập. SV có phản hồi tốt về cơ chế và các điều kiện hỗ trợ việc cải thiện kết quả học tập trong mỗi học phần và toàn khóa học [H5.05.04.09].

2. Điểm mạnh

- Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác thông qua hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng và được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của các bộ phận chức năng và cán bộ, giảng viên.

- 100% SV được thông báo kết quả học tập kịp thời và được tạo điều kiện để cải thiện kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

- Chưa có cơ chế kiểm soát việc công bố, phản hồi kết quả của người học đối với GV trong quá trình giảng dạy

- Phần mềm quản lý, thông báo điểm đôi khi còn quá tải gây khó khăn cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của người học trong quá trình học	Trường/ TTCNTT/ Viện	Năm 2019	Đang thực hiện
		Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập	Trường/ TT CNTT	Năm 2019	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc quan lý, lưu trữ, phản hồi kết qảu thông qua hệ thống quản lý chuyên dụng của Trường. Tăng cường chứa năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết qảu học tập để hoàn thành chương trình đào tạo một cách tốt nhất.	Trường/ TTĐBCL/ Viện	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Để tạo điều kiện cho người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, Nhà trường đã có những quy định cụ thể về quy trình kiểm tra, điều chỉnh kết quả của người học. Cụ thể:

Kết quả học tập của người học được đánh giá bằng cả 2 loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá định kỳ. Công thức tính điểm đánh giá kết quả học tập của SV được áp dụng theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H5.05.05.01].

Đối với điểm chuyên cần, thái độ và điểm thi giữa học kỳ giảng viên phải công bố trước lớp vào buổi học cuối cùng của học phần [H5.05.05.02]. Nếu người học có khiếu nại thì giảng viên dạy học phần đó phải kiểm tra lại và thông tin kịp thời tới người học. Sau đó kết quả của điểm thi giữa kỳ và điểm chuyên cần sẽ được giảng viên nộp cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, chuyển cho văn phòng Khoa/Viện và cùng với cán bộ văn phòng Khoa/Viện nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo. Giảng viên và cán bộ văn phòng Khoa/Viện cùng ký xác nhận vào bảng điểm in sau khi nhập xong dữ liệu [H5.05.05.02].

Người học sẽ nhận được kết quả điểm chuyên cần, giữa kỳ và cuối kỳ trên tài khoản cá nhân của mình [H5.05.05.03]. Nếu phát hiện sai lệch người học sẽ có quyền khiếu nại. Nếu sai sót trong khâu nhập điểm thì cán bộ văn phòng Khoa/Viện có thể đề nghị sửa lại điểm cho người học theo quy định [H5.05.05.04].

Sau khi có kết quả thi kết thúc học phần, người học có quyền làm thủ tục kiểm tra điểm nếu không thỏa mãn thông qua bộ phận một cửa [H5.5.05.05]. Đơn đề nghị kiểm tra lại điểm thi của người học sẽ được xem xét giải quyết kịp thời, đúng quy định. Thời hạn SV phản ánh sai lệch điểm thi muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi, sau thời gian trên nhà Trường sẽ không giải quyết [H5.05.05.04]. Kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần muộn nhất 30 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị, Trung tâm ĐBCL chuyển kết quả bằng văn bản gửi về Khoa/Viện để thông báo cho SV biết. Trung tâm ĐBCL cử cán bộ đảm nhận việc sửa điểm, cập nhật điểm trên hệ thống [H5.5.05.06].

Để giúp người học nắm vững quy định, quy trình khiếu nại kết quả học tập, Nhà trường và Khoa/Viện đãtổ chức tuần học Chính trị đầu khóa. Tại các buổi học này Nhà trường đã phổ biến các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập để người học nắm bắt và thực hiện [H5.5.05.07], đồng thời những quy định này được Nhà trường

thông báo trên cổng thông tin của Bộ phận một cửa và trong sổ tay của người học giúp cho người học có thể tra cứu bất cứ khi nào [H5.5.05.08].

Tình trạng khiếu nại về kết quả học tập của người học, hằng năm được TT ĐBCL thống kê. Việc thống kê trường hợp người học khiếu nại về kết quả học tập và kết quả điều chỉnh sau khi xem xét đã giúp Nhà trường, Khoa/Viện và Bộ môn nắm bắt tình hình từ đó có những giải pháp khắc phục. Năm 2016- 2018, Khoa/Viện không có trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV ngành SPHH [H5.5.05.09]. 100% SV biết và hài lòng với quy trình khiếu nại kết quả học tập của nhà Trường [H5.5.05.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành những quy định cụ thể về vấn đề khiếu nại kết quả học tập của người học, thông báo công khai đến người học giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Trường và Khoa/Viện có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ người học trong quá trình giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng và thuận lợi.

3. Điểm tồn tại

Kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập chưa được công bố công khai trên website của nhà trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả học tập trên website của Nhà trường	TTĐBCL/ Viện	Năm 2019	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của SV.	TTĐBCL/ Viện	Thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Việc đánh giá kết quả học tập của người học bám sát các yêu cầu của CĐR về

kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nhà trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu từng học phần; đánh giá được mức độ tích luỹ của người học về kiến thức chuyên môn, kĩ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho người học. Kết quả học tập của người học được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn. Khoa/Viện có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ người học trong suốt quá trình học tập tại trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học, giúp người học dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

***Tự đánh giá Tiêu chuẩn 5*:** 5/5 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu

Mở đầu

Với truyền thống gần 60 năm đào tạo sư phạm nên đội ngũ GV ngành SPHH, Trường Đại học Vinh được đào tạo và bồi dưỡng trong môi trường đào tạo và nghiên cứu khoa học tốt. Chính sách tuyển dụng và được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi các ứng viên nộp hồ sơ dự tuyển. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn GV được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Giảng viên ngành SPHH nói riêng và toàn trường được nhà trường tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như phát triển về mặt khoa học. Hiệu quả công việc của GV được đánh giá trên nhiều hình thức và là một trong những công cụ để nhà trường thực hiện công tác cải tiến chất lượng nhằm hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, trong đó có chiến lược phát triển đội ngũ GV của Trường Đại học Vinh trong giai đoạn này. Trên cơ sở chiến lược của Trường, Khoa/Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV ngành Hóa. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được Khoa/ Viện chú trọng và được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hằng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [H6.06.01.01].

Nhà trường có văn bản quy định tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm GV dựa trên nhu cầu nhân lực của từng đơn vị trong Trường, được thông báo công khai minh bạch trên các cổng thông tin của Nhà trường [H6.06.01.02]. Hàng năm, Nhà trường ra thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt, kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên website của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua đó thu hút được nguồn GV có chất lượng [H6.06.01.03]. Để thu hút nguồn GV giỏi, Nhà trường có chính sách ưu tiên tiếp nhận sau khi tiếp tục đi học nâng cao trình độ sau đại học đối với SV giỏi và

tuyển dụng đặc cách không qua thi tuyển đối với những ứng viên có bằng TS những ngành Nhà trường đang cần [H6.06.01.03]. Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV được quy định rõ ràng trong Quy chế công tác cán bộ. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các chính sách hiện hành [H6.06.01.04].

Căn cứ vào định hướng phát triển của đơn vị, khối lượng công việc, cân đối với thực trạng đội ngũ hiện có, trên cơ sở khảo sát nhu cầu cán bộ và nhu cầu của bộ môn, Khoa/Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trình Hiệu trưởng xem xét quyết định [H6.06.01.05]. Hiện nay, đội ngũ GV tham gia đào tạo ngành SPHH gồm 22 người, trong đó có 01 GS, 09 PGS (chiếm 45,5%), 08 TS (chiếm 36,4%) và 04 Ths (chiếm 18,1%)[H6.06.01.06], tỷ lệ GV có học vị tiến sĩ là 81,8%, tỷ lệ GV là GS, PGS đạt 45,5%, đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng chuyên môn sâu cho công tác đào tạo.

Công tác NCKH cũng là một trong các tiêu chí để quy hoạch và bồi dưỡng đội ngũ GV. Đến nay ngành Hóa học đã có đội ngũ GV có trình độ cao, phân bố khá đồng đều ở các bộ môn, đủ năng lực thực hiện các đề tài KHCN các cấp. Hằng năm luôn có các đề tài KHCN từ cấp trường, bộ và nhà nước được triển khai và hoàn thành [H6.06.01.07]. Ngành Hóa học cũng là một trong những ngành đi đầu trong Trường về công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.01.08].

Ngoài ra để thu hút, khuyến khích và động viên cán bộ, Nhà trường có nhiều chính sách quan tâm đến sự phát triển đội ngũ như tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các cán bộ GV hoàn thành việc bảo vệ luận án TS và được công nhận đạt chuẩn chức danh GS, PGS, thưởng cho các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế, tạp chí ISI, Scopus [H6.06.01.9]. Các GV của ngành cũng được tạo điều kiện tham gia các lớp học ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị để nâng cao nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo [H6.06.01.10].

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV được Nhà trường và Khoa/Viện hết sức chú trọng và triển khai kịp thời, theo nhu cầu nhân lực của từng đơn vị và theo phân tích nhu cầu đội ngũ GV. Đội ngũ GV ngành Hóa được quy hoạch có chất lượng tốt, tỷ lệ GV có trình độ TS và có học hàm PGS, GS cao, đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo,

NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc tạo nguồn cán bộ đang gặp khó khăn do số lượng cũng như chất lượng đầu vào của SV giảm xuống trong những năm gần đây.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xem xét việc tuyển dụng cán bộ từ các nguồn bên ngoài khi cần thiết	Khoa/viện và các bộ môn	Định kỳ hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác xây dựng, rà soát, bổ sung quy hoạch, kế hoạch, thực hiện tốt việc bồi dưỡng cán bộ	Trường, Khoa/Viện và các bộ môn	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.2. Tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Tổng số GV tham gia giảng dạy tại ngành SPHH tính đến 6/2019 là 22 với độ tuổi bình quân là 42 tuổi; Số GV đạt trình độ GS là 01 (4,5%), PGS là 09 (chiếm 41%), TS là 08 (chiếm 36,4%), ThS là 04 (chiếm 18.1%), số GV đang làm nghiên cứu sinh trong nước là 02 (chiếm 9%) [H6.06.02.01]. Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Hóa học trong những năm gần đây khá ổn định và cải thiện theo từng năm và đảm bảo theo quy định của Bộ GD&ĐT, [H6.06.02.02]. Trong năm 2018-2019 tỷ lệ GV quy đổi/ SV là 01/3. Đây là một trong các căn cứ cho việc xây dựng, rà soát, bổ sung, bồi dưỡng cán bộ cho ngành. Như vậy, trong giai đoạn 2015- 2019 tỷ lệ giảng viên/ SV luôn đạt yêu cầu so với quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành theo Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT [H6.06.02.03].

Trường đã ban hành định mức giờ chuẩn cho GV bao gồm giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn, có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của GV [H6.06.02.04] Việc thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho GV được cử đi học cũng được quy định rõ ràng [H6.06.02.05]. Đầu năm học các bộ môn triển khai việc phân công giờ dạy cho GV một cách cân đối, hợp lý theo chuyên môn và trình độ năng lực được thông qua ở Khoa/Viện sau đó là Trường phê duyệt [H6.06.02.06]. Vào cuối mỗi năm học, các GV ngành Hóa học đều thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch năm học mới. Căn cứ theo chức danh, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó việc đánh giá được tiến hành ở bộ môn, hội đồng Khoa/Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Qua đánh giá, xếp loại, những GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [H6.06.02.07]. Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng [H6.06.02.08]. Trong 4 năm gần đây, tất cả các GV ngành Hóa học đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc này không chỉ giúp từng GV ngành Hóa học đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên/người học của ngành Hóa vượt mức cao so với yêu cầu của bộ GD&ĐT. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sỹ cao và không ngừng được cải thiện. Các GV đều hoàn thành tốt khối lượng công việc được giao theo quy định của bộ GD&ĐT và Trường Đại học Vinh.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Có hành các văn bản quy định về các hoạt động phục vụ cộng đồng	Lãnh đạo và hội đồng Trường	Tháng 8/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng dựa trên đo lường, giám sát tỉ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc	Khoa/Viện và Trường	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Phòng Tổ chức - Cán bộ là đơn vị chuyên trách việc quản lí và nắm bắt tình hình nhân sự, tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường về công tác tổ chức và cán bộ [H6.06.03.01].

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ [H6.06.03.02]. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV từ kế hoạch tuyển chọn, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H6.06.03.03]. Ví dụ, việc lựa chọn GV các ngành sư phạm phải là tốt nghiệp loại giỏi ở các trường đại học có uy tín và có bằng thạc sỹ đúng chuyên ngành

tuyển dụng. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng GV cho các đơn vị. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của bộ môn; đưa vào kế hoạch tuyển dụng của Khoa/Viện được thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt [H6.06.03.04]. Qui trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy) [H6.06.03.05].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Ngoài ra Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như trưởng Khoa/Viện, phó trưởng Khoa/Viện, trưởng và phó trưởng bộ môn [H6.06.03.06], các tiêu chuẩn để bổ nhiệm GS, PGS, GVC cũng được cụ thể hóa và có một số tiêu chuẩn yêu cầu cao hơn so với mức quy định của Bộ GD-ĐT[H6.06.03.07]. Nhà trường khuyến khích và có các chế độ ưu đãi và trợ giúp về thời gian và kinh phí để các GV học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mở các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ sư phạm cho các GV [H6.06.03.08].

Tất cả các văn bản quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực của GV đều được Nhà trường xây dựng theo một quy trình chặt chẽ, trong đó các GV được tham gia góp ý kiến thảo luận, thống nhất, sau khi phê duyệt được đăng tải công khai trên website Nhà trường và thông báo trên phần mềm I-Office (trước đây là E Office) [H6.06.03.09], được phổ biến và quán triệt trong các buổi họp cơ quan, đơn vị.

Ngành Hóa học đã thực hiện kế hoạch và chiến lược phát triển đội ngũ GV hiệu quả; đảm bảo về chất lượng và cân đối về ngạch, bậc GV đáp ứng được nhu cầu của Khoa/Viện và Nhà trường, vì vậy đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, viên chức đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng cho các lĩnh vực công tác: giảng dạy, NCKH [H6.06.03.10]. Do nhu cầu về nhân lực nên 5 năm qua mặc dù ngành chưa tuyển mới nhưng công tác quy hoạch cán bộ vẫn hết sức được chú trọng. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện biên soạn đề cương bài giảng, thông qua bài giảng của Bộ môn và tập luyện tại Bộ môn trước khi lên lớp chính thức.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển

dụng bổ nhiệm GV được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

3. Điểm tồn tại

Tiêu chí NCKH-CN đối với ứng viên chưa được xác định rõ ràng khi tuyển dụng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có yêu cầu cụ thể về số lượng, chất lượng công trình NCKH đã công bố đối với giảng viên ở từng trình độ, từng vị trí cụ thể	Các bộ môn, ngành Hóa và Trường	Định kì hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng và bồi dưỡng GV thông qua xác định tốt các tiêu chí tuyển dụng và công khai hóa các tiêu chí này, đồng thời cập nhật và bổ sung các tiêu chí mới khi cần thiết.	Các bộ môn, ngành Hóa và Trường	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được tuyển dụng được xác định và đánh giá.

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định của nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV [H6.06.04.01], Nhà trường có quy định rõ ràng về năng lực của GV, NCV bao gồm tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của GV, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng GV [H6.06.04.02]. Các GV

không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn cần phải tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ và các hoạt động chuyên môn khác, trên cơ sở đó GV được bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng vào cuối mỗi năm học [H6.06.04.03].

Nhà trường có quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức. Văn bản này đã được xây dựng một cách dân chủ, được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường [H6.06.04.04]. Trên cơ sở đó, Nhà trường căn cứ xếp loại cán bộ, viên chức hàng tháng để chi trả lương tăng thêm [H6.06.04.05]. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, sau đó được tiến hành ở Bộ môn và Lãnh đạo Khoa/Viện, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Từ đó, Nhà trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học [H6.06.04.06]. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá trình độ ngoại ngữ cho các GV và xem đây là một trong các tiêu chuẩn để bình xét thi đua, khen thưởng [H6.06.04.07].

Để động viên khuyến khích nâng cao nghiệp vụ giảng dạy đặc biệt là cho GV trẻ, Nhà trường và Khoa/Viện thường xuyên tổ chức dự giờ thao giảng [H6.06.04.08]. Thông qua ý kiến đánh giá và góp ý sau mỗi giờ thao giảng, các GV có thể hoàn thiện hơn nữa về kỹ năng giảng dạy và qua đó nâng cao chất lượng đào tạo trong ngành và cả trường. Mặt khác, Nhà trường đã thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động Nhà trường. Vào cuối mỗi học kỳ, SV đều thực hiện việc đánh giá công tác giảng dạy của GV [H6.06.04.09]. Từ đó Nhà trường có thông tin phản hồi từ người học đối với GV,thông tin phản hồi từ SV giúp GV cải tiến chất lượng giảng dạy cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng dạy học tốt hơn [H6.06.04.10]. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV được Khoa/Viện và Nhà trường hết sức chú trọng và được phân tích, khảo sát dựa trên kế hoạch năm học của từng bộ môn và từng Khoa/Viện trong Trường [H6.06.04.11].

Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán. Ngành và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược

phát triển cán bộ phù hợp.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Khoa/Viện và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Tuy việc đánh giá năng lực ngoại ngữ được trường tiến hành một cách thường xuyên nhưng trình độ ngoại ngữ của một số GV vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động đào tạo và hợp tác quốc tế.

Quy định đánh giá chưa thể hiện đầy đủ các năng lực cần đánh giá của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khuyến khích các GV tham gia các lớp học ngoại ngữ do trường đề ra. Cần có hệ thống đánh giá bao quát hơn trong công tác đánh giá GV	Khoa/Viện và trường	Định kì hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV theo các tiêu chuẩn của bộ BGD&ĐT và do trường đề ra	Khoa/Viện và trường	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Trường Đại học Vinh luôn chú trọng phát triển đội ngũ GV, xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích và tạo mọi điều kiện để GV hoàn thành công việc của mình. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ GV trẻ, GV

tập sự trong giảng dạy và NCKH đặc biệt được quan tâm. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng bộ môn, thực tiễn yêu cầu của công tác và định hướng phát triển, Khoa/Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và từng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2016-2020 và trong từng năm dựa trên nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị [H6.06.05.01]. Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác [H6.06.05.02]. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia [H6.06.05.03]. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.04].

Hàng năm, Trường, Khoa/Viện đều hướng dẫn các bộ môn xác định nhu cầu về công tác cán bộ, bao gồm nhu cầu tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng để đưa vào kế hoạch năm học [H6.06.05.05]. Căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng GV, theo từng năm học Khoa/Viện đều rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học chung của đơn vị trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2014 đến nay ngành Hóa học đã có thêm 04 TS, nâng tỷ lệ giảng viên có trình độ TS trong ngành lên 81,9% [H6.06.05.06]. Trong thời gian này đã có 05 nhà giáo được phong học hàm GS, PGS [H6.06.05.07], nâng tỷ lệ GS, PGS (ngành Hóa học) tham gia giảng dạy chương trình sư phạm hóa học đạt 45.4%. Trong 4 thạc sỹ còn lại của ngành có 2 người đang trong quá trình làm luận án TS [H6.06.05.08]. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn về xây dựng chương trình và giảng dạy theo tiếp cận CDIO do trường tổ chức [H6.06.05.09].

Nhiều GV ngành Hóa học cũng đã tích cực tham gia các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lí hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ cán bộ quản lí do trường tổ chức [H6.06.05.10].

Khoa/Viện đã chú trọng các hình thức sinh hoạt chuyên môn ở các bộ môn, tạo

cơ hội cho GV phát huy sức sáng tạo, trao đổi, rèn luyện nghiệp vụ, phương pháp sư phạm một cách thường xuyên như xemina học thuật, dự giờ giảng dạy của GV [H6.06.05.11]. Các hoạt động này đều được xem xét để đánh giá thi đua vào cuối năm học, tạo động lực tốt cho các GV tham gia đầy đủ và hiệu quả [H6.06.05.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và ngành Hóa đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn. Kết quả là hiện nay ngành Hóa có đội ngũ GV với tỷ lệ TS, GS và PGS cao, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của hoạt động đào tao, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Việc nâng cao năng lực ngoại ngữ của GV chưa đạt mục tiêu theo đề án ngoại ngữ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Đổi mới phương pháp giảng dạy ở các lớp ngoại ngữ mà nhà trường mở nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ cho GV	Khoa/Viện	Định kì hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích các GV học tập nâng cao trình độ và nghiệp vụ giảng dạy đáp ứng yêu cầu CTĐT mới và CTGD phổ thông tổng thể	Khoa/Viện	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 6.6: ***Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

1. Mô tả

Nhà trường có quy trình, tiêu chí để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Quá trình xây dựng các tiêu chí, quy trình đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong

Nhà trường [H6.06.06.01]. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.02]. Kết quả giảng dạy và NCKH của các GV được kê khai minh bạch và quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học... [H6.06.06.03]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Kết quả NCKH công bố trên các tạp chí quốc tế được Trường khen thưởng, GV có nhiều bài báo công bố quốc tế được đặc cách tăng lương hoặc xét thi đua-khen thưởng. Những trường hợp không hoàn thành định mức giảng dạy và NCKH được đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ và không được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm [H6.06.06.04]. Hàng năm Trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học, kê khai các hoạt động của GV, đánh giá GV và bình xét danh hiệu thi đua, theo đó việc đánh giá kết quả công việc phải được thực hiện công khai từ cấp cơ sở [H6.06.06.05].

Vào đầu năm học, Khoa/Viện xây dựng kế hoạch năm học cho toàn đơn vị, cụ thể đến từng GV để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động [H6.06.06.06]. Việc đánh giá kết quả hoạt động của GV được tiến hành một cách công khai theo từng bộ môn. Mỗi cán bộ GV trong Khoa/Viện đều được đánh giá hiệu quả làm việc thông qua việc xếp loại lao động (A,B,C) hàng tháng, do đó lãnh đạo Khoa/Viện và trưởng bộ môn đều phải thường xuyên giám sát, theo dõi và đánh giá hiệu quả công tác của GV theo kế hoạch. Cuối năm học, Bộ môn tổng hợp khối lượng giảng dạy, NCKH, công tác khác kèm theo minh chứng để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó là đánh giá ở cấp Khoa/Viện [H6.06.06.07]. Căn cứ trên kết quả đánh giá từ Khoa/Viện, Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm đối với cán bộ, viên chức và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Bên cạnh đó, những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng [H6.06.06.08].

Định kì, Nhà trường tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và sự quan tâm của GV đến người học. Cuối mỗi đợt đều có báo cáo kết quả thông

báo đến từng đơn vị và từng GV [H6.06.06.09]. Mỗi cán bộ, GV đều có bộ hồ sơ năng lực được bổ sung tích lũy hàng năm [H6.06.06.10] do Phòng TCCB quản lý. Công tác đánh giá cán bộ và xếp loại thi đua, khen thưởng của Trường đảm bảo công bằng, chính xác, khách quan và được cán bộ, giảng viên toàn trường đồng thuận [H6.06.06.11].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp GV ngành SP Hóa học nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và Nhà trường. Trong các năm qua, GV của ngành luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy [H6.06.06.12]. Hoạt động NCKH các giảng viên ngành Hóa luôn đạt kết quả cao, bình quân mỗi năm công bố trên 25 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, biên soạn 2-4 giáo trình, sách tham khảo, thực hiện đề tài NCKH các cấp [H6.06.06.13]. Về đội ngũ, từ năm 2014 đến nay ngành Hóa học đã có thêm 04 TS, 05 GS và PGS.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống quy định, quy chế quy trình để đánh giá hoạt động của GV được triển khai đồng bộ từ cấp bộ môn đến cấp trường nên tạo động lực và hỗ trợ cho GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả cải tiến chất lượng của GV sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường và ngành cần có hệ thống giám sát và đánh giá cải tiến chất lượng của GV sau đánh giá	Khoa/Viện và trường	Xong trong tháng 5/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng	Khoa/Viện và trường	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Nhà trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường Đại học Vinh trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Nhà trường, hỗ trợ cho quá trình đào tạo. Trường có quy định cụ thể về các loại hình và định mức hoạt động KHCN mà mỗi GV phải đảm nhận tùy theo chức danh và vị trí công tác. Các loại hình hoạt động và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án KHCN các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức các xemina chuyên môn. Nhà trường cũng có quy định tính giờ chuẩn NCKH cho các loại hình hoạt động KHCN cụ thể này [H6.06.07.01].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPHH, Khoa/Viện luôn coi trọng công tác NCKH. Trong kế hoạch năm học hằng năm, các GV ngành SP Hóa học luôn đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định [H6.06.07.02]. Nhà trường và Khoa/Viện có hệ thống giám sát, đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động KHCN, đồng thời Khoa/Viện phân công một lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này [H6.06.07.03]. Khối lượng các hoạt động NCKH của GV được quản lý trên phần mềm của trường [H6.06.07.04]. Kết quả hoạt động hướng dẫn SV NCKH được đánh giá thông qua hội nghị SV NCKH các cấp (Khoa/Viện, Trường và Bộ) [H6.06.07.05]. Các xemina khoa học được thông báo qua website của trường và có biên bản ở bộ môn [H6.06.07.06]. Gần đây nhà trường đã có chính sách tăng mức thưởng cho các bài báo được đăng trên các tạp chí có uy tín và GV ngành Hóa học đã có nhiều công trình được nhận thưởng [H6.06.07.07].

Trong giai đoạn 2014 đến 2018, các GV ngành Hóa học đã thực hiện nhiều đề tài khoa học các cấp, xuất bản nhiều giáo trình, công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành cũng như hướng dẫn nhiều SV đạt giải cao trong hoạt động NCKH của cấp trường và cấp Bộ [H6.06.07.08]. Các đề tài NCKH của GV đều thu hút

nhiều SV tham gia, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CĐR. Giảng viên trong ngành đã tham gia vào các nhóm nghiên cứu, hoặc nhóm nghiên cứu mạnh để cộng tác, giúp đỡ lẫn nhau và liên kết với các cơ sở khác trong NCKH. Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của các nhóm nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH và CN [H6.06.07.09]. Hằng năm, Khoa/Viện tiến hành tổng kết hoạt động NCKH của GV và toàn Khoa/Viện để đối sánh, điều chỉnh nhằm cải tiến chất lượng. Kết quả là Hoạt đống NCKH của GV ngành Hóa được cải thiện theo từng năm [H6.06.07.10]. Hoạt động NCKH với hiệu quả cao quay trở lại có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển của hoạt động đào tạo.

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của GV ngành Hóa phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài cấp bộ và nhà nước đã được các GV ngành Hóa hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của GV ngành Hóa được cải thiện theo từng năm.

3. Điểm tồn tại

Còn ít đề tài, công trình NCKH ứng dụng trực tiếp vào đời sống và thực tiễn sản xuất.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu thực tiễn	Bộ môn phương pháp giảng dạy	hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy thế mạnh NCKH cơ bản. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu với các đối tác.	Tất cả giảng viên	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Ngành Hóa học có đội ngũ GV, nghiên cứu viên có trình độ cao, hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV SPHH. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi GV xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Việc đánh giá GV được nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 6**:** 7/7 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho tất cả các ngành đào tạo trong trường nói chung và ngành SPHH nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và kèm theo các hình thức khen thưởng hợp lý**.** Đội ngũ nhân viên phục vụ ở văn phòng ngành Hóa và nhân viên ở phòng thí nghiệm hầu hết có trình độ thạc sĩ và nhiệt tình, tận tâm trong công việc.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Trong kế hoạch chiến lược về phát triển Trường Đại học Vinh, Nhà trường có kế hoạch hành động về xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự của Trường Đại học Vinh trong giai đoạn này với các giải pháp về tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, quy hoạch bổ nhiệm phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường; xây dựng quy trình, tiêu chí tuyển dụng với các chính sách ưu tiên và thu hút, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch [H7.07.01.01].

Chương trình đào tạo ngành SPHH được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Công nghệ thông tin; Trung tâm hỗ trợ SV và QHDN, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Phòng Công tác chính trị và học sinh SV, Phòng Đào tạo, Phòng Quản trị và Đầu tư. Đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được tuyển chọn kỹ càng theo các tiêu chí của trường đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02]. Tại văn phòng ngành Hóa, bên cạnh 2 nhân viên làm nhiệm vụ văn phòng và quản lý SV, còn có 2 GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập và

trợ lý đào tạo. Ngành có 07 kỹ thuật viên làm việc tại các phòng thí nghiệm thuộc Trung Tâm Thực hành - Thí nghiệm phục vụ trực tiếp cho công tác thực hành của SV ngành SPHH. Tất cả các KTV đều có trình độ chuyên môn từ cử nhân trở lên thuộc ngành Hóa học hoặc sư phạm Hóa học (trong đó 5/7 có trình độ thạc sỹ) [H7.07.01.03], có tinh thần trách nhiệm cao, có thái độ phục vụ tốt.

Nhà trường đã tiến hành quy hoạch chuẩn hoá chức danh nghề nghiệp và hoàn thành đề án vị trí việc làm cho các đơn vị hành chính thuộc Trường [H7.07.01.04]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên thông qua tiến trình rà soát đội ngũ nhân viên, đối chiếu với đề án vị trí việc làm và báo cáo về nhu cầu đội ngũ nhân viên ở từng đơn vị thông qua kế hoạch năm học, trên cơ sở đó tiến hành phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [H7.07.01.05]. Đặc biệt là đội ngũ kỹ thuật viên đã được Khoa/Viện và Trung tâm thực hành thí nghiệm chú trọng phát triển, đào tạo và bố trí sử dụng để đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao của hoạt động thực hành thí nghiệm trên các thiết bị công nghệ cao [H7.07.01.06].

Các phòng ban, trung tâm căn cứ vào nhiệm vụ được giao về hỗ trợ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhiệm vụ của từng cá nhân của đội ngũ nhân viên phục vụ được mô tả trên website của trường [H7.07.01.07].

Nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể "giỏi một việc và biết làm nhiều việc", tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [H7.07.01.08].

Hằng năm Nhà trường lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động hỗ trợ và đội ngũ nhân viên làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng đội ngũ nhân viên [H7.07.01.09].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã có đề án vị trí việc làm cơ sở quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên. Việc tuyển dụng các nhân viên xuất phát từ nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của khối nhân viên từng đơn vị và trong toàn trường.	Ban giám hiệu và lãnh đạo ngành, phòng ban	Xong trong tháng 9/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Ban giám hiệu và lãnh đạo ngành	hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả

Trường có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn; có qui trình tuyển dụng công khai chặt chẽ với đầy đủ các bước được qui định trong Quy chế về công tác cán bộ. Qui chế này được xây dựng và lấy ý kiến rộng rải trong toàn Trường, được phổ biến công khai trên website và trong các hội nghị [H7.07.02.01]. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của Khoa/Viện; các Phòng ban, Trung tâm căn cứ trên đề án vị trí việc làm. Sau đó, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang Web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.02]. Chức năng nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm phòng ban chức năng được mô tả trên Website của Trường [H7.07.02.03]. Việc điều chuyển nhân viên hành chính được thực hiện theo kế hoạch và qui định về công tác cán bộ [H7.07.02.04].

Đội ngũ cán bộ quản lí các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lí. Trường thực hiện tốt công tác qui hoạch cán bộ quản lý cho các đơn vị phòng ban chức năng đảm bảo được tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.05].

Đội ngũ kỹ thuật viên, cán bộ nhân viên chủ yếu có trình độ đại học hoặc thạc sỹ các ngành phù hợp, đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Trường có một môi trường dân chủ: cán bộ quản lí, GV và nhân viên tham gia góp ý kiến rộng rãi đối với các chủ trương, kế hoạch của Trường; mọi yêu cầu chính đáng và các khiếu nại, tố cáo được giải quyết kịp thời, đúng qui định.

Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc lại bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính [H7.07.02.06] để tạo tiên đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của bộ GD&ĐT.

2. Điểm mạnh

Phát huy tốt các tiêu chí tuyển dụng, Trường đang có đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ số lượng với cơ cấu hợp lí, đảm bảo chất lượng cho việc thực hiện đào tạo chương trình SPHH.

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích và sử dụng ý kiên góp ý của các bên liên quan còn chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích kết quả khảo sát để đề xuất biện pháp cải thiện hiệu quả công tác đội ngũ nhân viên .	Lãnh đạo trường và các phòng ban, trung tâm	7/2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai	Lãnh đạo trường và các phòng ban, trung tâm	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả

Xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực sẽ là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Đề án vị trí việc làm của các đơn vị, trong Quy chế về công tác cán bộ và được đưa vào các tiêu chuẩn đánh giá viên chức hành chính [H7.07.03.01].

Hiện tại, bên cạnh đội ngũ nhân viên thuộc phòng ban chức năng của Nhà trường, Khoa/Viện có 2 nhân viên chuyên trách làm nhiệm vụ văn phòng và quản lý SV; đồng thời Khoa/Viện phân công 02 GV kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập và trợ lý đào tạo cho ngành SPHH. Các nhân viên chuyên trách được phân công nhiệm vụ rõ ràng [H7.07.03.02]. Ngành Hóa học có 07 kỹ thuật viên được đào tạo đúng chuyên môn phục vụ công tác thực hành thí nghiệm và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Nhà trường đã có quy định rõ ràng về quy định đánh giá xếp loại cán bộ viên chức riêng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm [H7.07.03.03]. Vào cuối mỗi năm học, các nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học sau đó là đánh giá của tổ chuyên môn, của lãnh đạo đơn vị và cuối cùng là đánh giá và phê duyệt của lãnh đạo trường [H7.07.03.04].

Nhà trường thường xuyên thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động Nhà trường. Từ đó Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại viên chức [H7.07.03.05].

2. Điểm mạnh

Trường và ngành luôn làm tốt công tác đánh giá đội ngủ cán bộ hỗ trợ qua đó ngày càng hoàn thiện chức năng của các phòng ban

3. Điểm tồn tại

Việc cải tiến hoạt động của một số bộ phận thông qua lấy ý kiến phản hồi từ người học chưa được kiểm tra và đánh giá thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng tiêu chí đánh giá việc nâng cao năng lực đội ngũ nhân viên	Phòng tổ chức cán bộ	Định kì hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên qua nhiều hình thức khác nhau.	Lãnh đạo trường và ngành	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả

Dựa trên đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển, Trường và Khoa/Viện đã phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn trường nói chung và ngành SPHH nói riêng [H7.07.04.01].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn, Trường tạo điều kiện để các cán bộ nhân viên được học lên bậc ThS, TS, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị trong trường [H7.07.04.02]. Đội ngũ nhân viên được nhà trường tạo điều kiện và khuyến khích thi thăng hạng khi đủ điều kiện [H7.07.04.03]. Ngoài ra trường còn tổ chức cho đội ngũ nhân viên được tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, các hội thảo do các cơ sở ở ngoài trường tổ chức.

Nhu cầu bồi dưỡng nghiệp vụ và và các năng lực khác theo quy định cũng được Trường chú trọng tạo điều kiện bằng các hoạt động cụ thể thiết thực và hiệu quả như tổ chức các khóa bồi dưỡng về tin học, ngoại ngữ, quản lí hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng-an ninh [H7.07.04.04]. Việc phân bổ ngân sách thường xuyên cho việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H7.07.04.05].

Kết quả là Trường và ngành Hóa học hiện có đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý SV và

các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của GV, SV và học viên. Nhiều nhân viên ở các phòng ban, trung tâm trong trường có học vị Thạc sỹ, Tiến sỹ. Về phía ngành SPHH, hiện có 01 nhân viên văn phòng, 01 nhân viên quản lý SV, và 07 kỹ thuật viên ở Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm phụ trách thí nghiệm Hóa học. Hầu hết các nhân viên đều được trường tạo điều kiện học Thạc sỹ, đặc biệt là đội ngũ KTV đã có kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ vững vàng đáp ứng đầy đủ yêu cầu của CTĐT ngành SPHH [H7.07.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa/Viện quan tâm và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm tồn tại

Chưa có các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên để nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần có những hoạt động hỗ trợ nâng cao kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên	Phòng TCCB	Định kì hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm và tạo điều kiện hơn nữa cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Lãnh đạo ngành và trường	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả

Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được triển khai tốt, tạo động lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, Trường đã ban hành

quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm. Trong mỗi đơn vị chức năng nhiệm vụ của các nhân viên được mô tả rõ ràng kể cả các nhân viên làm việc tại các Khoa/Viện [H7.07.05.01]. Khối lượng công việc của nhân viên được xác định trong đề án vị trí việc làm của Nhà trường [H7.07.05.02]. Để quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác hàng tháng một cách cụ thể với các chỉ số thực hiện rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng [H7.07.05.03].

Nhà trường ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các qui định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng. Các quy định này dựa trên cơ sở lấy ý kiến của toàn bộ GV, nhân viên trong toàn Trường [H7.07.05.04]. Phòng Thanh tra - Pháp chế là đơn vị chuyên trách theo dõi đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của GV và nhân viên theo kế hoạch công tác được phân công cụ thể từng tuần [H7.07.05.05].

Hàng tháng, Nhà trường triển khai xếp loại viên chức toàn Trường dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành [H7.07.05.06]. Kết quả xếp loại là căn cứ để xác định mức thu nhập tăng thêm nhằm tạo động lực cho các nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác. Cuối mỗi năm học các nhân viên được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học đề ra đầu năm. Việc đánh giá được thực hiện theo thứ tự: cá nhân tự đánh giá, đánh giá đồng cấp ở tổ chuyên môn, sau đó là lãnh đạo đơn vị và cuối cùng là hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường [H7.07.05.07]. Bên cạnh đó, cuối mỗi năm học Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của người học về hoạt động của các đơn vị trong Trường [H7.07.05.08]. Tổng hợp các ý kiến được gửi về từng đơn vị cùng với các khuyến nghị để các đơn vị hay cá nhân có biện pháp cải tiến chất lượng. Hằng năm, những cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được xét tăng lương trước hạn hoặc khen thưởng. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng kịp thời hàng năm đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trước toàn trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Nhà trường tiếp thu và giải trình [H7.07.05.09].

2. Điểm mạnh

Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên được Nhà trường và Khoa/ Viện thực hiện tốt hằng tháng với các hình thức khác nhau đảm bảo tính công bằng

khách quan. Hầu hết các nhân viên đều hài lòng về kết quả đánh giá của Nhà trường và Khoa/ Viện. Các hình thức khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên ở một số vị trí việc làm chưa đáp ứng yêu cầu quản lý.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát và hoàn thiện các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc của nhân viên	Phòng TCCB và lãnh đạo Khoa/Viện	Định kì hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quản trị theo kết quả công việc	Lãnh đạo ngành và trường	Định kì hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Trường có đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV toàn trường nói chung và ngành SPHH nói riêng. Đội ngũ nhân viên được tuyển dụng theo các tiêu chí và phương pháp hợp lý. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi nhân viên xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Việc đánh giá các nhân viên hỗ trợ được nhà trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, hằng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

***Tự đánh giá Tiêu chuẩn 7*:** 5/5 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Với truyền thống gần 60 năm đào tạo sư phạm nên SV ngành SPHH trường Đại học Vinh được học tập và rèn luyện trong môi trường sư phạm tốt. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch; đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bô Giáo dục và Đào tạo đối với các ngành sư phạm. SV ngành SPHH được theo dõi sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ phần mềm đến giảng viên, giáo viên chủ nhiệm và đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Nhà trường, Khoa và các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan trong Nhà trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh ngành SPHH được xác định rõ ràng, được xây dựng và ban hành dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đề án tuyển sinh hằng năm của Nhà trường [H8.08.01.01]. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tổ chức tuyển sinh đại học hệ chính quy của Nhà trường nói chung và ngành SPHH. Để đảm bảo chất lượng tuyển sinh, Nhà trường không sử dụng phương thức xét tuyển học bạ đối với các ngành sư phạm. Phương thức tuyển sinh ngành SPHH gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và (2) Tuyển thẳng học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn HSG Quốc gia, Quốc tế. Ngoài ra, Nhà trường còn có chính sách khen thưởng và tặng học bổng cho các tân SV đạt kết quả cao trong tuyển sinh của mỗi ngành. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPHH được xác định rõ ràng hằng năm từ 30-50 SV, các mã tổ hợp môn xét tuyển theo các khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học) và B00 (Toán, Hóa, Sinh). Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chính sách tuyển sinh ngành SPHH được công bố công khai và được cập nhật hàng năm. Các thông tin về tuyển sinh được Nhà trường và Khoa/Viện công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong cuốn "Những điều cần biết về tuyển sinh đại học", trên website của Nhà trường, của Khoa/Viện và trong các

buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh do Nhà trường tổ chức [H8.08.01.02]. Hàng năm, dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu tuyển sinh, đánh giá tình hình thực tiễn, Nhà trường xây dựng và điều chỉnh đề án, kế hoạch tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh ngành đồng thời thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh [H8.08.01.03], [H8.08.01.04].

Trong giai đoạn 5 năm (2014 – 2018), số lượng SV trúng tuyển nhập học ngành SPHH bình quân khoảng 35 SV/năm và giảm mạnh trong 2 năm gần đây (năm 2017 và năm 2018). Tỷ lệ SV nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển trung bình đạt khoảng 85-90%, điểm trúng tuyển trung bình của các thí sinh có xu hướng giảm dần (khoảng từ 18 đến 23 điểm) [H8.08.01.05]. Số lượng và chất lượng tuyển sinh của các ngành sư phạm nói chung và ngành SPHH giảm trong các năm gần đây chủ yếu từ các nguyên nhân khách quan như nhu cầu xã hội khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước đối với ngành sư phạm giảm mạnh, Nhà nước chưa có chính sách đủ mạnh để thu hút SV vào học các ngành sư phạm [H8.08.01.06].

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành SPHH được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Công tác quảng bá tuyển sinh chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển;

Phương thức tuyển sinh chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hoạt động quảng bá tuyển sinh,đa dạng hóa phương thức tuyển sinh	Viện/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh	Phòng đào tạo	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả

Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành SPHH được Nhà trường và Khoa/Viện xác định rõ ràng trên cơ sở góp ý của các bên liên quan được thể hiện trong đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh [H8.08.02.01]. Hàng năm, căn cứ vào quy chế tuyển sinh, quy định cách thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và nhu cầu xã hội, Nhà trường xác định và công bố chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh công khai trên website và các phương tiện thông tin đại chúng [H8.08.02.02]. Nhà trường thực hiện tuyển sinh theo ngành dựa trên kết quả của kỳ thi tuyển sinh đại học và kỳ thi THPT Quốc gia với tổ hợp các môn xét tuyển (Toán – Lý-Hóa, Toán – Hóa – Sinh), lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và điểm chuẩn không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành sư phạm do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Đặc biệt, đối với ngành Sư phạm, ngoài kết quả thi đại học hoặc thi THPT Quốc gia thì yêu cầu thí sinh phải đảm bảo không nói ngọng, nói lắp và có hạnh kiểm trong 3 năm học ở trường THPT phải đạt loại khá trở lên.

Phương thức tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, quy định trong đề án và kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H8.08.02.02]. Hiện nay, nhà trường tuyển sinh ngành SPHH theo các phương thức gồm xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia và xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiêu chí và phương thức tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường xác định, đánh giá hàng năm dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực của ngành SPHH [H8.08.02.03], [H8.08.02.04]. Trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh và điểm chuẩn xét tuyển đối với các tổ hợp môn thi, bài thi của ngành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xét tuyển thứ tự theo tổng điểm (kể cả điểm khu vực và điểm ưu tiên nếu có) từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu. Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp và giữa hai khu vực kế tiếp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển chọn người học của nhà trường là cơ sở tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan;

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công

khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tổ hợp xét tuyển còn ít, tiêu chí và phương thức tuyển sinh chưa dựa trên đánh giá năng lực người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khảo sát các bên liên quan để xây dựng tiêu chí tuyển sinh dựa trên đánh giá năng lực người học; bổ sung tổ hợp xét tuyển Toán-Hóa-Anh	Viện/Trung tâm ĐBCL	Từ năm 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin tuyển sinh và công bố công khai	Viện/Phòng đào tạo	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả

Khoa/Viện và Nhà trường có một hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học ngành SPHH một cách chặt chẽ và hiệu quả. Hệ thống giám sát này được thực hiện thông qua giảng viên, cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý SV, giáo viên chủ nhiệm, cũng như đội ngũ nhân viên hỗ trợ khác của các phòng/ban/trung tâm, tổ chức đoàn thể liên quan trong Khoa/Viện và Trường. Từ năm 2010, để nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học, Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý CMC. Hệ thống này quản lý việc đăng ký học, hồ sơ SV, các thông báo từ Nhà trường, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả đánh giá kết quả học tập, rèn luyện... Đây là một hệ thống giám sát rất hữu ích giúp Nhà trường, Khoa/Viện và giảng viên theo dõi

quá trình học tập của người học [H8.08.03.01].

Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT của ngành, quy chế học sinh, SV của Nhà trường [H8.08.03.02]. Hệ thống thực hiện việc giám sát quá trình đăng ký học và kết quả học tập để cố vấn học tập theo dõi và quản lý tiến độ học tập của SV. Hằng năm, Khoa/Viện đều lập danh sách SV thuộc diện cảnh báo kết quả học tập và thông báo để SV có kế hoạch cải thiện chất lượng học tập, đảm bảo đúng tiến độ và điều kiện tốt nghiệp theo quy chế [H8.03.03.03]. Giảng viên phụ trách môn học sẽ theo dõi và đánh giá sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV thông qua điểm quá trình và điểm thi giữa kỳ, cuối kỳ. Trong đề cương chi tiết các học phần của ngành SPHH quy định rõ mục tiêu đạt được, phương thức kiểm tra, đánh giá cụ thể đối với từng môn học như mức độ chuyên cần, thái độ học tập, hình thức và cách thức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ và được công khai cho người học vào đầu học kỳ [H8.08.03.04].

Quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý quản lý SV, giáo viên chủ nhiệm, các tổ chức và đơn vị chức năng của Nhà trường như Hội SV, Đoàn thanh niên, Trung tâm HTSV&QHDN, phòng Công tác chính trị HV-SV. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV được bắt đầu từ SV tự đánh giá,sau đó tập thể lớp sẽ đánh giá, xếp loại và gửi hồ sơ lên Khoa/Viện. Hội đồng Khoa/Viện gồm Lãnh đạo Khoa/Viện, Trợ lý QLSV, CVHT, Bí thư Liên chi Đoàn, Liên chi Hội trưởng SV sẽ họp và đánh giá, xếp loại rèn luyện của SV theo từng học kỳ, năm học [H8.03.03.05].

Cơ chế báo cáo và phản hồi về sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Khoa/Viện thường xuyên giám sát kết quả của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn đối với những SV không hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hàng năm, phòng CT CTHSSV gửi kết quả học tập và rèn luyện của SV cho gia đình để đôn đốc sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.05]. Vào đầu các năm học, Khoa/Viện tổ chức đại hội các lớp/chi đoàn, thông qua đó thực hiện cơ chế báo cáo và phản hồi về kết quả của người học, đánh giá sự tiến bộ của người học, phân tích xu hướng và nguyên nhân [H8.08.03.06]. Đây cũng là một trong các kênh theo dõi sự tiến bộ của người học được Khoa/Viện tổ chức hiệu quả, thông qua đó để thực hiện các biện pháp nhằm cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của người học, được hầu hết SV hài lòng [H8.08.03.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của người học về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo và quản lý SV CMC, dưới nhiều hình thức khác nhau.

Sự tiến bộ của người học được giám sát bởi một hệ thống gồm giảng viên, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, trợ lý đào tạo, quản lý SV, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của người học.

3. Điểm tồn tại

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV	Trung tâm CNTT/Phòng đào tạo	Năm 2019	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục nâng cao hiệu quả về công tác chủ nhiệm lớp và CVHT trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện	Viện/Trung tâm ĐBCL	Năm 2020	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học

1. Mô tả

Nhà trường có đôi ngũ cán bộ, nhân viên và các đơn vị chức năng hỗ trợ SV cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV ngành SPHH. Hàng năm, Nhà trường có quyết đinh về việc cử giảng viên kiêm nhiệm công tác CVHT và Trợ lý đào

tạo trên cơ sở đề xuất của Khoa/Viện [H8.08.04.01]. Chức năng, nhiệm vụ của CVHT và Trợ lý đào tạo đã được quy định cụ thể trong các văn bản của Nhà trường [H8.08.04.02]. Bên cạnh đó, nhà trường còn có đội ngũ Trợ lý QLSV của Khoa/Viện và các đơn vị chức năng như Trung tâm Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Phòng Công tác chính trị HS-SV, Phòng Đào tạo và các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội SV) và các Câu lạc bộ [H8.08.04.03]. Khoa/Viện còn cử giảng viên làm công tác chủ nhiệm lớp nhằm hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện [H8.08.04.04].

Nhà trường và Khoa/Viện luôn có quy trình/kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của người học. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa để giới thiệu với SV về cơ cấu, tổ chức nhà trường và Khoa/Viện cũng như các hoạt động của nhà trường để hỗ trợ SV trong quá trình học tập và rèn luyện [H8.08.04.05]. Nhà trường và Khoa/Viện luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV ngành SPHH: hỗ trợ SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách hỗ trợ miễn giảm học phí, cấp học bổng cho SV luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Hằng năm, Nhà trường có quyết định về việc miễn, giảm học phí cho SV hệ chính quy trong đó có SV ngành SPHH [H8.08.04.06].

Đoàn Thanh niên và Hội SV của Trường và Khoa/Viện cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua để giúp SV cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV [H8.08.04.07]. Đặc biệt, hàng năm SV Sư phạm còn được tham các hoạt động thi đua trong tháng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm với nhiều hoạt động bổ ích nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và tạo hứng thú, lòng yêu nghề. Trong 5 năm (2014-2018), đội tuyển Nghiệp vụ sư phạm Khoa/Viện đã xuất sắc đạt 2 giải Nhì tập thể (năm 2014 và năm 2018) và 1 Giải nhất tập thể (năm 2016) tại Hội thi Nghiệp vụ Sư phạm cấp trường được tổ chức 2 năm/lần. Đội tuyển SV của Khoa cũng đã đạt giải Nhất cuộc thi Tìm hiểu thân thế, sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2015 [H8.08.04.08].

Đoàn trường, Liên chi đoàn Khoa/Viện đã thành lập một số câu lạc bộ, đội, nhóm với nhiều hoạt động sôi nổi hỗ trợ SV ngành Sư phạm trong học tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm như CLB Play with English, CLB Sư phạm Hóa học, Đội văn nghệ Khoa/Viện, …[H8.08.04.09].

Để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và tạo điều kiện để SV có cơ hội tìm kiếm

việc làm sau khi tốt nghiệp, Nhà trường thường xuyên tổ chức ngày hội việc làm, mời đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường phổ thông trên địa bàn tư vấn, hướng nghiệp cho SV; xây dựng hệ thống các trường vệ tinh làm nơi thực hành, thực tập tốt nghiệp và tạo cơ hội việc làm cho SV ngành sư phạm [H8.08.04.10]. Hầu hết SV ngành SPHH hài lòng về hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV [H8.08.04.11].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập được Nhà trường, Khoa/Viện triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV; bên cạnh đó các hoạt động thi đua, hoạt động ngoại khoá được SV ngành Sư phạm hưởng ứng tích cực; giúp SV phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có hệ thống cố vấn học tập và trợ lý đào tạo chuyên trách nhưng một số SV vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký học; chưa có nhiều các hoạt động tư vấn, hỗ trợ việc làm cho SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện hệ thống văn bản về hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập; tang cường các hoạt động tư vấn hỗ trợ việc làm cho SV	Phòng Đào tạo/Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ SV và QHDN/Viện SPTN	Năm 2019	
2	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp	Đoàn thanh niên, Hội SV/Viện SPTN	Năm 2019	

*5. Tự đánh giá***:** Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả

Trường có môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cụ thể, tổng diện tích đất của nhà trường là 44,12 ha với tổng diện tích sàn xây dựng 140.212 m^2, trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá, Thư viện, khu tập luyện thể dục thể thao và vui chơi, ... Trường có khuôn viên thoáng mát, đảm bảo vệ sinh môi trường, lớp học luôn sạch sẽ, hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường [H8.08.05.01].

Nhà trường có các khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Khoa/Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, ký túc xá được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Trong đó, khu hiệu bộ và các phòng/ban được bố trí tại tòa nhà 8 tầng với cơ sở vật chất mới được trang bị đầy đủ, hiện đại, Văn phòng làm việc của Khoa/Viện được bố trí tại khu nhà 5 tầng (Nhà A0) gần giảng đường (khu nhà A1, A2, A3, A4 và khu nhà B1, B2, B3) và Trung tâm thực hành thí nghiệm thuận lợi cho SV trong quá trình học tập và NCKH [H8.08.05.02].

Nhà trường luôn quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo môi trường tâm lý, xã hội đảm bảo môi trường học tập tốt cho SV. Ngay từ khi nhập học, SV được khám sức khỏe theo quy định. Hàng năm, Trạm Y tế của Trường luôn đảm bảo công tác kiểm tra sức khoẻ kịp thời cho SV [H8.08.05.03]. Công tác vệ sinh môi trường do một công ty ký hợp đồng với Nhà trường thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị-Đầu tư. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa/Viện tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động [H8.08.05.04]. Để đảm bảo an ninh, trật tự trong khuôn viên, Trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ, thành lập Trung đội dân quân tự vệ, đội Thanh niên xung kích, đội tự quản KTX,… Bên cạnh đó, trường còn trang bị hệ thống phòng cháy nổ, nội quy ở giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá và ban hành nội quy/quy tắc ứng xử trong nhà trường để đảm bảo an ninh, an toàn cho người học [H8.08.05.05]. Kết quả khảo sát ý kiến người học cho thấy

Môi trường, cảnh quan của Trường đã tạo hứng thú cho SV phát huy được khả năng học tập và NCKH [H8.08.05.06].

2. Điểm mạnh

Trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội, thân thiện, thoải mái; đảm bảo phục vụ các hoạt động của người học liên quan đến chương trình đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Một số phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết bẩn và hư hỏng do ý thức của một số SV còn chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tuyên truyền, nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn cơ sở vật chất, cảnh quan, môi trường trong nhà trường	Đoàn thanh niên, Hội SV	Năm 2019	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh	Phòng Quản trị-Đầu tư	Năm 2019	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Nhà trường đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hàng năm**,** đảm bảo tuyển được số lượng SV có kết quả và năng lực tốt, thu hút được người học tham gia xét tuyển vào ngành SPHH. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa/Viện triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV. Hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: 5/5 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Hiện nay, với nguồn lực hiện có, Nhà trường và Khoa/Viện luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường, Khoa/Viện luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn cho SV ngành SPHH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hiện nay, trường có đầy đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng hỗ trợ đạo tạo phù hợp theo quy định hiện hành đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH.

Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m^2 cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn. Hàng năm, nhà trường ban hành biểu quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành SPHH [H9.09.01.01] [H9.09.01.02].

Khoa/Viện có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay Khoa/Viện đang sử dụng tầng 2 tòa nhà A0. Phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, bàn ghế… [H9.09.01.03].

Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH của ngành SPHH. Hiện tại, Trường có các 221 phòng học với tổng

diện tích sử dụng là 46.502 m^2, 8 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1225 m^2, 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m^2. Tất cả các phòng học ở nhà A, B, D được lắp đặt hệ thống điều hòa và máy chiếu [H9.09.01.04]. Đến năm học 2018-2019, với số lượng 19.456 SV chính qui trong đó bao gồm 122 SV SV ngành SPHH, diện tích phòng học bình quân đạt 2,63 m^2/người học đối với tất cả các ngành học trong toàn trường. [H9.09.01.05].

Hệ thống phòng học được Phòng Quản trị - Đầu tư quản lí sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.01.06].

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học ngành SPHH, trường có trung tâm Thực hành-Thí nghiệm được trang bị nhiều thiết bị, máy móc hiện đại giá trị hàng chục tỷ đồng (PTN Hóa đại cương, PTN Hóa lý, PTN Hóa hữu cơ, PTN Hóa vô cơ, PTN Hóa phân tích-Môi trường, PTN PPGD Hóa học, Phòng Nghiên cứu). Trong giai đoạn 2014-2018, nhà trường đầu tư nâng cấp PTN PPGD Hóa học (tổng vốn đầu tư 2,452 tỷ đồng) và dự án đầu tư ngành Công nghệ thực phẩm và Hóa dược (tổng vốn đầu tư khoảng 40 tỷ đồng). Ngoài ra, các phòng học cũng được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến. Hiện nay, Nhà trường có 142 phòng học trang bị hệ thống máy chiếu, trong đó có 57 phòng kết nối trực tuyến, 16 phòng học online (không thống kê các điểm có thể kết nối online như Hội trường A, các phòng hội nghị nhà Điều hành, phòng hội nghị tầng 7 Thư viện…) [H9.09.01.07]. Hệ thống máy tính có nối mạng, loa máy độc lập, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành Sư phạm Hóa được cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm [H9.09.01.08].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho giảng viên và SV ngành Sư phạm Hóa. Một số thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo [H9.09.01.9]. Phần lớn các trang thiết bị được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị trong Nhà trường nên tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị cao, linh hoạt trong giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, học tập hiệu quả ở SV [H9.09.01.10].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ

thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành Sư phạm Hóa. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPHH của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 63,6% số người học được khảo sát đánh giá mức độ "tốt" (đáp ứng từ 90% trở lên), 27,5% đánh giá mức độ "khá" (đáp ứng từ 70-89%)… [H9.09.01.10].

2. Điểm mạnh

Có đủ phòng làm việc, phòng học, giảng đường,...với trang thiết bị hiện đại được bố trí hợp lý đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường và Khoa/ Viện có nhiều nỗ lực trong việc trang bị các điều kiện cơ sở vật chất cho giảng viên và SV làm việc và học tập. Tuy nhiên, việc sắp xếp bố trí phòng TN chưa thật hợp lý, tần suất sử dụng phòng TN phục vụ cho đào tạo chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2018-2019, Khoa/ Viện và nhà trường triển khai quy hoạch lại PTN nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất phụ vụ cho đào tạo	TT TH TN, Phòng Quản trị và Đầu tư	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo phòng làm việc, phòng học, giảng đường,...được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường.	TT TH TN, Phòng Quản trị và Đầu tư	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Hiện nay nhà trường có thư viện với đầy đủ các tài liệu được cập nhật phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành SPHH.

Thư viện Trường được thành lập năm 1959, hiện nay có tên là "Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào". Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m^2 bao gồm: 06 phòng

học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho SV khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, tủ sách và hệ thống trang thiết bị máy móc như đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống chiếu, máy photocopy, máy tính, ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học [H9.09.02.02].

Thư viện trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành SPHH. Có thư viện điện tử kết nối Internet, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả. Tính đến tháng 8/2018, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 788 đầu sách, gồm luận án và luận văn và giáo trình ngành SPHH [H9.09.02.03]. Dựa trên yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [H9.09.02.04]. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành SPHH [H9.09.02.05]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lí bằng phần mềm quản lí thư viện (phần mềm Kipos) [H9.09.02.06] thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb [H9.09.02.07].

Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... Thư viện đã có hướng dẫn sử dụng thư viện, các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện và thời gian sử dụng thư viện hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật). Tháng 8/2016, Thư viện đã đưa vào sử dụng hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm TTTV đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn; http://thuvien.vinhuni.edu.vn; http://tailieu.vinhuni.

edu.vn. Bên cạnh đó, Trung tâm TTTV đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ... Trong 4 năm 8/2014 - 8/2018, số lượt người học và giảng viên mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu [H9.09.02.08].

Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành SPHH cho thấy giảng viên và SV ngành SPHH về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Có 90% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 84% người học đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện…[H9.09.02.09].

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường hiện nay có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng nhu cầu cho người học và giảng viên ngành SPHH. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và SV ngành SPHH thuận lợi tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

3. Điểm tồn tại

Số lượng tạp chí khoa học phục vụ đào tạo và nghiên cứu của ngành SPHH còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2019-2020, Viện SPTN đề xuất Nhà trường tiếp tục đầu tư mua thêm đầu sách phục vụ cho đào tạo sau đại học ngành SPHH đáp ứng yêu cầu đào tạo.	Trung tâm TT TV NTH, Khoa/Viện	Hoàn thành 2020	Đang thực hiện
2	Phát huy điểm mạnh	Mua sắm thêm tạp chí đáp ứng nhu cầu cho người học và giảng viên ngành Sư phạm Hóa học.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Viện/Bộ môn, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên	Đang thực hiện

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có một hệ thống các phòng thực hành thí nghiệm, phòng máy tính với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH cho ngành SPHH.

Để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động thực hành, thí nghiệm, Trường Đại học Vinh đã thành lập Trung tâm thực hành thí nghiệm và ban hành quy chế hoạt động, quy chế phối hợp của Trung tâm với các đơn vị trong toàn trường. Hệ thống các phòng thực hành, thí nghiệm đã được sơ đồ hóa và có đầy đủ các trang thiết bị máy móc, dụng cụ đặc thù cho ngành SPHH. Ngoài ra, Trường có 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m^2 [H9.09.03.01]. Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của ngành SPHH. Hệ thống phòng học được quản lí sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.03.02]. Bên cạnh đó, các thiết bị của trung tâm thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của nhà trường [H9.09.03.03].

Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm Thực hành- Thí nghiệm [H9.09.03.04].

Hàng năm, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống cơ sở vật chất của Phòng thí nghiệm, thực hành và công tác phục vụ. Người học và các bên liên quan đều cho rằng Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, cập nhật. Sự phục vụ của kỹ thuật viên đảm bảo hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học [H9.09.03.05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống phòng học thực hành, thí nghiệm với nhiều máy móc, thiết bị hiện đại mới được đầu tư hàng chục tỷ đồng đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Tần suất sử dụng một số trang thiết bị hiện đại, mới được đầu tư phục vụ cho NCKH chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

Đẩy mạnh khai thác phòng thực hành phục vụ học tập, đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên, SV ngành Sư phạm hóa.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường khai thác các thiết bị hiện đại đặc biệt các thiết bị mới được đầu tư phục vụ NCKH.	Khoa/ Viện, TT TH TN	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo phòng làm việc, phòng học, giảng đường,...được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của nhà trường.	TT TH TN, Phòng Quản trị và Đầu tư.	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả

Nhà trường có hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến,..) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Trường đã đầu tư và sử dụng các phần mềm có bản quyền như hệ thống eOffice, CMC,.. để quản lí để quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H9.09.04.01]. Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lí và điều hành là 330 bộ [H9.09.04.02].

Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho đội ngũ cán bộ quản lí, trưởng bộ môn và giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.04.03]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ giảng viên ngành SPHH được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng (@vinhuni.edu.vn). Hệ thống wifi

được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt [H9.09.04.04].

Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học [H9.09.04.05].

Các hoạt động của Nhà trường, được quản lí bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lí. Các dữ liệu về quản lí nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, sử dụng các phần mềm quản lý như CMC, e-Office, các phần mềm này được cập nhật thường xuyên để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của trường [H9.09.04.06].

Việc đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống phần mềm được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.07]. Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được đầu tư và nâng cấp hàng năm, việc đăng kí học của SV trên hệ thống được thuận lợi hơn. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học có 70,9 % người học hài lòng với các hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin nhà trường (mức độ đáp ứng tốt từ 80% trở lên) [H9.09.04.08]

2. Điểm mạnh

Nhìn chung, chất lượng hệ thống thông tin của nhà trường khá tốt, được đầu tư hiện đại, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và SV.

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của cán bộ và SV ngành Sư phạm hóa được tin học hóa, sử dụng hệ thống thông tin điện tử.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm 2014 - 2015, Nhà trường thực hiện phân luồng đăng kí học trực tuyến hợp lí theo khóa để giảm sự cố nghẽn mạng; tiếp tục yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện phần mềm quản lí nhà trường.	Khoa/ Viện, TT CNTT.	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh tin học hóa các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và SV.	Khoa/ Viện, TT CNTT	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả

Nghị định 80/2017/NĐ - CP của Thủ tướng chính phủ quy định về môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường đã đưa ra các quy định và tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an được xác định trên cơ sở quy chuẩn của các Bộ, ngành liên quan (có lưu ý đến nhu cầu của người khuyết tật) [H9.09.05.01].

Nhà trường cũng ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn theo Nghị định của Thủ tướng chính phủ như quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản; quy định công tác học sinh, SV và học viên nội trú, ngoại trú…[H9.09.05.02]. Bên cạnh đó, Trường có tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học và các báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp [H9.09.05.03]. Công tác phòng chống bão lụt, phòng cháy - chữa cháy của Nhà trường luôn được đảm bảo và thực hiện triệt để trong khuôn viên toàn trường. Nhà trường có thành lập Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.09.05.04]; điều động SV tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ [H9.09.05.05].

Nhà trường đảm bảo các quy định/tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được triển khai thực hiện. Nhà trường có kí túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định [H9.09.05.06]. Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động TDTT và văn hóa, văn nghệ... của người học. Bên cạnh đó, để phục vụ nhu cầu hoạt động văn hóa, văn nghệ và TDTT, Trường có 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV với tổng diện tích 35.000 m^2, 1 nhà thi đấu đa năng với 1000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và người học.

Cơ sở 2 của Trường tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tổng diện tích là: 142.972,4 m^2, hiện sử dụng làm nhà làm việc, giảng đường, nhà thí nghiệm, hội trường, nhà lưu trú của cán bộ giảng dạy khoa Nông Lâm Ngư và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng- An ninh Vinh, kí túc xá SV.. [H9.09.05.07].

Về môi trường, Nhà trường chú trọng đến việc trồng cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho người học. Bên cạnh đó, nhà trường ký hợp đồng với Công ty vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh các phòng học và phòng làm việc luôn được vệ sinh sạch sẽ trước và sau mỗi buổi học. Nhà trường thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh cho giảng viên nói chung và giảng viên ngành SPHH nói riêng. Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường [H9.09.05.08].

Trường có trạm Y tế riêng với diện tích mặt bằng là 505 m^2, diện tích sử dụng 360 m^2, đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho học sinh, SV, và cán bộ trong trường [H9.09.05.09]. Trạm Y tế thường xuyên tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.10].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được Ban giám hiệu quan tâm. Nhà trường có bộ phận Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Nhà trường. Bộ phận này thường xuyên được cung cấp thông tin về tình hình trật tự, an ninh của địa phương nơi Trường đóng qua hội nghị tổng kết công tác an ninh cụm [H9.09.05.11]. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng qui định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Bên cạnh Phòng Bảo vệ, Nhà trường còn có các lực

lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu, Đội Thanh niên xung kích. Đến đầu năm 2018, nhằm nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp hóa công tác an ninh trường học, Nhà trường đã ký hợp đồng với công ty vệ sĩ để bảo đảm an toàn cho con người và tài sản Trường Đại học Vinh. Giảng viên, người học hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Nhà trường [H9.9.05.12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

Trường có bộ phận Bảo vệ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

Trường có phòng Y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khoẻ cho giảng viên và SV ngành SPHH.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai chưa lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng qui mô đào tạo và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và người học. Nhà trường có kế hoạch xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Phòng Quản trị và Đầu tư Trạm Y tế	2020 và các năm tiếp theo
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe	Trạm Y tế	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Nhìn chung, Nhà trường và Khoa/ Viện SPTN luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống công nghệ thông tin…Hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường và Khoa/Viện luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên, bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa/Viện đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn…nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và Khoa tế nói riêng.

***Tự đánh giá Tiêu chuẩn 9*:** 5/5 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Hiện nay, Nhà trường và Khoa/Viện rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc đảm bảo chất lượng trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở CĐR có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lí, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT.

Trường đã huy động hầu hết các nhà khoa học, cán bộ quản lí đào tạo và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng chương trình đào tạo theo qui trình, đáp ứng CĐR đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống văn bản qui định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình [H10.10.01.01].

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT ngành SPHH theo tiếp cận CDIO. Nhà trường đã ban hành Quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo định hướng tiếp cận CDIO nhằm đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức và năng lực cho từng trình độ đào tạo cũng như đáp ứng được yêu cầu của người học về kiến thức, phẩm chất và năng lực phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược của Trường và nhiệm vụ mà Nhà nước giao phó [H10.10.01.02]. Việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng CTĐT đã được nhà trường tổ chức thực hiện, giao Phòng Đào tạo làm đầu mối quản lý [H10.10.01.03]. Chương trình đào tạo ngành SPHH đã nhận được ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng, chuyên gia giáo dục tại các trường đại học. Ý kiến của các bên liên quan là căn cứ quan trọng trong việc xây dựng CĐR, khung CTĐT đối với ngành đào tạo SPHH [H10.10.01.04].

Việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT được thực hiện định kì có tham khảo ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu SV và các bên liên quan. Trong giai đoạn 2013 - 2018, CTĐT ngành SPHH đã được điều chỉnh 3 lần (năm 2013, 2016, 2017). Lần điều chỉnh năm 2013 theo hướng nâng cao tỷ lệ thực hành, thí nghiệm, thực tập rèn nghề cho SV. Lần điều chỉnh năm 2016 theo hướng tích hợp các nội dung kiến thức tránh sự trùng lặp nội dung giữa các học phần bằng việc xây dựng các học phần chung giữa các ngành gần (nhóm ngành) được thực hiện từ khóa đào tạo 57. Lần điều chỉnh năm 2017 theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho SV nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội bằng việc xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO được thực hiện từ khóa đào tạo 58 [H10.10.01.05].

Hàng năm, thông qua việc tổ chức thực tập cho SV ngành SPHH, các phản hồi của SV trong quá trình thực hành, thực tập rèn nghề, cũng như các ý kiến góp ý của các cơ sở thực tập về chất lượng của CTĐT là các tư liệu quí để nhà trường chỉ đạo các khoa bổ sung, điều chỉnh và phát triển CTĐT [H10.10.01.06].

Đối với SV, Trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa/Viện về nội dung học phần và hoạt động giảng dạy của giảng viên để thu thập thông tin nhằm đánh giá chất lượng CTĐT định kỳ. Nhà trường đã xây dựng công cụ điều tra trực tuyến để thực hiện việc lấy ý kiến người học nói riêng, các bên liên quan đến quá trình đào tạo nói chung một cách nhanh chóng hơn. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: Hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả điều tra cho thấy hầu hết SV (trên 90%) được hỏi ý kiến hài lòng với phương pháp và năng lực giảng dạy của giảng viên. Hầu hết SV hài lòng với điều kiện học tập, với cách thức tổ chức, quản lí của Trường và hài lòng đã chọn học tập tại Trường [H10.10.01.07].

Bên cạnh đó, hàng năm Khoa/Viện mời các chuyên gia giáo dục, cán bộ quản lý các trường THPT, Sở giáo dục và đào tạo,...nói chuyện, báo cáo chuyên đề trong hội nghị gặp mặt SV đầu năm học, lễ bế giảng khóa học,.. Từ các hội nghị này Khoa/ Viện đã nhận được nhiều ý kiến về yêu cầu thực tiễn trong phát triển CTĐT và tạo cơ hội việc làm cho SV sau tốt nghiệp [H10.10.01.08].

Kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng trong các hoạt động đánh giá chất lượng giáo dục CTĐT trình độ đại học ngành SPHH và làm căn cứ phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.01.09].

2. Điểm mạnh

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh chương trình đào tạo.

Hoạt động lấy ý kiến SV về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm.

Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của SV.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Hàng năm, Khoa/Viện lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo SPHH	Khoa/ Viện, Phòng QL HSSV.	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ SV về quá trình đào tạo, hợp tác chặt chẽ với với các cơ sở thực tập và để nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của SV. Định kỳ theo kế hoạch tiếp tục đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát. Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu SV để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.	Khoa/ Viện, Phòng QL HSSV	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Chương trình dạy học trình độ đại học ngành SPHH được thiết lập một cách rõ ràng, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. CTĐT được thiết lập căn cứ vào CĐR ngành SPHH, trường Đại học Vinh và

kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường [H10.10.02.01].

Từ năm 2013, việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành SPHH được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến thường xuyên, cụ thể vào các năm 2013, 2016, 2017 để phù hợp với nhu cầu thực tiễn. CTĐT của khóa học 54, 55, 56 áp dụng theo quyết định 3242/QĐ-ĐHV năm 2014; khóa học 57 áp dụng theo quyết định 1002/QĐ-ĐHV năm 2016; khóa học 58 áp dụng theo quyết định 747/QĐ-ĐHV năm 2017 [H10.10.02.02].

Căn cứ vào CĐR ban hành trong các giai đoạn của CTĐT trình độ đại học ngành SPHH, Khoa/ Viện kết hợp với Trung tâm Đảm bảo chất lượng, phòng Đào tạo tiến hành đánh giá việc thực hiện CĐR trong việc biên soạn đề cương các học phần, bài giảng và giáo trình nhằm đáp ứng CĐR. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTĐT của các khóa. Trong quá trình thực hiện CTĐT, Nhà trường và Khoa/ Viện định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến SV về chất lượng hoạt động dạy học, ý kiến của giảng viên về chất lượng CTĐT để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt kết quả học tập mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội [H10.10.02.03].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa / Viện thành lập nhóm chuyên gia về điều chỉnh CTĐT. Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTĐT của trường Đại học Vinh, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến chương trình đào tạo, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa/ Viện đã thảo luận và thống nhất [H10.10.02.04]. Các nội dung cải tiến trong CTĐT dự thảo được gửi đến giảng viên, các nghiên cứu viên, các cán bộ quản lý đào tạo để lấy ý kiến góp ý, phản biện trước khi Hội đồng khoa học thẩm định [H10.10.02.05]. Sau khi thẩm định, nhóm chuyên gia tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng khoa học của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để trường Đại học Vinh thẩm định lần cuối và chính thức ban hành khung CTĐT ngành SPHH áp dụng cho từng khóa học.

Từ năm học 2015 - 2016 đến nay, Nhà trường và Khoa/Viện thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo. Căn cứ vào kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa/ Viện đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến chất lượng phù hợp về điều chỉnh CTĐT, hoạt động dạy học, nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H10.10.02.06].

Ngoài ra, trong các buổi hội thảo, hội nghị, tọa đàm trao đổi chuyên môn, học

thuật của Khoa/Viện, các ý kiến của các giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia có uy tín cũng được ngành SPHH quan tâm đưa vào thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Việc điều chỉnh, cập nhật CĐR, CTĐT có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.07].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV. CTĐT được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Một số môn học chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước;

Nhà trường và Khoa/Viện chưa ban hành quy định cụ thể về quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học. Việc cải tiến CTĐT được căn cứ theo kế hoạch hàng năm của Nhà trường và đề xuất của hội đồng khoa học – Đào tạo Khoa/Viện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường xuất bản các giáo trình phục vụ nhu cầu của người học từ năm học 2019 - 2020; Xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho người học; Ban hành văn bản về quy trình thống nhất trong thiết kế và phát triển chương trình dạy học.	Nhà XB, Phòng Đào tạo, Khoa/ Viện.	Hoàn thành 2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đánh giá và cải tiến định kỳ chương trình dạy học cũng như cập nhật, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.	Phòng ĐT/ TTĐBCL/ Khoa/Viện	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

1. Mô tả

Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học thể hiện rất rõ trong các kế hoạch của năm học như kế hoạch dự giờ thăm lớp, kế hoạch giám sát kiểm tra... mà Khoa/ Viện và giảng viên phải thực hiện.

Hàng năm, Nhà trường đều đề ra kế hoạch rà soát đề cương chi tiết môn học và kiểm tra bài giảng của giảng viên [H10.10.03.01]. Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Đào tạo và các Khoa, Viện đào tạo trong trường tổ chức các hội thảo, seminar trao đổi về công tác đảm bảo chất lượng với nội dung bàn về quy trình dạy và quá trình học tập, quy trình kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra đánh giá và tự đánh giá của SV. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Công tác chính trị Học sinh SV của Nhà trường đều phối hợp cùng Khoa/ Viện tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được SV đánh giá cao [H10.10.03.02].

Mỗi học kỳ, Khoa/Viện thường tổ chức các cuộc họp giữa Ban lãnh đạo Khoa/ Viện, Trưởng Bộ môn, Quản lý học sinh SV, Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập và các cán bộ lớp, Đoàn Thanh niên, Hội SV nhằm mục đích kịp thời nắm bắt về tình hình chung của SV cũng như công tác đào tạo, thi cử, kiểm tra, đánh giá. Các bộ môn đã tổ chức các buổi dự giờ, đánh giá đối với những giảng viên lần đầu tiên giảng dạy một học phần mới và thường xuyên dự giờ các học phần khác nhằm đóng góp ý kiến cho các giảng viên về nội dung bài giảng, cách thức tổ chức dạy học, các phương pháp giảng dạy, cách thức tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV [H10.10.03.03].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV được Nhà trường quy định rõ trong đề cương chi tiết học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: ý thức học tập (chuyên cần, thái độ), đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Trong đó, đối với đào tạo theo hệ thống tín chỉ được quy định điểm chuyên cần chiếm trọng số là 10% trong tổng số điểm, điểm giữa kỳ chiếm 30%; điểm thi kết thúc học phần là 70%. Từ khóa 58 thực hiện việc đào tạo theo tiếp cận CDIO, việc quy định trọng số của các học phần có sự thay đổi, cụ thể điểm đánh giá quá trình có trọng số 50% (bao gồm ý thức học tập; hồ sơ học phần:

bài tập, thảo luận, làm việc nhóm; giữa kì), điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 50% [H10.10.03.04]. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận và có qui định về trọng số điểm. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm [H10.10.03.05] . Một số học phần được tổ chức thi đánh giá giữa kỳ theo hình thức Test online. Kết quả học tập của SV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá SV [H10.10.03.06].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được qui định cụ thể trong văn bản của Nhà trường [H10.10.03.05].

Từ khóa đào tạo 58, thực hiện chủ trương xây dựng chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO của nhà trường, Khoa / Viện đã thực hiện các đề tài khoa học về đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá của các học phần thuộc ngành SPHH. Việc xây dựng đề cương có quy định rõ về yêu cầu cách thức kiểm tra đánh giá, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cần đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức kiểm tra đánh giá bám sát mục tiêu học phần và CĐR cần đạt được [H10.10.03.05].

Việc xây dựng nội dung kiểm tra, đánh giá từng học phần bám sát vào mục tiêu và CĐR học phần. Các học phần đều được quy định về phân nhiệm CĐR của chương trình đào tạo, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và chương trình đào tạo. Đối với kiểm tra đánh giá giữa kỳ thực hiện việc đánh giá theo hình thức trắc nghiệm khách quan với 3 mức theo thang đo Bloom (Biết(Nhớ); Hiểu; Vận dụng), đánh giá cuối kỳ thực hiện cả 5 mức của thang đó Blooom(Biết (Nhớ); Hiểu; Vận dụng, Phân tích; Đánh giá/ Sáng tạo). Tỷ lệ % giữa các mức đánh giá đảm bảo cân đối với yêu cầu của mục tiêu học phần. Các câu hỏi trong từng mức độ đảm bảo bám sát CĐR của học phần [H10.10.03.07].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy học ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản, chất lượng ngày càng cao. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Đại học Vinh, góp phần

quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện quy trình lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học chưa được thường xuyên

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng quy trình lấy ý kiến phản hồi cụ thể của giảng viên, người học và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của người học của CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR vào năm học (2019 - 2020).	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Khoa/ Viện, Giảng Viên	Hoàn thành 2019
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá theo tiếp cận năng lực.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Khoa/ Viện, Giảng Viên	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả

Đối với GV, ngoài giảng dạy, NCKH là một nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những tri thức mới, làm tăng chất lượng giảng dạy. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa/Viện của Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa

học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành nhiều. Số lượng và các loại nghiên cứu của giảng viên trong 5 năm học vừa qua [H10.10.04.01] thống kê cụ thể như sau:

Bảng 10.1. Các công trình khoa học đã công bố của Khoa/Viện từ 2014 - 2018

Năm học	Đề tài các cấp			Bài báo		Sách	
	Cấp trường	Cấp Bộ	Cấp Nhà nước	Trong nước	Nước ngoài	Giáo trình	Tham khảo
2014	4	0	0	28	22	3	1
2015	4	1	0	40	23	9	1
2016	8	2	2	31	14	4	3
2017	3	0	0	26	23	2	1
2018	2	1	0	25	28	4	1

Kết quả và sản phẩm của các công trình khoa học sau khi nghiệm thu và công bố được sử dụng theo đúng quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ của Nhà trường và được sử dụng trong hoạt động giảng dạy tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng làm ví dụ minh họa cho SV trong quá trình học tập, nghiên cứu [H10.10.04.02].

Bảng 10.2 Một số đề tài được ứng dụng trong hoạt động giảng dạy, học tập

TT	Tên đề tài	Năm	Lĩnh vực ứng dụng
1	Xây dựng chương trình đào tạo ngành SPHH theo cách tiếp cận CDIO	2016	Xây dựng khung chương trình đào tạo ngành SPHH theo tiếp cận CDIO
2	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần Hóa đại cương tiếp cận CDIO	2017	Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá Học phần Hóa đại cương
3	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp	2018	Đổi mới nội dung,

	giảng dạy, kiểm tra đánh giá học phần Hóa Lý và Hóa lý thuyết cương tiếp cận CDIO		phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các Học phần thuộc Hóa Lý và Hóa lý thuyết
4	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Hóa hữu cơ theo tiếp cận CDIO	2018	Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các Học phần thuộc Hóa hữu cơ
5	Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá khối kiến thức Hóa vô cơ theo tiếp cận CDIO	2018	Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá các Học phần thuộc Hóa vô cơ

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên luôn được xác lập rõ ràng. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể (tham gia đề tài, dự án, hướng dẫn SV nghiên cứu khoa học) [H10.10.04.03].

Hàng năm, nhà trường thông báo đề xuất đề tài NCKH SV để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia đăng ký [H10.10.04.04]. Nội dung các đề tài nghiên cứu khoa học của SV ngành SPHH thuộc các lĩnh vực chuyên môn đào tạo như Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa lý và Hóa phân tích, Lý luận và phương pháp dạy học hóa học để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng khoa học và đào tạo khoa đề xuất. Các đề tài tiêu biểu được báo cáo trong hội nghị NCKH SV. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. Công tác NCKH của SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài tốt và tương đối đồng đều, số SV tham gia ngày càng nhiều. Các đề tài của Khoa/ Viện trong năm năm gần đây đều đạt giải trong hội nghị NCKH SV toàn trường [H10.10.04.05].

Hội nghị tổng kết hoạt động SV NCKH đã khẳng định tính tích cực của hoạt động NCKH đối với GV và SV cũng như sự đóng góp của nó vào việc dạy và học, làm động lực để thúc đẩy hơn nữa chất lượng và hiệu quả NCKH [H10.10.04.06].

2. Điểm mạnh

Giảng viên, SV tham gia tích cực trong NCKH và vận dụng có hiệu quả kết quả nghiên cứu để cải tiến công tác dạy và học, có sự hỗ trợ tích cực từ phía nhà trường.

Đội ngũ giảng viên tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau và kết quả của nhiều đề tài đã gắn kết với các hoạt động giảng dạy và học tập, giúp giảng viên có nhiều ví dụ vận dụng vào bài giảng để SV dễ hiểu và nắm bắt kiến thức.

3. Điểm tồn tại

Số giảng viên tham gia các đề tài nghiên cứu hợp tác với các đối tác nước ngoài còn ít.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Trong những năm tiếp theo, Khoa/Viện sẽ thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh cũng như tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài.	Phòng KH & HTQT / Viện/Bộ môn, Giảng viên	Hoàn thành 2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hàng năm đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác)	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Viện/Bộ môn, Giảng viên	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 10. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Nhìn chung các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành SPHH đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú có ý nghĩa thiết thực; định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu người học, phù hợp với thực tiễn của xã hội.

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho người học là Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo, Bộ phận một cửa [H10.10.05.01]. Nhà trường tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho người học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là đối với các ngành đào tạo chất lượng cao, trong đó có ngành SPHH. Các chương trình hỗ trợ SV ngày càng đa dạng và phong phú [H10.10.05.02].

Định kỳ, vào cuối học kỳ của năm học, Trung tâm Đảm bảo chất lượng phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của SV đang học tập tại Khoa/ Viện về hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.10.05.03]. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của người học về cán bộ viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến người học theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến. Nhìn chung, SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích phục vụ cho việc học, nghiên cứu [H10.10.05.04]. Trên cơ sở kết quả khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường, Khoa / Viện đã đưa ra các giải pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ, tiện ích nhằm đáp ứng nhu cầu người học [H10.10.05.05].

Bên cạnh đó, định kỳ hàng năm, Khoa / Viện và nhà trường đều tổ chức hội nghị dân chủ SV đến từng lớp, tổ chức chương trình đối thoại giữa Hiệu trưởng với người học nói chung, SV từng ngành đào tạo nói riêng nhằm quan tâm, lắng nghe và có giải quyết những ý kiến chính đáng của SV, từ đó, tiếp thu và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp trong công tác quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H10.10.05.06]

Về phía thư viện, từ năm học 2012 - 2013, Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy, giảng viên và SV ngành SPHH

về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của Thư viện [H10.10.05.07]. Tính đến tháng 8/2016, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 1.230 sách dành cho ngành SPHH, 129 loại báo và tạp chí, 455 luận án và luận văn và 121 giáo trình phục vụ đào tạo ngành SPHH. Hàng năm, thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ giảng viên và SV [H10.10.05.08].

Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động đào tạo. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lí của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi người học và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống công nghệ thông tin [H10.10.05.09].

Khoa/Viện đã phân công giáo viên chủ nhiệm quản lý lớp, hàng tháng giáo viên chủ nhiệm tham dự các phiên họp của lớp để nắm bắt tình hình để có thể hỗ trợ tốt nhất đến người học. Bên cạnh đó, Khoa/ Viện có cố vấn học tập và trợ lý quản lý SV phụ trách ngành SPHH [H10.10.05.10].

2. Điểm mạnh

- Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của trường Đại học Vinh;

- Các kênh phản hồi thông tin đa dạng;

- Đã có nhiều chương trình hỗ trợ thiết thực dành cho SV;

3. Điểm tồn tại

- Các phản hồi của người học về dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được cải tiến kịp thời do phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Từ năm học 2019-2020, rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt, đồng thời nâng cấp hệ thống mạng wifi ổn định hơn nhằm phục vụ công tác dạy và học;	Phòng Quản trị và Đầu tư, TT CNTT	2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hàng năm đánh giá và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác)	TT TH TN, TT TT-TV NTH, TT CNTT, Phòng Quản trị và Đầu tư	Thực hiện thường xuyên

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan để phát triển chương trình dạy học, tăng cường dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của người học ngành SPHH được thực hiện một cách hệ thống. Phòng công tác CT HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện thu thập và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển chương trình dạy học và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.01]. Trường Đại học Vinh đã xây dựng quy trình, ban hành quy định về khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trên cơ sở đó lập kế hoạch khảo sát và hướng dẫn các bộ phận trong việc triển khai khảo sát. Nhà trường thực hiện việc khảo sát trực tuyến (dựa trên sự tích hợp ở phần mềm quản lý đào tạo CMC) thông qua gửi đường link cho các bên liên quan. Ngoài ra việc khảo sát được thực hiện bằng việc gửi phiếu điều tra (bản cứng) cho các đối tượng liên quan [H10.10.06.02]. Trên cơ sở kế hoạch khảo sát, Nhà trường thông báo tới các đơn vị liên quan và triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến về CTĐT, hoạt động dạy học và các hoạt động hỗ trợ nhằm cải tiến chất lượng đào tạo [H10.10.06.03]. Năm 2016, Khoa/ Viện cũng đã thực hiện

việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong việc phát triển chương trình đào tạo ngành SPHH theo hướng tiếp cận CDIO. Bằng phương pháp phát phiếu điều tra gửi đến 300 đối tượng bao gồm SV, cựu SV, giảng viên, nhà khoa học và nhà tuyển dụng, thông tin thu thập là cơ sở để ngành SPHH phát triển CTĐT [H10.10.06.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa/Viện tổ chức thực tập cho SV ngành SPHH. Phòng Đào tạo và Khoa/ Viện lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động thực tập và tổ chức kiểm tra thực tập của SV tại các trường THPT. Đây cũng là một kênh hữu ích để Khoa/Viện thu thập thông tin phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động nhằm cải tiến chất lượng chương trình dạy học, tăng cường hoạt động hỗ trợ và tiện ích cho người học đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội [H10.10.06.05].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Hàng năm, phòng CTCT HSSV tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan để cải tiến hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi nhằm nâng cao chất lượng của thông tin thu thập [H10.10.06.06]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các đơn vị đầu mối (phòng CTCT HSSV, Khoa / Viện) gửi kết quả khảo sát cho Bộ môn, cho giảng viên giảng dạy để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học. Căn cứ vào kết quả thông tin thu thập được, Khoa/Viện phân tích và làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo, hoạt động dạy học, các hoạt động hỗ trợ nhằm phát triển chương trình dạy học [H10.10.06.07].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được thực hiện một cách có hệ thống;

Cơ chế phản hồi được đánh giá, cải tiến định kỳ là cơ sở để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Sự phối hợp giữa các đơn vị của Nhà trường trong quá trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan đôi lúc chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường phối hợp với đơn vị liên quan xây dựng các biện pháp nhằm tăng cường tính khách quan, liên tục của thông tin thu thập từ ý kiến phản hồi của các bên liên quan; - Thường xuyên tổ chức Hội nghị trao đổi với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, giảng viên và cựu SV nhằm thu thập thông tin phản hồi, nâng cao chất lượng, phát triển chương trình dạy học.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Viện	Hoàn thành 2020	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện một cách có hệ thống cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo được - Tiếp tục cải tiến, đánh giá cơ chế phản hồi nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học và phát triển chương trình dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội.	Phòng ĐT/TTĐBCL/ Viện/Bộ môn	Thực hiện thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPHH đã được Nhà trường và Ban chủ nhiệm Khoa / Viện thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CĐR ngành SPHH, trường Đại học Vinh và kế hoạch biên soạn, xây dựng chương trình giáo dục đại học hệ chính quy của Nhà trường; thông tin phản hồi

từ các nhà tuyển dụng, cựu SV, chuyên gia giáo dục tại các trường đại học là căn cứ để Nhà trường tiến hành điều chỉnh lại CTĐT; thường xuyên ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và đươc áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 10: 6/6 tiêu chí đạt

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu

Trong hoạt động đảm bảo chất lượng, Nhà trường luôn coi trọng không chỉ đầu vào và quá trình tổ chức thực hiện, mà việc đánh giá kết quả đầu ra của quá trình đào tạo được coi là thông tin rất quan trọng giúp nhà trường cải tiến chất lượng CTĐT, hoạt động ĐBCL và hệ thống ĐBCL.

Kết quả đầu ra quan tâm đến mức độ đạt được các CĐR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả nghiên cứu khoa học của SV. Đây là những chỉ số đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo, thể hiện hiệu quả của cả quá trình đào tạo.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Tỷ lệ thôi học và tỷ lệ tốt nghiệp của từng khóa đào tạo được nhà trường coi là những chỉ số cụ thể đánh giá kết quả đầu ra, được xác lập, thường xuyên giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Để giám sát và cải thiện các chỉ số này, Nhà trường có các phòng chức năng liên quan giúp cho việc xác lập và giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV do một Phó Hiệu trưởng trực tiếp phụ trách, bao gồm: Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL. Trường ĐH Vinh có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV từ cấp trường đến cấp Khoa/Viện đào tạo trong suốt quá trình đào tạo và sau khi tốt nghiệp, quy định nhiệm vụ rõ ràng và cụ thể trong Quy chế công tác SV [H11.11.01.01], phù hợp với quy định tại Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về công tác SV. Ở các Khoa/Viện đào tạo, Nhà trường biên chế trợ lý quản lý SV, trợ lý đào tạo và các cố vấn học tập nhằm thực hiện tốt công tác tổ chức, quản lý, giáo dục và hỗ trợ SV, do một lãnh đạo Khoa/Viện trực tiếp chỉ đạo. Ngay từ khi nhập học, mỗi tân SV được cấp một mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống thông tin, được quản lý mọi thông tin quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của Nhà trường.

Trong những năm qua, tỷ lệ SV tốt nghiệp ngành SPHH luôn đạt mức cao, dao động từ 80,39% đến 94,83% (Bảng 11.1). Khóa học 53 (niên khóa 2012-2016), có 01 SV đã tốt nghiệp sớm 01 năm, hoàn thành chương trình đào tạo trong 3 năm và hiện nay, SV đang tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Đa số SV hoàn thành chương trình trong

thời gian 4 năm (từ 84,75% - 100%), số ít tốt nghiệp muộn (hơn 4 năm), chiếm tỷ lệ không lớn, dao động từ 5,56% đến 13,56% tùy theo khóa học.

Bảng 11.1. Tỷ lệ tốt nghiệp (của 5 khóa gần nhất) (phụ lục 8)

Khóa học	Số lượng	Tỷ lệ % người học hoàn thành CTĐT trong thời gian			Phân loại tốt nghiệp (%)		
		3 năm	4 năm	> 4 năm	Xuất sắc	Giỏi	Khá
2010-2014	55	0	48 (87,27%)	7 (12.73%)	3 (5,45%)	11 (20%)	30 (54,55%)
2011-2015	31	0	27 (87,1%)	4 (12,9%)	0	6 (19,35%)	20 (64,52)
2012-2016	59	1 (1,69%)	50 (84,75%)	8 (13,56%)	1 (1,69%)	9 (15,25%)	40 (67,8%)
2013-2017	54	0	51 (94,44%)	3 (5,56%)	1 (1,85%)	9 (16,67%)	34 (62,96%)
2014-2018	41	0	41 (100%)	0	1 (2,44%)	16 (39,02%)	24 (58,54%)

Mặc dù nhà trường rất chú trọng công tác tư vấn và hỗ trợ, song vẫn còn những SV không hoàn thành khóa học. Tỷ lệ thôi học những năm vừa qua dao động trong mức từ 6,9% đến 19,61% và chịu tác động không nhỏ bởi tình hình việc làm sau ra trường cũng như thái độ và dư luận xã hội đối với ngành sư phạm. Tính chung trong giai đoạn từ 2013 đến nay, tỷ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học là 12,73%. Tính theo từng năm tỷ lệ này có biến động khá nhiều vì các lý do khác nhau.

Bảng 11.2. Tỷ lệ SV thôi học (của 5 khóa gần nhất)

Khóa học	Số SV TN	Số SV nhập học	Số nghỉ học	Số lượng, tỷ lệ % SV thôi học trong thời gian			
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
2010-2014	54	58	4 (6,90%)	1 (1,72%)	1 (1,72%)	1 (1,72%)	0
2011-2015	31	36	5 (13,89%)	2 (6,45%)	2 (6,45%)	0	1 (3,23%)
2012-2016	59	69	10 (14,49%)	4 (5,8%)	4 (5,8%)	0	1 (1,45%)
2013-2017	54	58	4 (6,90%)	1 (1,72%)	1 (1,72%)	0	0
2014-2018	41	51	10 (19,61%)	0	6 (11,76%)	1 (1,96%)	1 (1,96%)

Khoa/Viện luôn coi đây là một trong những chỉ số cần cải thiện, bởi vì SV thôi học đồng nghĩa với các em phải tốn thêm thời gian để lựa chọn và học tiếp ngành khác, hoặc lãng phí thời gian đã học. Trong số SV thôi học, qua tìm hiểu được biết một số nguyên nhân sau:

- Không phù hợp với nghề sư phạm, vào trường theo ý kiến người khác;
- Có cơ hội học ngành nghề khác tốt hơn;
- Cảm thấy không có cơ hội đầu ra có việc làm;
- Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bỏ học đi làm.
- Học lực còn yếu, không đủ theo chương trình;

Thông qua các hoạt động tư vấn, cán bộ quản lý Khoa/Viện, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý SV, đội ngũ giảng viên đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ SV trong quá trình học tập. Khoa/Viện đã có những hoạt động cụ thể như:

+ Tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển năng lực sư phạm như: hội thi nghiệp vụ sư phạm hàng năm [H11.11.01.02], tổ chức cho SV tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện nhằm bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp và nâng cao nhận thức trách nhiệm xã hội, các hoạt động như dạy bồi dưỡng cho trẻ em nơi tình nguyện, dạy gia sư [H11.11.01.03] hoạt động ngoài giờ cho học sinh trường Thực hành sư phạm, ...

+ Tổ chức nhiều hoạt động Đoàn, Hội làm phong phú cuộc sống tinh thần và không gian trải nghiệm cho SV, mở các khóa huấn luyện công tác đoàn, đội [H11.11.01.04].

+ Tổ chức các câu lạc bộ SV: CLB tiếng Anh, CLB sư phạm, CLB thể thao,... [H11.11.01.05].

+ Kêu gọi ủng hộ quỹ học bổng cho các em SV có tinh thần vượt khó, học tốt. Có cựu SV đã ủng hộ 150 triệu đồng, được trao trong vòng 5 năm [H11.11.01.06], nhiều nguồn học bổng khác trong và ngoài trường, như học bổng Oddon Vallet, học bổng Wantanabe, [H11.11.01.06]…

+ Giới thiệu việc làm cho các em (gia sư, làm thêm ngoài giờ…)

+ Tăng cường trao đổi, tư vấn cho SV, giữ liên lạc với gia đình trao đổi thông tin [H11.11.01.07], …

+ Chú trọng bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp và tư vấn cho SV ngay từ năm thứ nhất. Hiện nay, chương trình đào tạo đã bổ sung môn học “Nhập môn ngành sư phạm”

từ năm 2018, qua đó cho các em trải nghiệm bằng một đồ án nhập môn ngành sư phạm [H11.11.01.08], đồng thời khuyến khích thực tế ở trường thực hành sư phạm trong Trường.

Với sự hỗ trợ hiệu quả của phần mềm quản lý, Khoa/Viện thường xuyên thống kê và rà soát tiến độ học tập của SV, có cảnh báo về kết quả học tập rèn luyện theo từng học kỳ [H11.11.01.09]. Do đó, những trường hợp SV khó khăn trong học tập được kịp thời phát hiện và hỗ trợ tư vấn, góp phần làm giảm tỷ lệ tốt nghiệp chậm tiến độ.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ thôi học còn ở mức đáng kể, việc hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn chưa đáp ứng được hết các trường hợp, giáo dục tình cảm nghề nghiệp sư phạm cần được chú trọng và hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Giảm tỷ lệ thôi học bằng các biện pháp tổng thể, chú trọng tăng cường các hoạt động giáo dục tình cảm nghề nghiệp	Khoa/Viện; Trường	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện các giải pháp hiệu quả quản lý và hỗ trợ SV sư phạm trong và sau quá trình đào tạo	Khoa/ viện; Trường	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Chương trình đào tạo SPHH có thời gian thực hiện một khóa đào tạo là 4 năm, SV có tối đa không quá 6 năm để tốt nghiệp theo quy định. Thời gian tốt nghiệp trung

bình của từng khóa được hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các khuyến nghị thích hợp để cải tiến chất lượng hỗ trợ người học [H11.11.02.01].

Trong thời kỳ từ 2013 – 2018, đã có 01 SV tốt nghiệp sớm sau 3 năm học (6 học kỳ) [H11.11.02.02], số lượng SV tốt nghiệp muộn sau 4 năm không lớn.

Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV 5 khóa gần nhất ngành Sư phạm Hóa học

Khóa học	Số lượng TN	Tỷ lệ (%) người học tốt nghiệp trong thời gian					
		3 năm	4 năm	4,5 năm	5 năm	5,5 năm	Trung bình
2010-2014	55	0	48 (87,27%)	4 (7,27%)	1 (20%)	2 (3,64%)	4,11
2011-2015	31	0	27 (93,55%)	4 (12,9%)	0	0	4,06
2012-2016	59	1 (1,69%)	50 (84,75)	2 (3,39%)	5 (8,47%)	1 (1,69)	4,11
2013-2017	54	0	51 (94,44%)	3 (5,56)	0	0	4,03
2014-2018	41	0	41 (100%)	41 (100%)	0	0	4,00

Để giám sát và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học, Khoa/Viện rất chú trọng công tác giám sát tiến độ học tập và tư vấn kịp thời cho các trường hợp SV chậm tiến độ, học lực yếu. Hàng kỳ, Khoa/Viện đều thống kê tình hình học tập của SV, thông báo đến những SV thuộc diện cảnh báo học tập, tổ chức gặp các em để tư vấn, hướng dẫn cụ thể tiến trình học tập, phương pháp học, lựa chọn môn học, …[H11.11.02.03].

Đặc biệt, đối với một số SV nước ngoài (Lào), do sự khác biệt ngôn ngữ, cũng như trình độ của bậc học phổ thông khá chênh lệch so với SV Việt Nam nên nhiều em gặp khó khăn trong học tập. Khoa/Viện đã kịp thời có các giải pháp hỗ trợ như: phân công các SV Việt Nam kèm cặp [H11.11.02.04] với tinh thần tình nguyện, vừa giúp học tiếng Việt, vừa hỗ trợ học chuyên môn; các giảng viên tăng cường quan tâm giúp đỡ trong quá trình học tập, phụ đạo thêm ngoài giờ,... Biện pháp tương tự cũng đã được áp dụng với một số SV dân tộc thiểu số thuộc diện cử tuyển, nên đã có tác dụng tích cực.

Hiệu quả của các biện pháp đã thể hiện ở thời gian trung bình tốt nghiệp toàn khóa không quá cao, dao động trong 5 khóa liên tiếp gần đây từ 4,0 đến 4,11 năm (số liệu ở bảng 11.3).

2. Điểm mạnh

Khoa/Viện thường xuyên giám sát và có nhiều biện pháp hỗ trợ người học để đảm bảo tiến độ học tập.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ người học tốt nghiệp sớm hoặc học ngành thứ 2 chưa cao, còn SV tốt nghiệp chậm tiến độ. Chỉ số thời gian tốt nghiệp trung bình chưa có đối sánh trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Tăng cường công tác tư vấn học tập cho SV học vượt, học ngành 2 và SV thuộc diện cảnh báo học tập. + Tìm thông tin để đối sánh nhằm có giải pháp nâng cao hiệu quả cải thiện chỉ số thời gian tốt nghiệp trung bình	Khoa/Viện; Trường	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên giám sát, đối sánh thông tin về tiến độ và kết quả học tập của SV, đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ SV	Khoa/ viện; Trường	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 5/7)

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Trong 5 năm gần đây, việc tăng mạnh số lượng cơ sở đào tạo giáo viên trên cả nước cùng với việc phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế với nhiều ngành nghề hấp dẫn về thu nhập, đã tác động mạnh mẽ đến khả năng và nhu cầu tìm việc làm đúng ngành đào tạo của SV sư phạm sau khi ra trường.

Để hỗ trợ người học sau tốt nghiệp và có thông tin phản hồi nhằm cải tiến chất lượng, Nhà trường đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát SV sau tốt nghiệp [H11.11.03.01], giao chủ trì đầu mối thực hiện là Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp, đồng thời phân cấp đến Khoa/Viện chỉ đạo trực tiếp các bộ phận chức năng tiến hành thu thập thông tin việc làm của SV sau khi ra trường trong vòng 6 tháng và 1 năm theo quy định [H11.11.03.02]. Trợ lý quản lý SV của Khoa/Viện được giao nhiệm vụ duy trì liên lạc và định kỳ thu thập thông tin của SV sau tốt nghiệp, phân tích và báo cáo cho BCN Khoa/Viện [H11.11.03.03]. Kết quả điều tra những năm vừa qua (đối với các khóa tốt nghiệp năm 2015, 2016 và 2017) đã được báo cáo cho Bộ GD&ĐT [H11.11.03.04], trong đó tỷ lệ có việc làm sau 1 năm TN của SV ngành SPHH tốt nghiệp năm 2015 là 84,37% (100% khu vực nhà nước), tốt nghiệp năm 2016 là 78,18% (16,21% làm ngoài nhà nước) và năm 2017 là 73,7%. Tỷ lệ này có xu hướng giảm dần, phản ánh mức độ bão hòa của thị trường lao động ngành sư phạm. Nguyên nhân một phần quan trọng là do những năm qua có rất nhiều trường ĐH các địa phương tham gia đào tạo sư phạm, nguồn cung lớn hơn cầu dẫn đến dư thừa, nhiều SV sư phạm tốt nghiệp đi làm ngành khác.

Thông tin việc làm của SV sau TN được bộ phận ĐBCL của Khoa/Viện xử lý, phân tích đối sánh, cùng với các thông tin phản hồi khác nhằm tìm ra biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp cho CTĐT [H11.11.03.05] .

Một trong những khó khăn trong việc giám sát tỷ lệ việc làm sau TN là việc thay đổi địa chỉ liên lạc của SV làm gián đoạn thông tin, đồng thời, một số SV có việc làm khác ngành nghề đào tạo nhưng mặc cảm nên không cung cấp thông tin chính xác.

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau TN, Nhà trường và Khoa/Viện đã có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như:

+ Tổ chức các khóa huấn luyện kỹ năng mềm với các chuyên gia có uy tín trong nước [H11.11.03.06].

+ Tổ chức các buổi giao lưu, nói chuyện chuyên đề với các thầy cô giáo giàu kinh nghiệm thực tiễn của trường phổ thông, các nhà quản lý giáo dục, ... [H11.11.03.07].

+ Cung cấp thông tin tuyển dụng trên trang web của Trường, Khoa/Viện, trên các địa chỉ mạng xã hội giúp SV tiếp cận dễ dàng [H11.11.03.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa/Viện đã có hệ thống và cơ chế để khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV sau tốt nghiệp trả lời khảo sát chưa cao, tỷ lệ SV có việc làm có xu hướng giảm dần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh phù hợp nhu cầu xã hội + Có biện pháp duy trì thông tin liên lạc và lấy phiếu khảo sát hiệu quả hơn	Trường Khoa/Viện;	2019 Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi, cung cấp và hỗ trợ thông tin việc làm cho SV đã tốt nghiệp	Khoa/ viện; Trường	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Năng lực nghiên cứu là một trong những CĐR của CTĐT ngành SPHH, góp phần giúp SV có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn. Với đặc thù hóa học là khoa học thực nghiệm, Khoa/Viện rất chú trọng và khuyến khích SV tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Hai lĩnh vực chủ yếu trong hoạt động NCKH của SV là lĩnh vực hóa học (nghiên cứu cơ bản và ứng dụng), và lĩnh vực dạy học hóa học (khoa học giáo dục). Hàng năm Nhà trường dành một phần kinh phí cho hoạt động NCKH của SV, giao Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chủ trì tham mưu và quản lý các hoạt động khoa học công nghệ toàn trường, trong đó có hoạt động NCKH của SV [H11.11.04.01]. Đầu năm học, các SV được đề

xuất các đề tài NCKH để đề nghị tài trợ kinh phí từ trường [H11.11.04.02], hoặc tham gia trực tiếp thực hiện các đề tài KHCN của các giảng viên, tham gia các sinh hoạt học thuật như seminar khoa học của bộ môn, của NCS, bảo vệ các luận văn thạc sĩ, luận án Tiến sĩ, báo cáo khoa học của các đề tài nghiên cứu, đi tham dự các Hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, tham gia viết bài công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế [H11.11.04.03]. Điển hình là SV tham gia các nhóm nghiên cứu hợp chất thiên nhiên, hóa học vật liệu tiên tiến và phức chất, hóa hữu cơ, hóa thực phẩm... Gần đây cũng có những ý tưởng khởi nghiệp từ hoạt động NCKH của SV. Hàng năm Khoa/Viện tổ chức Hội nghị SV NCKH chọn các công trình tham dự Hội nghị SV NCKH cấp trường và cấp Bộ [H11.11.04.04]. Nhìn chung, SV đã được tạo điều kiện và thực sự trở thành một nguồn lực khoa học công nghệ của Khoa/Viện. Từ hoạt động SV NCKH, đã có nhiều SV trưởng thành, tiếp tục con đường nghiên cứu, trở thành tiến sĩ, thạc sĩ [H11.11.04.05].

2. Điểm mạnh

Khoa/Viện chú trọng đến việc tạo điều kiện về không gian và thời gian, cơ sở vật chất PTN và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Kết quả SV NCKH đã đạt được một số giải thưởng cấp Bộ, Trường, nhiều SV trưởng thành từ hoạt động NCKH.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ SV tham gia NCKH chưa cao, kinh phí dành cho các hoạt động NCKH của SV chưa đáp ứng nhu cầu, chương trình đào tạo cần linh hoạt hơn để kích thích nhu cầu NCKH mạnh mẽ cho SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	+ Điều chỉnh CTĐT, trong đó khuyến khích SV NCKH và khởi nghiệp sáng tạo bằng các dự án học tập + Tăng cường nguồn lực cho SV NCKH	Trường, Khoa/Viện Trường; Khoa/Viện;	10/2019 Hàng năm	
2	Phát huy điểm	Tổ chức các nhóm NCKH gồm GV và SV, đa dạng về	Khoa/ viện; Trường	Hàng năm	

	mạnh	ngành và khóa học			

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả

Nhằm mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng, Nhà trường đã có cơ chế lấy ý kiến phản hồi của SV, cựu SV về mọi mặt hoạt động, được quy định trong các văn bản quản lý, điều hành như: quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của trưởng ĐH Vinh [H11.11.05.01]; quy định thành bộ tiêu chuẩn đánh giá công tác học sinh, SV của các đơn vị [H11.11.05.02]. Từ năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường ĐH Vinh, trong đó quy định rõ trách nhiệm khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan cho các bộ phận trong hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường [H11.11.05.03] .

Việc lấy ý kiến phản hồi của SV được tổ chức định kỳ bằng hình thức trả lời phiếu khảo sát theo cả hai hình thức: online (qua trang web của Nhà trường) và trực tiếp trên bản in qua các buổi sinh hoạt lớp. Nội dung khảo sát được phân làm 4 nhóm chủ đề chính, bao gồm ý kiến đánh giá về: (1) CTĐT, (2) giảng viên, (3) tổ chức đào tạo và cơ sở vật chất cho đào tạo, (4) mức độ đáp ứng mong đợi của SV, trên cơ sở đó SV đưa ra ý kiến đánh giá chung [H11.11.05.04]. Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỷ lệ đánh giá *Tốt* các chỉ số của CTĐT đạt từ 67,1% đến 73,0%; đánh giá *Tốt* cho các chỉ số của giảng viên đạt từ 71,2% đến 75,4%. Mức độ hài lòng so với mong đợi của SV về năng lực đạt được sau khi hoàn thành khóa đào tạo đạt từ 63 – 70%. Ngoài ra, định kỳ hàng năm Khoa/Viện và Nhà trường đều tổ chức các hội nghị dân chủ SV, tạo diễn đàn tiếp xúc đối thoại trực tiếp giữa SV của từng đơn vị đào tạo với các đơn vị chức năng và với Hiệu trưởng nhà trường về mọi mặt hoạt động liên quan đến SV [H11.11.05.05].

Nhà trường có nhiều cơ chế và hình thức khác nhau để CB và GV được bày tỏ ý kiến đánh giá của mình về mọi mặt hoạt động của nhà trường và đơn vị, như: hội nghị viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết năm học và xây dựng kế hoạch năm học mới, các buổi sinh hoạt Khoa/Viện, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn... được tổ

chức thường xuyên và định kỳ [H11.11.05.06]. Kết quả lấy ý kiến phản ánh của CB và GV nhà trường được tiếp thu và đưa vào các kế hoạch tháng, năm để điều chỉnh việc thực hiện một cách kịp thời.

Đánh giá của phía nhà tuyển dụng, sử dụng lao động những năm qua chủ yếu là những ý kiến qua các cuộc họp mỗi kỳ thực tập sư phạm, hội nghị, hội thảo hay các buổi làm việc giữa nhà trường với các sở giáo dục và đào tạo các tỉnh trong khu vực Bắc Trung bộ [H11.11.05.07], chưa có cơ chế thường xuyên và chuyên nghiệp trong việc thu thập và xử lý thông tin để cải tiến chất lượng. Mặc dù vậy, nhiều ý kiến đã được tham khảo để cải tiến CTĐT ngành SP Hóa học, chẳng hạn tăng thời lượng và đổi mới nội dung các môn học lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn hóa, tăng cường năng lực thực hành thí nghiệm dạy học và đầu tư PTN PPDH Hóa [H11.11.05.08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa/Viện có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi và ý kiến đánh giá của nhà tuyển dụng, cựu SV về chất lượng người học đã tốt nghiệp còn chưa được đầy đủ, thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	1- Thiết kế mẫu phiếu khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu SV 2-Triển khai thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách đầy đủ	Bộ phận ĐBCL Khoa/Viện và Trường	Tháng 12/2019 Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lý đầy đủ thông tin phản hồi cho mục đích cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào	Bộ phận ĐBCL, các GV Khoa/Viện	Hàng năm	

		tạo của nhà trường			

5. Tự đánh giá: Đạt (mức 4/7)

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học và CB, GV, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT. Những năm gần đây, việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đã được quan tâm và thực hiện thường xuyên.

Khoa/Viện rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về không gian và thời gian, cơ sở vật chất PTN và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Nhiều SV NCKH đã đạt được một số giải thưởng cấp Bộ, Trường, có nhiều SV trưởng thành từ hoạt động NCKH.

Tuy nhiên, việc thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV, nhà tuyển dụng còn chưa được nhiều, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm đúng nghề sư phạm có xu hướng giảm.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 11: 5/5 tiêu chí đạt.

PHẦN III. KẾT LUẬN

Viện phạm Tự nhiên, trường Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá CTĐT ngành SPHH theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/32016 của Bộ GD&ĐT. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá, phòng ban chức năng và Viện Sư phạm Tự nhiên. Với mục đích của nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành đào tạo SPHH, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường và Viện Sư phạm Tự nhiên phụ trách ngành SPHH đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định.

Khoa/Viện đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành SPHH, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ.

Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường vàcơ bản phản ảnh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kỹ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học

phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.Các bên liên quan như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

Chương trình đào tạo ngành SPHH được thiết kế dựa trên 3 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp và khối kiến thức chuyên ngành Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của cử nhân SPHH,được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sungvà có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành SPHH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết. Các học phần trong chương trình đào tạo ngành SPHH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗihọc phần nhằm đạt được CĐR.

Khoa/Viện có đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, có cơ cấu tương đối hợp lí, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động khác. Trường đã có chính sách hỗ trợ, động viên cán bộ, công chức, viên chức học tập nâng cao trình độ để thực hiện tốt công việc được giao. Đội ngũ giảng viên hiện đang được trẻ hóa, giảng viên được tuyển mới phần lớn có trình độ thạc sĩ trở lên nên tỉ lệ giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên trên tổng số giảng viên đạt gần 100%.

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa/Viện, ngành SPHH đã đưa ra những phương pháp giảng dạy đúng đắn, tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các bên liên quan để thay đổi cách tiếp cận dạy học phù hợp; tạo ra các chương trình gắn kết SV và rèn các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của SV. Bên cạnh đó, Khoa/ Viện cần tạo các môi trường giúp SV có thể đi tìm hiểu các doanh nghiệp, có cái nhìn thực tế về các công ty, doanh nghiệp hoạt động; những cuộc hội nghị, hội thảo về cải tiến chương trình đào tạo cho SV và cách dạy học cho giảng viên nhiều hơn.

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Đội ngũ giảng viên của Khoa/Viện đạt yêu cầu về trình độ chuyên môn, đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học và nghiệp vụ sư phạm, có tâm huyết với nghề, có kinh nghiệm công tác. Nhà trường có nhiều cách thức đánh giá năng lực giảng viên ở nhiều cấp độ khác nhau đồng thời có các chính sách công nhận, đãi ngộ, khuyến khích giảng viên giảng dạy và NCKH. Hệ thống đánh giá, đào tạo, phát triển đội ngũ hợp lý có tác động tốt đến tinh thần và sự tích cực trong công việc của cán bộ, giảng viên.

Khoa/Viện đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

Thư viện, cơ sở vật chất, thiết bị của Trường ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành SPHH và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành SPHH có thể tra cứu tài liệu, cơ sở dữ liệu từ mạng LAN và mạng Internet. Hệ thống phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành, kí túc xá SV đã được xây dựng đúng qui hoạch và có chất lượng. Trang thiết bị, máy tính đã cơ bản đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, các hoạt động khác của Khoa/Viện.

Chất lượng đầu ra của người học được đảm bảo, Trường ĐH Vinh và ngành SPHH đã giám sát việc đạt được các CĐR, tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Mặt khác nghiên cứu khoa học của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư, các đề tài của SV có chất lượng, SV ra trường đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá bên cạnh những thành tựu đạt được, Trường Đại học Vinh và Khoa/ Viện nói riêng tự nhận thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Nhà trường và Khoa phụ trách sẽ nghiêm túc nhìn nhận, thực hiện tốt các kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng ngành SPHH, xứng đáng là một ngành đào tạo có vị thế trong sự phát triển của Nhà trường và xã hội.

Nghệ An, ngày tháng 9 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Tên chương trình đào tạo: **Sư phạm Hóa học**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								4.67	3	100%
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2										
Tiêu chí 2.1				4				4.00	3	100%
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
Tiêu chuẩn 3										
Tiêu chí 3.1					5			4.67	3	100%
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3				4						
Tiêu chuẩn 4										
Tiêu chí 4.1					5			4.67	3	100%
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
Tiêu chuẩn 5										
Tiêu chí 5.1					5			4.40	5	100%
Tiêu chí 5.2					5					

Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5				4						
Tiêu chuẩn 6										
Tiêu chí 6.1					5			4.57	7	100%
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3				4						
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6				4						
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7										
Tiêu chí 7.1				4				4.00	5	100%
Tiêu chí 7.2				4						
Tiêu chí 7.3				4						
Tiêu chí 7.4				4						
Tiêu chí 7.5				4						
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1				4				4.20	5	100%
Tiêu chí 8.2				4						
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5				4						
Tiêu chuẩn 9								4.60	5	100%
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2				4						

Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4				4						
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1				4				4.33	**6**	100%
Tiêu chí 10.2				4						
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6				4						
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1				4				4.20	5	100%
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3				4						
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5				4						
Đánh giá chung CTĐT								4.39	50	100%

Nghệ An, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS. TS. Đinh Xuân Khoa

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục 1.

CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2018

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
- Tiếng Anh: Vinh University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

- Tiếng Việt: TDV
- Tiếng Anh: VinhUni

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0238 3855 452 (số máy lẻ 238)Số fax: 038 3855 269
7. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961
11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên đơn vị thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

- Tiếng Việt: Viện Sư phạm Tự nhiên/Ngành (khoa) Hóa học
- Tiếng Anh: School of Natural Science Education/Chemistry Department

13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện CTĐT:

- Tiếng Việt: PPGD Hóa học
- Tiếng Anh: Chemistry Teaching Methodology

14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Hóa học

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học
- Tiếng Anh: Teacher Education Program

16. Mã CTĐT: 7140212

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

18. Địa chỉ của Khoa/Viện thực hiện CTĐT: Tầng 2 Nhà A0, Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, Thành Phố Vinh

19. Số điện thoại liên hệ: 02383.855.452; Số fax: 02388.552.269

20. E-mail: sptn@vinhuni.edu.vn; Website: www/http/viensptn.vinhuni.edu.vn

21. Năm thành lập Khoa Hóa học: 1961; Năm thành lập Viện Sư phạm Tự nhiên: 2017

22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 1962

23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 1965

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

24. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT:

Năm 1961, tổ Hóa học được thành lập vào tháng 8 năm 1961. Tháng 8 năm 1962, Khoa Lý-Hóa-Sinh được thành lập và đến năm 1963 được tách thành 2 khoa: khoa Vật lý và khoa Hóa – Sinh. Đến tháng 11 năm 1965, Khoa Hóa học được tách ra thành khoa độc lập cùng với 5 khoa khác trong trường Đại học Sư phạm Vinh (Ngữ Văn, Lịch sử, Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học). Từ tổ Hóa học vào năm 1961, đến tháng 3 năm 2017, khoa Hóa học có 6 bộ môn: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa lý-Đại cương, PPGD Hóa học và Hóa thực phẩm với 36 cán bộ trong đó có 34 giảng viên, bao gồm 01 GS (2,9 %), 8 PGS (23,5%); 16 TS (47%) và 8 cán bộ đang làm NCS, 2 TS đang làm postdoc ở nước ngoài. Khoa Hóa học đảm nhận đào tạo 4 ngành trình độ đại học: Sư phạm Hóa học, Hóa học, Công nghệ thực phẩm và Công nghệ kỹ thuật Hóa học (chuyên ngành Hóa dược-mỹ phẩm); đào tạo thạc sĩ 4 chuyên ngành: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học; đào tạo tiến sĩ 2 chuyên ngành: Hóa hữu cơ, Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học. Ngoài ra, khoa Hóa học còn là đơn vị có nhiều đóng góp trong hoạt động KHCN và HTQT của nhà trường.

Kết quả hoạt động và thành tích của Khoa trong gần 60 năm được ghi nhận bằng các danh hiệu và phần thưởng cao quý:

- 04 Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể cán bộ khoa (2001), tập thể bộ môn Hóa vô cơ (2004) và 02 cá nhân;

- 2 Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An cho tập thể cán bộ Khoa;

- 05 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 02 tập thể cán bộ Khoa và 03 cá nhân;

- 05 cán bộ được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú.

Tháng 4 năm 217, thực hiện đề án tái cấu trúc Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm, Viện Sư phạm Tự nhiên được thành lập theo Quyết định số 260/QĐ-ĐHV, ngày 4/4/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh trên cơ sở sáp nhập 16 bộ môn của 5 khoa: Khoa Sư phạm Toán (5 bộ môn), khoa Vật lý và công nghệ (2 bộ môn), khoa Hóa học (5 bộ môn), khoa Sinh học (4 bộ môn), khoa Công nghệ thông tin (1 bộ môn). Hiện nay, Viện Sư phạm Tự nhiên có 90 cán bộ, trong đó có 86 giảng viên với 22 GS.TS, PGS.TS, 48 TS, 16 ThS (có 10 cán bộ đang làm nghiên cứu sinh ở trong và ngoài nước).

Viện Sư phạm Tự nhiên phụ trách đào tạo 6 ngành trình độ đại học: Sư phạm Toán, Sư phạm Toán chất lượng cao, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học và Sư phạm Tin học; 15 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Toán giải tích, Đại số và Lý thuyết số, Hình học và Tôpô, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Quang học, Lý luận và phương dạy học bộ môn Vật lý, *Hóa hữu cơ, Hóa vô cơ, Hóa phân tích, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học,* Sinh học thực nghiệm, Thực vật học, Động vật học, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học) và 10 chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Toán giải tích; Đại số và Lý thuyết số, Hình học và Tôpô, Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán, Quang học, Lý luận và phương dạy học bộ môn Vật lý, *Hóa hữu cơ, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học*, Thực vật học). Trong gần 58 năm xây dựng và phát triển, khoa Hóa học trước đây và Viện Sư phạm Tự nhiên hiện nay đã đào tạo, bồi dưỡng cho hơn 3000 giáo viên Hóa học, hơn 600 thạc sĩ Hóa học và 15 tiến sĩ Hóa học. Hiện nay, Viện Sư phạm tự nhiên đang đào tạo 707 SV, 346 học viên cao học và 68 NCS. Trong số đó, có 128 SV ngành Sư phạm Hóa học, 56 học viên cao học của 4 chuyên ngành (Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Lý luận và PPDH Bộ môn Hóa học), 18 nghiên cứu sinh của 2 chuyên ngành (Hóa hữu cơ, Lý luận và PPDH bộ môn Hóa học).

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Khoa/Viện cũng được chú ý phát triển. Khoa/Viện đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học; xuất bản hơn 100 giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo; công bố hơn 400 bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước (trong đó có gần 100 bài báo thuộc danh mục ISI). Các cán bộ của Khoa/Viện đã chủ

trì và tham gia thực hiện nhiều đề tài cấp Nhà nước, đề tài cấp Bộ và cấp trường.

Sau gần 58 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ của Khoa/Viện không ngừng được bổ sung về số lượng, số cán bộ có học hàm, học vị ngày càng lớn. Nhiều cán bộ hiện nay đang giữ các chức vụ chủ chốt của trường. Quy mô và hình thức đào tạo của Khoa/Viện ngày càng mở rộng, góp phần quan trọng vào việc xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao trên địa bàn.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

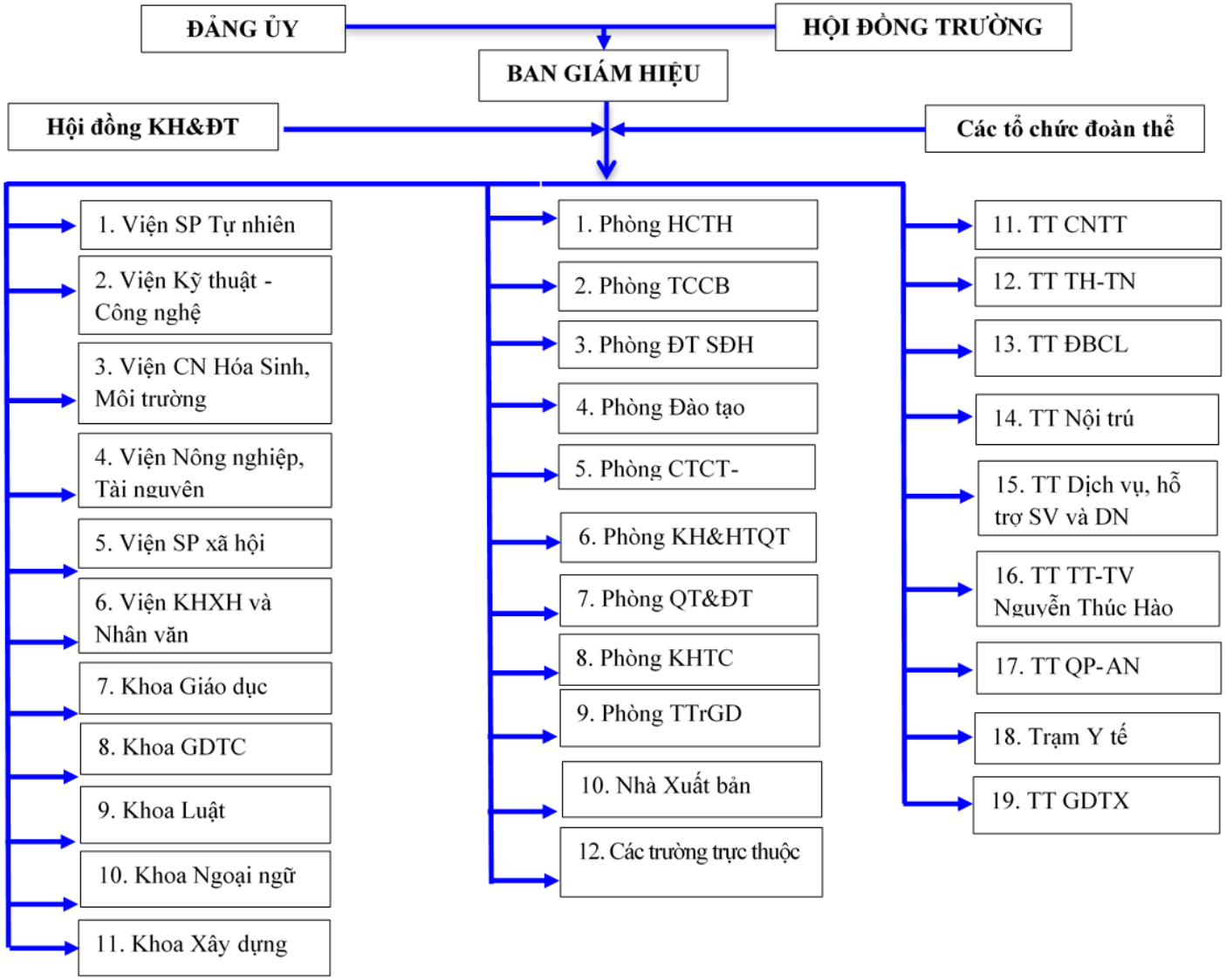

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC VIỆN SƯ PHẠM TỰ NHIÊN

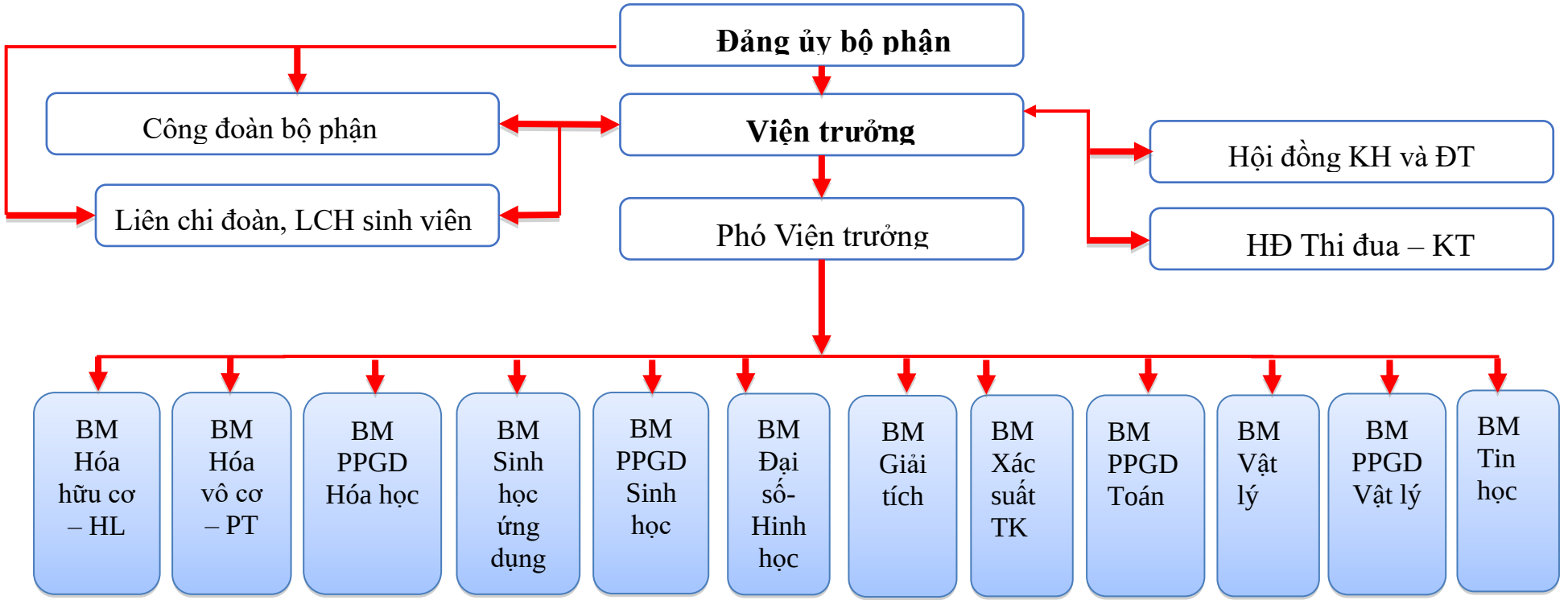

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh					
1	Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy	Đinh Xuân Khoa	1960	GS.TS	0383855529	khoadx@vinhuni.edu.vn
2	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	PGS.TS	0383733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
3	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Ngọc Hiền	1975	TS	0913598796	hiennn@vinhuni.edu.vn
4	Phó Hiệu trưởng	Trần Bá Tiến	1972	TS	0943299777	tientb@vinhuni.edu.vn
4	Chủ tịch HĐ Trường	Nguyễn Hoa Du	1968	PGS.TS	0912574484	dunh@vinhuni.edu.vn
5	Chủ tịch Công đoàn	Phạm Thị Bình	1971	TS	0983551387	binhpt@vinhuni.edu.vn
	Khoa/ Viện					
I.	**Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị**					
1	Phó Viện trưởng (phụ trách Viện, phụ trách ngành Hóa học)	Lê Đức Giang	1976	PGS.TS	0912091407	giangld@vinhuni.edu.vn
2	Phó Viện trưởng (phụ trách ngành Vật lý)	Chu Văn Lanh	1977	PGS.TS	0946069997	lanhcv@vinhuni.edu.vn

3	Phó Viện trưởng (phụ trách ngành Tin học)	Trần Thị Kim Oanh	1975	TS	0912488055	oanhttk@vinhuni.edu.vn
4	Phó Viện trưởng (phụ trách ngành Sinh học)	Nguyễn Thị Giang An		TS	0917113270	anntg@vinhuni.edu.vn
5	Phó Viện Trưởng (phụ trách ngành Toán học)	Thiều Đình Phong		TS	0988126003	tdphong@vinhuni.edu.vn
II.	**Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội**					
1	Đảng bộ BP	Thiều Đình Phong	1983	TS, Bí thư	0988126003	tdphong@vinhuni.edu.vn
2	Công đoàn	Phạm Xuân Chung	1977	TS, Chủ tịch	0912490011	chung@vinhuni.edu.vn
3	Liên chi đoàn	Nguyễn Hoàng Hào	1984	TS, Bí thư	0912736777	haonh@vinhuni.edu.vn
4	Liên chi hội SV	Nguyễn Hoàng Kim Nguyên	1999	LCH trưởng	0373723425	Nguyena1k48@gmail.com
III.	**Các trợ lý hành chính ngành Hóa học**					
1	Trợ lý đào tạo	Phan Thị Thùy	1987	TS	0944735187	thuypt@vinhuni.edu.vn
2	Trợ lý QLSV	Nguyễn Thị Kim Dung	1980	ThS	0912736777	dungntk@vinhuni.edu.vn
3	Văn phòng khoa	Bùi Quỳnh Sương	1991	ThS	01666936087	suongbt@vinhuni.edu.vn
IV.	**Các bộ môn ngành Hóa học**					

1	BM PPGD Hóa học	Cao Cự Giác	1974	PGS.TS, TBM	0913504617	giaccc@vinhuni.edu.vn
2	BM Hóa hữu cơ-Hóa lý	Nguyễn Xuân Dũng	1975	PGS.TS, TBM	0912918313	dungnx@vinhuni.edu.vn
3	BM Hóa vô cơ-Phân tích	Phan Thị Hồng Tuyết	1971	PGS.TS, TBM	0912876384	tuyetpth@vinhuni.edu.vn

(Kéo dài Bảng biểu theo quy mô của đơn vị thực hiện CTĐT)

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (ngành Hóa học)

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 2

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 4

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

29. Tổng số các ngành đào tạo : 6

IV.Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu[1] *Trong đó:*	11	12	24
I.1	Cán bộ trong biên chế	11	11	22
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	1	1
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng[2])	01	0	0
	Tổng số	12	12	24

(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

[1]Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

[2]Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

31. Thống kê, phân loại giảng viên

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn3 trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	1	0	1	0	0
2	Phó Giáo sư	9	8	0	7	1	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	7	17	0	2	0	0
5	Thạc sĩ	5	5	0	0	0	0
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	22	21	0	10	1	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 21 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 21/23 = 91,3%

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

[3]Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện)*.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	1	1	0	1	0	0	6,5
2	Phó Giáo sư	3,0	9	8	0	7	1	0	30,9
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	2	7	7	0	2	0	0	15,2
5	Thạc sĩ	1	5	5	0	0	0	0	5,0
6	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng		22	21	0	0	1	0	56,7

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	4,76	1	0	0	0	1	0	0
2	Phó Giáo sư	8	38,10	5	3	0	0	6	1	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	7	33,33	4	3	0	6	1	0	0
5	Thạc sĩ	5	23,81	1	4	0	4	1	0	0
6	Đại học	0	0,00	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	21	100,00	11	10	0	10	9	1	1

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **42,6** tuổi

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **76,19%**

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **23,81%**

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	1	1
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	6	20
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	8	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	6	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	21	21

IV. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2014-2015	105	60	1.75/1	45	21	22.25	0
2015-2016	145	76	1.90/1	72	22.5	23.5	1
2016-2017	89	48	1.85/1	40	17	18.25	2
2017-2018	34	19	1.78/1	16	15.5	16.75	0
2018-2019	36	20	1.80/1	16	17	17.75	0

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nghiên cứu sinh	6	6	11	11	13
2. Học viên cao học	117	119	95	68	117
3. SV đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	161	160	174	178	161
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV cao đẳng	0	0	0	0	0
6. Khác…	0	0	0	0	0

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng (người)	7	6	7	3	3
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	4,35%	3,75%	4,02%	1,69%	2,91%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	4.928	4.928	4.928	4.928	6.008
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	161	160	174	178	161
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	14	10	13	9	7
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m^2/người)	5,3 m^2	5,3 m^2	5,3 m^2	5,3 m^2	5,4 m^2

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng (người)	12	13	18	21	14
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV	5,88%	6,01%	10,12%	12,56%	11,03%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	1	2	2	2	2
2. Học viên tốt nghiệp cao học	46	59	50	40	46
3. SV tốt nghiệp đại học Trong đó:	55	33	59	54	43
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. SV tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
6. Khác…	0	0	0	0	0

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	55	33	59	54	43
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	58 94,83%	36 86,11%	69 85,50%	58 93,10%	51 80,39%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	100	100	100	100	100
3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	0	0
3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	70,23%	68,75%	56,21%	50,04%	47,03%
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm khác ngành đào tạo (%).	28,32%	31,25%	42,32%	44.44%	51,21%
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.					
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	2	0	0	4
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	2	0	1	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	4	4	8	3	2	10,5
4	Tổng		4	5	12	3	3	18,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

***Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: **18,5**

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **0,88.**

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014			
2	2015			
3	2015			
4	2017			
5	2018			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	2	6	21	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	2	6	21	

** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
1	Sách chuyên khảo	2,0	1	0	0	0	0	2
2	Sách giáo trình	1,5	3	9	4	2	4	33
3	Sách tham khảo	1,0	1	1	3	1	1	7
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng		5	10	7	3	5	42

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **42**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **2**

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	1	13	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	3	1	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	1	15	2	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	22	23	14	23	28	165
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	11	21	17	9	15	73
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	17	19	14	17	10	38,5
	Tổng		50	63	45	49	53	276,5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **276,5**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **13,17**

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí /tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	11	7	10
Từ 6 đến 10 bài báo	0	7	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	1	0
Trên 15 bài báo	2	0	2
Tổng số cán bộ tham gia	**13**	**15**	**13**

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					
			2014	2015	2016	2017	2018	Tổng (đã quy đổi)
1	Hội thảo quốc tế	1,0	5	5	1	9	1	21
2	Hội thảo trong nước	0,5	1	0	2	0	1	2
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	0	0	0
4	Tổng		6	5	3	9	2	23

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **23**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **1,1**

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	4	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	1	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ than gia	6	4	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2013-2014	0
2014-2015	0
2015-2015	0
2016-2017	0
2017-2018	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	1	7	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	1	7	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của SV:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2014	2015	2016	2017	2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	1	1	0	0	2
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	1	2	2	0	3

VI. Cơ sở vật chất, thư viện

1. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m^2): 389.924,4 m^2

2. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2): 150 m^2

3. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2): 88.851,6 m^2

- Nơi làm việc: 3.266 m^2 Nơi học: 50585,6 m^2 Nơi vui chơi giải trí: 35.000 m^2

4. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 50.585,6 m^2

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m^2/1 sv

5. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.793 đầu sách

6. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ SV chính quy của trường

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,057 máy tính/ 1 người học chính quy

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m^2): 389.924,4 m^2

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m^2):150 m^2

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m^2): 88.851,6 m^2

- Nơi làm việc: 3.266 m^2 Nơi học: 50.585,6 m^2 Nơi vui chơi giải trí: 35.000m^2.

56. Diện tích phòng học (tính bằng m^2)

- Tổng diện tích phòng học: 50.585,6 m^2.

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:2,8 m^2.

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin – Thư viện: 928

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 15.

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho văn phòng Viện:06 bộ

- Dùng cho người học học tập: 1116 bộ cho SV chính quy toàn trường

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,06 máy tính/SV

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 21

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 91,3%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 76,19%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 23,81%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người):128.

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 6,1.

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 281%.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 80,3%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 12,3%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 58,45%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 39,5%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): ...

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,88

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2,0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:13,17

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1,1

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,06.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy:2,8 m^2

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,33 m^2

Phụ lục 2: Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Số: 901 /QĐ-ĐHV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Hóa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH, ngày 28/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV, ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thỏa thuận số 106/QĐ-ETEP, ngày 31/12/2018 giữa Ban Quản lý Chương trình phát triển các Trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) và Trường Đại học Vinh về việc thực hiện Chương trình ETEP;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Hóa học của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây *(có danh sách kèm theo)*:

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

GS.TS. Đinh Xuân Khoa

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

(Kèm theo Quyết định số: 902 /QĐ-ĐHV ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Huy Bằng	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Lê Đức Giang	Phó Viện trưởng phụ trách Viện SPTN	Phó Chủ tịch
4	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thư kí
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng Trường	Thành viên
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
9	Bà Đặng Thị Thu	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
11	Ông Đinh Đức Tài	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng KH&HTQT	Thành viên
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thành viên
14	Bà Phan Thị Hồng Tuyết	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên
15	Ông Cao Cự Giác	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên
16	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên
17	Ông Đậu Xuân Đức	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên
18	Bà Đinh Thị Trường Giang	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thành viên
19	Bà Chu Thị Hải Yến	Sinh viên lớp 57A, ngành SP Hóa học	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học

(Kèm theo Quyết định số: 901 /QĐ-ĐHV ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
5	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm DV, HTSV&QHDN	Thành viên
6	Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
7	Bà Lê Thị Thu Hiệp	Phó Giám đốc Trung tâm TH-TN	Thành viên
8	Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	Thành viên
9	Ông Hà Văn Ba	Chuyên viên phòng TCCB	Thành viên
10	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Bà Trần Thanh Huyền	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
12	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
13	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
14	Ông Võ Công Dũng	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
15	Bà Nguyễn Thị Chung	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
16	Bà Đinh Thị Huyền Trang	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
17	Bà Phan Thị Thủy	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
18	Bà Phan Thị Minh Huyền	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
19	Ông Nguyễn Hoàng Hào	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
20	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giảng viên Viện SPTN	Thành viên
21	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trợ lý QLSV Viện SPTN	Thành viên

Danh sách này gồm có 21 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ngành: Sư phạm Hóa học)

(Kèm theo Quyết định số: 901 /QĐ-ĐHV ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1: **Tiêu chuẩn 1:** Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. **Tiêu chuẩn 2:** Bản mô tả chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
1	Ông Cao Cự Giác	Trưởng bộ môn Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giảng viên Viện SPTN	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Bà Nguyễn Thị Chung	Giảng viên Viện SPTN	
5	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên phòng Đào tạo	
NHÓM 2: **Tiêu chuẩn 3:** Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. **Tiêu chuẩn 4:** Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			(6 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Xuân Dũng	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Ông Đậu Xuân Đức	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thư ký
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Bà Phan Thị Minh Huyền	Giảng viên Viện SPTN	
5	Ông Hồ Xuân Thủy	Chuyên viên phòng Đào tạo	
NHÓM 3: **Tiêu chuẩn 5:** Đánh giá kết quả học tập của người học. **Tiêu chuẩn 8:** Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			(10 tiêu chí)
1	Bà Phan Thị Hồng Tuyết	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Bà Đinh Thị Huyền Trang	Giảng viên Viện SPTN	Thư ký
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	
4	Bà Phan Thị Thúy	Giảng viê Viện SPTN	
5	Bà Trần Thị Huyền	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	
NHÓM 4: **Tiêu chuẩn 6:** Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. **Tiêu chuẩn 7:** Đội ngũ nhân viên.			(12 tiêu chí)
1	Ông Lê Đức Giang	Phó Viện trưởng phụ trách Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Ông Hà Văn Ba	Chuyên viên phòng TCCB	Thư ký
3	Bà Phan Thị Minh Huyền	Giảng viên Viện SPTN	
4	Ông Nguyễn Hoàng Hảo	Giảng viên Viện SPTN	
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	
NHÓM 5: **Tiêu chuẩn 9:** Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Bà Đinh Thị Trường Giang	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Trợ lý QLSV Viện SPTN	Thư ký
3	Bà Lê Thị Thu Hiệp	Phó Giám đốc Trung tâm TH-TN	

4	Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Giám đốc Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	
5	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	
NHÓM 6: **Tiêu chuẩn 10:** Nâng cao chất lượng. **Tiêu chuẩn 11:** Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Đậu Xuân Đức	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Ông Võ Công Dũng	Giảng viên Viện SPTN	Thư ký
3	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	
4	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHDN	
5	Bà Đinh Thị Huyền Trang	Giảng viên Viện SPTN	
NHÓM 7: - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Bà Phan Thị Hồng Tuyết	Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Trưởng nhóm
2	Bà Đinh Thị Trường Giang	Phó Trưởng Bộ môn Viện SPTN	Thư ký
3	Bà Thái Thị Kim Oanh	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	
4	Ông Võ Công Dũng	Giảng viên Viện SPTN	
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

DANH MỤC MINH CHỨNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: SƯ PHẠM HÓA HỌC

NGHỆ AN - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

BẢNG MÃ THÔNG TIN VÀ MINH CHỨNG

(KÈM THEO BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC GIAI ĐOẠN 2014 - 2018)

NGHỆ AN - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG MÃ THÔNG TIN VÀ MINH CHỨNG
KÈM THEO BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo					
1	H1.01.01.01	Quyết định ban hành CTĐT (qua các năm 2014-2019).	Số 1002/QĐ -ĐHV ngày 30 /8/ 2016	Đại học Vinh	
			Số 3242/QĐ -ĐHV ngày 29 /9/ 2014		
			Số 3357/QĐ -ĐHV ngày 15 /9/ 2015		
			Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017	Đại học Vinh	
2	H1.01.01.02	www.vinhuni.edu.vn/		Phòng Đào	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		http://student.vinhuni.edu.vn/CMCSoft.IU.Web.Info/CourseByFieldTree.aspx		tạo	
3	H1.01.01.03	Bản mô tả CTĐT 2017 theo CDIO(các phiên bản từ 2014)		Khoa/Viện	
4	H1.01.01.04	Ma trận đối ứng các kĩ năng		Khoa/Viện	
5	H1.01.01.05	Quyết định ban hành kế hoạch chiến lược trường Đại học Vinh giai đoạn 2018-2025	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, 7/2011 Kế hoạch chiến lược phát triển sư phạm Trường Đại học Vinh giai đoạn 2017-2025, 9/2017	Đại học Vinh	
6	H1.01.01.06	Báo cáo khảo sát ý kiến giáo viên phổ thông, Sở GD ĐT kèm theo phiếu khảo sát		Khoa/Viện	
7	H1.01.01.07	Bản mô tả CTĐT 2017 theo CDIO			
8	H1.01.01.08	Quyết định ban hành mục tiêu, CĐR của CTĐT năm 2017	Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017	Đại học Vinh	
9	H1.01.01.09	Quyết định ban hành CTĐT (qua các năm từ 2014 – 2017, 2019)	Số 1002/QĐ -ĐHV ngày 30 /8/ 2016	Đại học Vinh	
			Số 3242/QĐ -ĐHV ngày 29 /9/ 2014		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 3357/QĐ -ĐHV ngày 15 /9/ 2015		
			Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017		
10	H1.01.01.10	Phiếu lấy ý kiến giáo viên phổ thông, cựu sinh viên về MT, CĐR		Khoa/Viện	
11	H1.01.01.11	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan về mục tiêu, CĐR		Khoa/Viện	
12	H1.01.01.12	Bản mô tả CTĐT đã được rà soát bổ sung 2019		Khoa/Viện	
13	H1.01.02.01	Quyết định công bố mục tiêu và CĐR các ngành đào tạo	Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017	Đại học Vinh	
14	H1.01.02.02	Bản in màn hình trang web công bố các phiên bản CĐR;		Đại học Vinh	
15	H1.01.02.03	CĐR năm 2014		Đại học Vinh	
16	H1.01.02.04	QĐ ban hành kế hoạch chiến lược phát triển trường/khoa tuyên bố sư mệnh,mục tiêu Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học	Số 1278/ QĐ-ĐHV, ngày 28/12/2018 2 KHCL 2011-2020; và 2018-2025	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Vinh giai đoạn 2011-2020 và 2018-2025			
17	H1.01.02.05	Quyết định công bố mục tiêu và CĐR các ngành đào tạo	Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017	Đại học Vinh	
18	H1.01.02.06	Quyết định thành lập ban phát triển CTĐT Sư phạm Hóa học		Khoa/Viện	
19	H1.01.02.07	Biên bản hội nghị các Trưởng khoa Hóa về CĐR ngành SPHH		Khoa/Viện	
20	H1.01.02.08	CĐR dùng cho K57		Đại học Vinh	
21	H1.01.02.09	Kế hoạch phát triển CTĐT theo CDIO	Số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016	Đại học Vinh	
22	H1.01.02.10	Khung trình độ năng lực Quốc gia	QĐ 1982/QĐ-TTg http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=2&mode=detail&document_id=186972	Chính phủ	
23	H1.01.02.11	Danh mục Một số tài liệu tham khảo về năng lực giáo viên TK 21			
24	H1.01.02.12	Bảng tổng hợp kết quả khảo sát giáo viên, cựu sinh viên, sinh viên về CĐR 2016 Mẫu phiếu khảo sát các bên liên quan		Khoa/Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
25	H1.01.02.13	Bản đối sánh CĐR của các trường trong nước		Khoa/Viện	
26	H1.01.02.14	- Quyết định ban hành CĐR năm 2017, -Bản in màn hình trang web công bố các phiên bản CĐR; -Tờ rơi giới thiệu về ngành đào tạo	Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017	Trường; Khoa/Viện	
27	H1.01.02.15	Biên bản họp rà soát CĐR năm 2019; CĐR 2019		Khoa/Viện	
28	H1.01.02.16	Công văn và Tài liệu hướng dẫn xây dựng CĐR CTĐT theo tiếp cận CDIO;	Số 1447 / ĐHV-ĐT ngày 09/12/2016	Đại học Vinh	
29	H1.01.02.17	Bản mô tả ma trận kỹ năng và phân nhiệm ITU các môn học		Khoa/Viện	
30	H1.01.03.01	Quy định tạm thời về lấy ý kiến người học;	Số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016	Đại học Vinh	
31	H1.01.03.02	Quy định về hoạt động ĐBCL	Số 584/QĐ-ĐHV ngày 26/3/2019	Đại học Vinh	
32	H1.01.03.03	Báo cáo tình hình thực tập SP và tổng hợp ý kiến góp ý của giáo viên phổ thông	Các năm	Đại học Vinh	
33	H1.01.03.04	Phiếu khảo sát giáo viên phổ thông, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát		Khoa/Viện	
34	H1.01.03.05	Phiếu khảo sát sinh viên, báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát sinh viên	Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2019 Số 51/BC-ĐHV ngày	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			31/7/2019 Số 40/KH-ĐHV ngày 11/10/2018 Số 217/TB-ĐHV ngày 11/12/2018		
35	H1.01.03.06	Các Biên bản sinh hoạt chuyên môn của Bộ môn/ khoa về CTĐT		Khoa/viện	
36	H1.01.03.07	Biên bản hội nghị các Trưởng khoa Hóa 2015		Khoa/Viện	
37	H1.01.03.08	CĐR cho K57 (năm 2016)		Trường; Khoa/Viện	
38	H1.01.03.09	Tài liệu hướng dẫn phát triển CTĐT theo CDIO 2016	Số 1447/ĐHV-ĐT ngày 09/12/2016	Phòng Đào tạo	
39	H1.01.03.10	Phiếu và số liệu khảo sát giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý về mục tiêu, CĐR, khung CTĐT năm 2016		Khoa/Viện	
40	H1.01.03.11	Một số tài liệu tham khảo về đào tạo giáo viên TK 21		Khoa/Viện	
41	H1.01.03.12	Quyết định ban hành mục tiêu, CĐR các ngành, CĐR năm 2017	Số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 /4/ 2017	Đại học Vinh	
42	H1.01.03.13	Biên bản họp HĐĐT điều chỉnh CĐR năm 2019 và CĐR 2019		Khoa/Viện	
43	H1.01.03.14	Bản in màn hình web có công bố CĐR các năm		Khoa/Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
44	H1.01.03.15	Tờ rơi, bài viết, tài liệu giới thiệu ngành có mô tả CĐR		Khoa/Viện	
45	H1.01.03.16	Chương trình tuần sinh hoạt đầu khóa các năm			
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo					
1	H2.02.01.01	Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín , kèm theo các biểu mẫu kèm theo	Số 2246/QĐ-ĐT ngày 7/8/2013 Mẫu ĐCCT : Mẫu số 4	Đại học Vinh	
2	H2.02.01.02	Bản mô tả CTĐT 2014	2014	Khoa/Viện	
3	H2.02.01.03	Đề án tuyển sinh 2014, 2015,2016	Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 25/02/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định công bố điểm trúng tuyển các năm tương ứng		Đại học Vinh	
4	H2.02.01.04	Subweb CDIO		Đại học Vinh (Website)	
5	H2.02.01.05	Một số thông tin hoạt động trên subweb CDIO		Đại học Vinh (Website)	
6	H2.02.01.06	Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học dựa trên CĐR theo CDIO	Số 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016	Phòng ĐT	
7	H2.02.01.07	HD xây dựng Bản mô tả CTĐT	Số 03/HD-ĐHV 11/7/2019	Trường	
8	H2.02.01.08	Ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT cho các học phần	Năm 2017, 2019	Khoa/Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
9	H2.02.01.09	Đề án Tuyển sinh 2017, 2018,2019/ Quyết định công bố điểm trúng tuyển các năm tương ứng	Số 734/ĐA – ĐHV ngày 4/7/2018 Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 16/02/2017 Số 247/ĐA-ĐHV, ngày 04/07/2018	Đại học Vinh	
		Quyết định công bố điểm trúng tuyển các năm tương ứng		Đại học Vinh	
10	H2.02.01.10	Biên bản họp rà soát CTĐT	Các năm học (2015- K56, 2016-K57, 2016 dùng cho K58)	Khoa/Viện	
11	H2.02.01.11	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông	TT20 /2018/TT-BGDDT http://vbpl.vn/bogiaoducdaotao/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=131044	Bộ GD&ĐT	
12	H2.02.01.12	Chương trình GDPT tổng thể	Thông tư số 32/2018/TT http://gdtrunghoc.hcm.edu.vn/nghi-dinh-thong-tu-qui-che-quyet-dinh/thong-tu-322018tt-bgddt-ve-ban-hanh-chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-cmobile41301-61444.aspx Chương trình GDPT tổng thể http://rgep.moet.gov.vn/chuong-trinh-gdpt-moi/Pages/du-thao-ct-tong-	Bộ GD&ĐT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			the.aspx?ItemID=4728		
3	H2.02.02.01	Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín , kèm theo các biểu mẫu kèm theo	Số 2246/QĐ-ĐT ngày 7/8/2013 Mẫu ĐCCT : Mẫu số 4	Đại học Vinh	
4	H2.02.02.02	Bản mô tả CTĐT 2014	2014	Khoa/Viện	
5	H2.02.02.03	Hướng dẫn và mẫu đề cương chi tiết các học phần 2017	2017	Phòng Đào tạo	
6	H2.02.02.04	Đề cương chi tiết các học phần 2017	2017	Khoa/Viện	
7	H2.02.02.05	Biên bản họp rà soát cập nhật CĐR	2019	Khoa/Viện	
8	H2.02.02.06	Bản mô tả CĐR và các đề cương học phần có chỉnh sửa 2019	2018, 2019	Khoa/Viện	
9	H2.02.03.01	Bản in màn hình website và subweb có giới thiệu CTĐT	Các phiên bản	Đại học Vinh (website)	
0	H2.02.03.02	Sổ tay sinh viên	2014- 2018	Trường	
1	H2.02.03.03	Báo cáo giới thiệu về khoa/viện và ngành đào tạo (ppt) cho sinh viên mới	2014, 2018	Khoa/Viện	
2	H2.02.03.04	Tờ rơi về khoa viện có giới thiệu ngành Sư phạm Hóa học	2014, 2017	Khoa/Viện	
3	H2.02.03.05	Bài viết giới thiệu ngành và CTĐT Sư phạm Hóa học trên website	2014, 2018	Khoa/Viện	
4	H2.02.03.06	Bản mô tả CTĐT đã phê duyệt	2014, 2017	Trường	
5	H2.02.03.07	Các đề cương chi tiết học phần đã phê duyệt	2014, 2017	Trường	
6	H2.02.03.08	Bản in màn hình về website cựu sinh viên		Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
7	H2.02.03.09	Bản in màn hình về website LMS có giao diện giới thiệu CTĐT		Đại học Vinh	
8	H2.02.03.10	Quy định tạm thời đào tạo theo CDIO	Số 2155/ QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	
9	H2.02.03.11	Đề cương chi tiết Nhập môn ngành Sư phạm		Trường, Khoa/Viện	
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học					
1	H3.03.01.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành SPHH năm 2007	Số 1002/QĐ -ĐHV ngày 30 /8/ 2016	Đại học Vinh	
2	H3.03.01.02	Quyết đinh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.	3242/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2014	Đại học Vinh	
3	H3.03.01.03	Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết của Quốc hội về Đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông	29-NQ/TW ngày 4/11/2013 http://www.moet.gov.vn/tintuc/Pages/doi-moi-can-ban-toan-dien-gd-va-dt.aspx?ItemID=392888/2014/QH13 ngày 28/11/2014 http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id	BCH TW ĐCS VN QH	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			=192217		
4	H3.03.01.04	Thông báo kết luận của Hiệu trưởng về việc triển khai xây dựng CĐR CTĐT tiếp cận CDIO.	144/TB-ĐHV ngày 24/5/2016	Đại học Vinh	
5	H3.03.01.05	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.	747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
6	H3.03.01.06	Quyết định ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh.	1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016	Đại học Vinh	
7	H3.03.01.07	Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2016-2017.	Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2017-2018.	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kỳ 1 năm học 2017- 2018.	Số 506/ĐHV-CTCTHSSV ngày 11/5/2018		
8	H3.03.01.08	Mục tiêu đào tạo ngành Sư phạm Hóa học; Khung năng lực; CĐR và Ma trận ITU		Khoa/ Viện	
9	H3.03.01.09	CTĐT Cử nhân Sư phạm Hóa học của các trường ĐHSP Hà Nội		ĐHSP HN	
		CTĐT Cử nhân sư phạm của Trường ĐHSP Thái nguyên		ĐHSP Thái Nguyên	
		Khung chương trình ngành Hóa học của ĐH Wright State University (Mỹ)		ĐH Wright State University (Mỹ)	
		Khung chương trình ngành Hóa học của ĐH Utah Valley University (Mỹ)		ĐH Utah Valley University (Mỹ)	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
	H3.03.01.10	Đề cương chi tiết học phần K58		Khoa/ Viện	
10	H3.03.01.11	Biên bản sinh hoạt bộ môn; Biên bản họp Hội đồng Khoa học của Viện; Tờ trình điều chỉnh phân kì và tên gọi các học phần trong khung chương trình đào tạo		BM-Viện	
11	H3.03.01.12	Quyết định thành lập nhóm nghiên cứu CDIO của nhà trường		Đại học Vinh	
		Thông tri triệu tập Hội nghị xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO năm 2019.	Số 16/TT-ĐHV ngày 21/5/2019	Đại học Vinh	
12	H3.03.02.01	Mục tiêu chương trình đào tạo ngành SPHH tiếp cận CDIO	2017	Đại học Vinh	
13	H3.03.02.02	Ma trận môn học – CĐR - ITU	2017	Đại học Vinh	
14	H3.03.02.03	Quyết định chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.	Số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2014	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Đề cương chi tiết học phần khóa 56, 57 và 58 ngành SPHH.	Năm 2016, 2017 và 2018	Khoa/ Viện	
		Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.	Số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
		Danh mục và quyết định các đề tài trọng điểm cấp trường CDIO 2017,18,19		Đại học Vinh	
15	H3.03.02.04	Quy định về kiểm tra đánh giá học phần đào tạo tiếp cận CDIO.	Số 1262/2017 ngày 13/11/2017		
16	H3.03.02.05	Tờ rơi quảng bá chương trình, tuyển sinh		Khoa/ Viện	
17	H3.03.02.06	Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2016-2017.	Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2017-2018.	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kỳ 1 năm học 2017- 2018.	Số 506/ĐHV-CTCTHSSV ngày 11/5/2018	CTCTHSSV	
18	H3.03.02.07	Biên bản họp HĐKH Khoa Hóa học về xây dựng CĐR, CTĐT.	2016	Khoa/ Viện	
19	H3.03.02.08	Biên bản họp HĐKH Khoa Hóa học về hoàn thiện CĐR, điều chỉnh CTĐT.	2017 2018	Khoa/ Viện	
20	H3.03.03.01	Quyết định chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.	Số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2014	Đại học Vinh	
21	H3.03.03.02	Kế hoạch xây dựng và phát triển chương trình ĐT theo CDIO	Số 10/ KH-ĐHV ngày 8/3/2016	Đại học Vinh	
22	H3.03.03.03	Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.	Số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
23	H3.03.03.04	Quy chế đào tạo tín chỉ theo tiếp cận CDIO	Số 2155/QĐ - ĐHV ngày 10/10/2017		
24	H3.03.03.05	Phiếu khảo sát CĐR và CTĐT CDIO năm 2016			

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
25	H3.03.03.06	Biên bản họp Khoa, HĐKH đào tạo khoa Hóa học về góp ý CĐR và CTĐT năm 2016	2016		
26	H3.03.03.07	Biên bản họp HĐKH Trường ĐHV ngày… 2016		Khoa/ Viện	
27	H3.03.03.08	Thông báo Hội nghị tập huấn xây dựng CTĐT tiếp cận CDIO trường ĐH Vinh năm 2016	29/4/2016 (ioffice)		
28	H3.03.03.09	CTĐT Cử nhân SPHH của các trường ĐHSP Hà Nội		ĐHSP Hà Nội, SP Thái Nguyên	
		CTĐT Cử nhân sư phạm của Trường ĐHSP Thái nguyên		ĐHSP Thái Nguyên	
		Khung chương trình ngành Hóa học của ĐH Wright State University (Mỹ)		ĐH Wright State University (Mỹ)	
		Khung chương trình ngành Hóa học của ĐH Utah Valley University (Mỹ)		ĐH Utah Valley University (Mỹ)	
29	H3.03.03.10	Khung chương trình đào tạo K58	2018	Phòng đào tạo	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học					
1	H4.04.01.01	Văn bản chính thức của CSGD có đề cập đến triết lí giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục.	Số 240-NQ/ĐU ngày 04/9/2002	Đại học Vinh	
			Số 666-NQ/ĐU ngày 25/7/2011	Đại học Vinh	
			Số 01-NQ/ĐU ngày 09/5/2015	Đại học Vinh	
			Số 03-NQ/ĐU ngày 19/8/2017	Đại học Vinh	
2	H4.04.01.02	Đề cương môn học CTĐT ngành Sư phạm Hóa học năm 2015-2019	2015-2019	Đại học Vinh	
3	H4.04.01.03	Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kì 1 năm học 2016-2017.	Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kì 1 năm học 2017-2018.	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Đại học Vinh	
		Thông báo kết quả ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kì 1 năm học 2017-2018.	Số 506/ĐHV-CTCTHSSV ngày 11/5/2018	CTCTHSSV	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Báo cáo kết quả lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh học kì 2 năm học 2017-2018.	Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018	Đại học Vinh	
4	H4.04.01.04	Phiếu xin ý kiến giáo viên THPT, giảng viên và cán bộ quản lí giáo dục năm 2016	Năm 2016		
5	H4.04.01.05	Mục tiêu CTĐT Ngành sư phạm Hóa học năm 2017	Năm 2017		
6	H4.04.01.06	Kế hoạch chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, 7/2011	Đại học Vinh	
7	H4.04.02.01	Quyết định chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.	Số 3242/QĐ-ĐHV ngày 29/9/2014	Đại học Vinh	
		Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ.	Số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
8	H4.04.02.02	Đề cương chi tiết học phần K56, K57 và K58	Năm 2015-2019	Đại học Vinh	
9	H4.04.02.03	Ma trận CĐR-ITU	Năm 2018	Đại học Vinh	
10	H4.04.02.04	Chương trình Hội nghị đào tạo CDIO Viện SPTN.	Năm 2018	Khoa/ Viện	
11	H4.04.02.05	Thông tri triệu tập Hội nghị xây dựng và phát	Số 16/TT-ĐHV ngày 21/5/2019	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		triển chương trình đào tạo đại học chính quy tiếp cận CDIO năm 2019.			
12	H4.04.02.06	Kế hoạch Tháng rèn luyện NVSP hội thi NVSP năm học 2018-2019	ĐHV 10/2018	Đại học Vinh	
13	H4.04.02.07	Kế hoạch "Hội thi hiểu biết về đào tạo tiếp cận CDIO tai trường Đại học Vinh"	Công đoàn ĐHV năm 2018	Đại học Vinh	
14	H4.04.02.08	Talkshow "Bí quyết khởi động bài dạy hiệu quả dành cho sinh viên sư phạm" – Bộ môn PPDH Hóa học 3/11/2018 **https://baomoi.com/gan-600-sinh-vien-tham-gia...bi...ts-cao...giac/.../28444791.epi**	2018	BM PPDH Hóa học	
15	H4.04.02.09	Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của trường ĐH Vinh,	Số 1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường ĐH Vinh, học kì 1 năm học 2016-2017	Số 25/BC-ĐHV 12/6/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người	Số 10/BC-ĐHV 29/3/2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường ĐH Vinh, học kì 1 năm học 2017-2018			
		Thông báo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy học kì 1 năm học 2017-2018	Số 506/ĐHV-CTCTHSSV 11/5/2018	Đại học Vinh	
16	H4.04.02.10	Biên bản semina bộ môn về đổi mới PPDH và dự giờ của CBGD	2014-18		
17	H4.04.02.11	Cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, ĐH Vinh		Đại học Vinh	
18	H4.04.03.01	Tổ chức chương trình tư vấn hướng nghiệp cho sinh viên	Số 3570/ĐHV-HTSVQHDN 27/11/2012	Đại học Vinh	
		Thông báo về kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo kĩ năng mềm	Số 4656/TB-ĐHV 07/12/2015	Đại học Vinh	
		Thông báo khai giảng khóa đào tạo kỹ năng mềm	Số 4656//TB-ĐHV ngày 07/12/2015	Đại học Vinh	
		Kế hoạch Tháng rèn luyện NVSP hội thi NVSP năm học 2018-2019	ĐHV 10/2018	Đại học Vinh	
19	H4.04.03.02	Mục tiêu đào tạo ngành Sư phạm Hóa học; Khung năng lực; CĐR và Ma trận ITU	Năm 2017	Khoa/ Viện	
20	H4.04.03.03	Quyết định chương trình giáo dục đại học hệ	Số 3242/QĐ-ĐHV 29/9/2014	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		chính quy theo hệ thống tín chỉ			
		Quyết định chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ	Số 747/QĐ-ĐHV 27/4/2017	Đại học Vinh	
21	H4.04.03.04	Kế hoạch tháng rèn luyện NVSP năm học 2018-2019	ĐHV 10/2018	Đại học Vinh	
22	H4.04.03.05	Cổng thông tin học tập trực tuyến		Đại học Vinh	
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học					
1	H5.01.01.01	Đề án Tuyển sinh của Trường từ 2014-2018	Số 734/ĐA – ĐHV ngày 4/7/2018 Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 25/02/2016 Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 16/02/2017 Số 247/ĐA-ĐHV, ngày 04/07/2018	Đại học Vinh	
2	H5.01.01.02	Quy chế đào tạo tín chỉ theo tiếp cận CDIO	Số 2155 QĐ/ ĐHV 10-10-2017 (vê việc ban hành quy định tạm thời)	Đại học Vinh	
3	H5.01.01.03	Bản mô tả CTĐT	3 phiên bản	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
4	H5.01.01.04	Quyết định ban hành CTĐT và Chuẩn đầu ra K58 ngành Sư phạm Hóa học theo tiếp cận CDIO	Quyết định số 747/QĐ -ĐHV ngày 27 tháng 4 năm 2017	Đại học Vinh	
		Chuẩn đầu ra ngành SPHH	2018	Khoa/ Viện	
5	H5.01.01.05	Ma trận I,T,U của CTĐT khóa 58		Khoa/Viện	
6	H5.01.01.06	Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo hệ thống tín chỉ	Số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 Số 2155/ĐHV-ĐHV ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	
		Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo tiếp cận CDIO	Số 1262/ QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017	Đại học Vinh	
7	H5.01.01.07	QĐ thành lập Trung tâm ĐBCL	Số 744/TCCB ngày 04/4//2007 (kèm Quy định về chức năng nhiệm vụ)	Phòng TCCB	
8	H5.01.01.08	Quy định về việc xây dựng, quản lý và sử dụng đề thi theo hệ thống tín chỉ/Theo tiếp cận CDIO	Số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2017 Số 1262/QĐ-ĐHV ngày	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			13/11/2017		
		Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sinh viên theo hệ thống tín chỉ	Số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014 Số 2155/ĐHV-ĐHV ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	
9	H5.01.01.09	Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sinh viên theo tiếp cận CDIO	Số 1262/ QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017	Đại học Vinh	
10	H5.01.01.10	Đề cương chi tiết học phần theo tiếp cận CDIO (mẫu)		Khoa/Viện	
11	H5.01.01.11	Hướng dẫn xây dựng ngân hàng đề thi theo tiếp cận CDIO	Số 05/HD –ĐHV ngày 28/2/2017	Trường	
12	H5.01.01.12	Ngân hàng đề thi học phần (mẫu)		Khoa/Viện	
13	H5.01.01.13	Các tiêu chí đánh giá HP, tiêu chí Đánh giá HP THTN		Bộ môn	
14	H5.05.02.01	Quy chế 43 và Thông tư 57 –Bộ GD và ĐT	http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=277&mode=detail&document_id	Bộ GD&ĐT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			=38739 http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=167009		
15	H5.05.02.02	Quy định đào tạo đại học hệ đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại trường ĐH Vinh	Số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013	Đại học Vinh	
		Quy đinh về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại trường ĐH Vinh	Số 2155/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	
16	H5.05.02.03	Phần mềm Quản lý điểm CMC)		Ảnh chụp màn hình	
17	H5.05.02.04	Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo hệ thống tín chỉ	Số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014	Đại học Vinh	
18	H5.05.02.05	Dữ liệu về khiếu nại điểm của SV		TTĐBCL	
19	H5.05.02.06	QĐ về quy chế, quản lý, khai thác cổng thông tin điện tử	Số1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/3013	Đại học Vinh	
20	H5.05.02.07	Kết quả khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của giảng viên (đánh giá kết quả học tập)	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2018	Đại học Vinh	
			Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của người học tới hoạt động giảng dạy học kỳ 2 năm 2017-18 Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
			Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
21	H5.05.03.01	Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Vinh	Số 868/QĐ-ĐHV ngày 4/2/2013	Đại học Vinh	
22	H5.05.03.02	Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh	Số 911/QĐ-ĐHVngày 25/3/2014	Đại học Vinh	
23	H5.05.03.03	Quy định về tổ chức kiểm tra testonline giữa kỳ	Số 58/TB-ĐHV ngày 10/3/2016		
24	H5.05.03.04	Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Vinh	Số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
25	H5.05.03.05	Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo tiếp cận CDIO Hướng dẫn biên soạn đề thi theo chương trình đào tạo tiếp cận CDIO	Số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017 Số 05/HD-ĐHV ngày 28/02/2017 Số 12/HD-ĐHV ngày 30/8/2017	Đại học Vinh	
26	H5.05.03.06	Bảng thống kê tình trạng đề thi học phần	(2014-2018)	TTĐBCL	
27	H5.05.03.07	Kế hoạch, phân công thanh tra coi thi học phần từ 2014-2018.	2014-18	Trường (Phòng thanh tra)	
28	H5.05.03.08	Quyết định phê duyệt danh mục đề tài CDIO năm 2017, 2018 và 2019	2017,2018,2019	Đại học Vinh	
29	H5.05.03.09	Đề cương chi tiết học phần (mẫu)		Viện/ Bộ môn	
30	H5.05.03.10	Biên bản nghiệm thu NHĐT, Bản đặc tả, ma trận đề thi mẫu		Viện/Bộ môn	
31	H5.05.03.11	Bộ tiêu chí đánh giá học phần THTN		Viện/Bộ môn	
32	H5.05.03.12	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên, học kỳ (phổ điểm hàng năm: 2014-2018)		TTĐBCL	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Báo cáo tổng hợp kết quả lấy ý kiến sinh viên (về đánh giá kết quả học tập)	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Đại học Vinh	
			Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2018	Đại học Vinh	
			Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của người học tới hoạt động giảng dạy học kỳ 2 năm 2017-18 Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
			Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
33	H5.05.04.01	Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013	Đại học Vinh	
34	H5.05.04.02	Quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả theo hệ thống tín chỉ	Số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014 Số 1262/QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017	Đại học Vinh	
35	H5.05.04.03	Trang thông tin cá nhân SV/phần mềm CMC		Trường ĐH Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
36	H5.05.04.04	Thông báo/Kế hoạch rà soát Sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập (2014-2018)	Số 1088/ĐHV-ĐT ngày 26/9/2018	Phòng Đào tạo	
37	H5.05.04.05	Quy định về thời gian chấm thi, công bố điểm thi		TTĐBCL	
38	H5.05.04.06	Danh sách sinh viên thuộc diện cảnh báo kết quả học tập (2014-2018)		Khoa/Viện	
39	H5.05.04.07	Hướng dẫn của Nhà trường về việc gửi thông báo kết quả học tập, rèn luyện của SV		Khoa/ Viện	
		Kế hoạch công tác tháng của Nhà trường		Đại học Vinh	
		Bảng in kết quả học tập, rèn luyện của SV hằng năm		Khoa/Viện	
40	H5.05.04.08	Biên bản họp Hội đồng khoa/Viện rà soát Sinh viên thuộc diện cảnh báo		Khoa/Viện	
41	H5.05.04.09	Kết quả khảo sát sinh viên hằng năm về hoạt động giảng dạy của giảng viên (đánh giá kết quả học tập)	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Phòng CTCT HSSV	
			Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của người học tới hoạt động giảng dạy học kỳ 2 năm 2017-18 Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
			Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
42	H5.05.05.01	Quy định về đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường ĐH Vinh	Số 868/QQD-ĐHV ngày 02/04/2013	Đại học Vinh	
43	H5.05.05.02	Quy định về công tác tổ chức thi kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ	Số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/3/2014	Đại học Vinh	
44	H5.05.05.03	Trang thông tin cá nhân SV/phần mềm CMC		Đại học Vinh	
45	H5.05.05.04	Quy định về quy trình kiểm tra điểm của SV	Số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 (Điều 11)	Đại học Vinh	
			Số 868/QĐ-ĐHV ngày 02/4/2013 (Chương 3)		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
46	H5.05.05.05	Quy định chức năng nhiệm vụ của bộ phận một cửa	Bổ sung	Đại học Vinh	
47	H5.05.05.06	Quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Đảm bảo chất lượng	Số 428/QĐ- ĐHV ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
48	H5.05.05.07	Nội dung Chính trị đầu khóa (về các vấn đề phản hồi, khiếu nại của SV)		Phòng CTCT HSSV	
49	H5.05.05.08	Cẩm nang sinh viên		Phòng CTCT HSSV	
50	H5.05.05.09	Thống kế số lượng sinh viên khiếu nại kết quả học tập của ngành SPHH và kết quả trả lời khiếu nại		TTĐBCL	
51	H5.05.05.10	Thông tin thu được thông qua phỏng vấn SV, cựu SV		Trường/Viện	
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên					
1	H6.06.01.01	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2011-2020	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011-2020, 7/2011	Đại học Vinh	
		Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2030	Kế hoạch chiến lược phát triển sư phạm Trường Đại	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			học Vinh giai đoạn 2017-2025, 9/2017		
		Kế hoạch năm học	2014-18		
		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ giai đoạn 2013-2018			
2	H6.06.01.02	Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016	Đại học Vinh	
3	H6.06.01.03	Thông báo tuyển dụng viên chức, quyết định thành lập hội đồng tuyển dụng viên chức, năm 2017	2017	Đại học Vinh	
		Quyết định trúng tuyển viên chức năm 2017		Phòng TCCB	
		Hợp đồng lao động		Phòng TCCB	
		Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GV	Số 1113/QĐ-ĐHV ngày 03/10/2017	Đại học Vinh	
		Quyết định công nhận phó giáo sư	(Trần Đình Thắng, Lê Đức Giang, Nguyễn Thị Bích Hiền, Đinh Thị Trường Giang)	Phòng TCCB	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
4	H6.06.01.04	Quy định về việc nghỉ hưu hoặc kéo dài thời gian công tác của giảng viên	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26/9/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định kéo dài thời gian lao động đối với giảng viên có trình độ chuyên môn cao	(PGS Lê Văn Năm), PGS. TS. Hoàng Văn Lựu	TCCB	
		Quyết định nghỉ hưu của cán bộ	PGS. TS Hoàng Văn Lựu, ThS Mai Xuân Hương, ThS Trương Văn Nam	TCCB	
5	H6.06.01.05	Kế hoạch năm học của ngành Hóa học năm học 2016-2017, 2017-18 (năm có tuyển dụng cán bộ)	Tháng 9/2017, 2017	Khoa/ Viện	
6	H6.06.01.06	Danh sách cán bộ ngành Hóa học (có kèm theo học hàm học vị ở cấp cao nhất)	25/6/2019	Viện	
7	H6.06.01.07	Danh sách các đề tài khoa học của ngành Hóa học đã thực hiện từ 2014- 2018		Khoa/Viện	
8	H6.06.01.08	Danh sách các bài báo của ngành Hóa học đã thực hiện từ 2014- 2018		Khoa/Viện	
9	H6.06.01.09	Quy chế Chi tiêu nội bộ thưởng cho các cán bộ bảo vệ luận án tiến sĩ	2017	Đại học Vinh	
		Quy định quản lý KHCN	Số 480/QĐ-ĐHV ngày	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			9/5/2016		
		Danh sách các tác giả có bài báo công bố nước ngoài được khen thưởng	Số 1066/QĐ- ngày 5/11/2018	Đại học Vinh	
10	H6.06.01.10	QĐ cử đi học ngoại ngữ những cán bộ trong quy hoạch	Số 126/QĐ-ĐHV ngày 21/2/2017	Phòng TCCB	
11	H6.06.02.01	Báo cáo danh sách cán bộ giảng viên ngành Sư phạm Hóa học hoàn thành học vị tiến sỹ từ 2014 đến nay	Ngày 25/6/2019	Phòng TCCB	
		Thống kê Số lượng sinh viên ngành Sư phạm Hóa học từ 2014-18	2014-18	Khoa/ Viện	
12	H6.06.02.02	Số lượng cán bộ trong 4 năm học gần nhất	Ngày 25/10/2018	Phòng TCCB	
		Số lượng sinh viên trong 4 năm học gần nhất	2014-18	Khoa/ Viện	
13	H6.06.02.03	Bảng thống kê tỷ lệ sinh viên/giảng viên giai đoạn 2015-2019		Khoa/Viện	
		Quy định về chuẩn tỷ lệ sinh viên/giảng viên	Thông tư 06/2018/TT-	Bộ GD &	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			BGDĐT https://moet.gov.vn/van-ban/vanban/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=1275	ĐT	
14	H6.06.02.04	Quy chế chi tiêu nội bộ (Định mức giờ chuẩn của giảng viên)	2017	Phòng TCCB	
		Bản mô tả vị trí công việc của Giảng viên	Thông tư số 36/2014/TTLT – BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014		
		Quy chế chi tiêu nội bộ (Quy đổi giờ NCKH và hoạt động chuyên môn thành giờ giảng dạy (nếu không hoàn thành định mức)	2017	Phòng TCCB	
		Quy chế quản lý hoạt động KHCN	Số 3255 / ĐHV-KH&HTQT ngày 8/9/2015	Phòng KH&HTQT	
			Số 555/QĐ-ĐHV – ngày 9/3/2012	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 480/QĐ–ĐHV ngày 9/5/2016	Đại học Vinh	
15	H6.06.02.05	Quy chế chi tiêu nội bộ (Quy định về giảm giờ cho cán bộ quản lý, cán bộ được cử đi học)	2017	Phòng TCCB	
16	H6.06.02.06	Kế hoạch năm học 2016 – 2017	Tháng 8/2016	Khoa/ Viện	
		Kế hoạch năm học 2017 – 2018	Tháng 9/2017	Khoa/ Viện	
		Kế hoạch năm học 2018 – 2019	Tháng 8/2018	Khoa/ Viện	
17	H6.06.02.07	Mẫu Bảng chấm điểm thi đua cá nhân năm học	Số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015	Khoa/ Viện	
		Quyết định về việc công nhận danh hiệu thi đua năm học 2013-14	Số 3937/QĐ-ĐHV ngày 10/11/2014 Số 1473/QĐ-ĐHV ngày 12/12/2016		
		Quyết định công nhận danh hiệu thi đua năm 2015-2016; 2016-2017; 2017 – 2018	Số 974/QĐ-ĐHV ngày 11/10/2018	Đại học Vinh	
18	H6.06.02.08	Phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2017-2018	Số 10/BC-ĐHV 29/3/2018	Đại học Vinh	
19	H6.06.02.09	Bảng thống kê giờ giảng dạy và NCKH của			

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		giảng viên ngành Hóa			
		Bảng thống kê hoạt động NCKH của giảng viên ngành Hóa hàng năm			
20	H6.06.03.01	Chức năng nhiệm vụ của Phòng TCCB	Số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
21	H6.06.03.02	Quyết định ban hành quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26 tháng 09 năm 2016	Đại học Vinh	
		Bản mô tả vị trí công việc của giảng viên	Thông tư số 36/2014/TTLT – BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014		
22	H6.06.03.03	Thông báo về việc tuyển cán bộ hợp đồng, viên chức	Số 5035/TB-ĐHV ngày 29 tháng 12 năm 2015	Đại học Vinh	
			Số 34/TB-ĐHV ngày 21 tháng 03 năm 2017	Đại học Vinh	
23	H6.06.03.04	Quyết định ban hành quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26 tháng 09 năm 2016	Đại học Vinh	
		Tờ trình về việc tuyển dụng viên chức	2016, 2017, 2018		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
24	H6.06.03.05	Quy trình tuyển dụng giảng viên	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26 tháng 09 năm 2016	Đại học Vinh	
		Hợp đồng lao động	Hợp đồng số 22/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 03 năm 2018	TCCB	
25	H6.06.03.06	Quy định đối với cán bộ quản lý	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26 tháng 09 năm 2016	Đại học Vinh	
		Thông báo họp Đảng ủy trường về quy hoạch cán bộ	Số 85/TB-ĐU ngày 29/9/2017	Đảng ủy Trường	
		Quyết định quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc Trường	Số 1551/QĐ/ĐU ngày 02 tháng 10 năm 2017	Đảng ủy Trường	
		Các quyết định bổ nhiệm cán bộ chủ chốt	Số 618/QĐ-ĐHV ngày 16/6/2017	Đại học Vinh	
26	H6.06.03.07	Quy định bổ nhiệm các chức danh GS, PGS của trường Đại học Vinh	Số 1237/QĐ-ĐHV ngày 17/10/2016	Đại học Vinh	
27	H6.06.03.08	Quy chế chi tiêu nội bộ (Quy định miễn giảm giờ với cán bộ làm NCS)	Năm 2017		
		Các quyết định + Danh sách cán bộ học ngoại ngữ các năm 2016-2017; 2017-2018; 2018-	122/ĐHV-TCCB 10/2/2017 126/QĐ-ĐHV 21/2/2017	Phòng TCCB	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		2019			
		Các quyết định + Danh sách cán bộ học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm 2017-2018	15/ ĐHV-TCCB 9/11/2017	Phòng TCCB	
28	H6.06.03.09	Các văn bản lấy ý kiến của cán bộ trong trường về tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá năng lực giảng viên	2016-2018		
29	H6.06.03.10	Danh sách cán bộ của các bộ môn	Danh sách năm 2018	Phòng TCCB	
30	H6.06.04.01	Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy	số 36/TTLT-BGDĐT ngày 28 /11 / 2014 http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=178042	Bộ nội vụ	
		Thông tư quy định chế độ làm việc đối với giảng viên	số 47/TT-BGDĐT ngày 31 /12 /2014 http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_pa	Bộ GD&ĐT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			ge=1&mode=detail&document_id=179054		
31	H6.06.04.02	Chi tiêu nội bộ 2017 (Quy định về định mức giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên (Trang 111 – 114)	2017	Trường Đại học Vinh	
		Bản mô tả vị trí công việc của giảng viên	Thông tư số 36/2014/TTLT – BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014		
32	H6.06.04.03	Danh sách cán bộ Ngành Sư phạm Hóa học	Danh sách năm 2018	Phòng TCCB	
33	H6.06.04.04	Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường Đại học Vinh	Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24 tháng 8 năm 2017	Đại học Vinh	
		Góp ý về đánh giá xếp loại viên chức hàng năm	Số 970/ĐHV-HCTH ngày 18/8/2017		
34	H6.06.04.05	Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường Đại học Vinh	Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24 tháng 8 năm 2017	Đại học Vinh	
		Kết quả xếp loại cán bộ viên chức toàn trường	Tháng 4,5 năm 2018	Phòng TCCB	
35	H6.06.04.06	Kết quả bình xét thi đua khen thưởng	Số 3937/QĐ-ĐHV ngày	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			10/11/2014 Số 1473/QĐ-ĐHV ngày 12/12/2016 Số 974/QĐ-ĐHV ngày 11/10/2018		
		Bản nhận xét đánh giá năng lực hàng năm của giảng viên (Phiếu đánh giá viên chức hàng năm + bảng tổng hợp kết quả xếp lại viên chức)		TCCB	
		Hồ sơ năng lực của giảng viên	Thông tư số 36/2014/TTLT – BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014		
36	H6.06.04.07	Kết quả thi đánh giá năng lực ngoại ngữ	2017, 2018	Phòng TCCB	
37	H6.06.04.08	Kết quả thi giáo viên trẻ dạy giỏi toàn trường năm	2016-2017	Phòng TCCB	
		Kế hoạch thi giáo viên trẻ dạy giỏi toàn trường năm	Số 13/KH-ĐHV ngà y 18/3/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Lịch dự giờ thao giảng của Khoa/ Viện	2014-18	Khoa/ Viện	
		Biên bản giờ dạy đánh giá của giảng viên ngành sư phạm Hóa	2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Khoa/Viện	
38	H6.06.04.09	Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động nhà Trường	Số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học	Số 55/KH - ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2017	Đại học Vinh	
		Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và các hoạt động của Nhà Trường và các đơn vị hành chính	Số 195/TB - ĐHV ngày 08 tháng 12 năm 2017	Đại học Vinh	
39	H6.06.04.10	Báo cáo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh hàng năm	Số 25/BC-ĐHV ngày 12 tháng 06 năm 2018	Đại học Vinh	
40	H6.06.04.11	Kế hoạch năm học của ngành Hóa và tổ bộ môn			
41	H6.06.05.01	Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2015-2020 của khoa Hóa học	Kế hoạch Bồi dưỡng đào tạo cán bộ giai đoạn 2015-2020,	Khoa/ Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			ngày		
		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2016-2020	Số 1586/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức năm 2018.	Công văn số 1524/ĐHV-TCCB ngày 25/12/2017	Đại học Vinh	
		Dự kiến nhu cầu đào tạo tiến sỹ cho GV giai đoạn 2021-2025	Số 621/ĐHV ngày 05/06/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo về nhu cầu bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư.	Số 55/TB -ĐHV ngày 06/04/2018	Đại học Vinh	
		Thông báo thi nâng ngạch giảng viên lên giảng viên chính	Số 153/ĐHV-TCCB ngày 20/01/2011	Đại học Vinh	
42	H6.06.05.02	Quy chế chi tiêu nội bộ (Chế độ cho giảng viên làm NCS)	2017	Phòng TCCB	
43	H6.06.05.03	Thông báo về các chương trình học bổng nước ngoài	http://phongtccb.vinhuni.edu.vn/thong-bao-van-ban	Phòng TCCB	
		Quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức học tập, công tác ở nước ngoài.	Số 1051/QĐ-ĐHV, ngày 22/9/2017	Đại học Vinh	
44	H6.06.05.04	Quy chế chi tiêu nội bộ (Hỗ trợ kinh phí cho giảng viên tham gia các khóa bồi dưỡng T44-	Năm 2017	Phòng TCCB	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		47)			
45	H6.06.05.05	Biểu mẫu kế hoạch năm học			
46	H6.06.05.06	Bằng tiến sĩ của các giảng viên	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
47	H6.06.05.07	Giấy chứng nhận đạt chuẩn chức danh GS, từ 2014 đến nay	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
48	H6.06.05.08	Quyết định công nhận NCS hiện nay		Khoa/ Viện	
49	H6.06.05.09	Kế hoạch Tập huấn về giảng dạy theo tiếp cận CDIO	17/1/2017	Đại học Vinh	
		Thông tri Triệu tập dự Hội nghị - Tập huấn biên soạn câu hỏi thi theo hình thức online phục vụ đào tạo tiếp cận CDIO	Số 108/ĐHV ngày 8/2/2017	Đại học Vinh	
50	H6.06.05.10	Nâng cao trình độ ngoại ngữ cho CBGD	Số 306/ĐHV-TCCB ngày 18/02/2011	Phòng TCCB	
		Danh sách đăng ký lớp học đề án ngoại ngữ 2020 năm học 2014 – 2015	Danh sách đăng ký học lớp ngoại ngữ 2020 ngày 22/9/2014	TCCB	
		Mở các lớp học tiếng Anh trình độ B2 cho cán	Số 122/ĐHV ngày 10/2/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		bộ quản lý,			
		Thông báo mở lớp tiếng Hàn (miễn phí).	Số 151/TB -ĐHV ngày 09/10/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo mở lớp tiếng Nhật (miễn phí).	Số 173/TB -ĐHV ngày 01/11/2017	Đại học Vinh	
		Mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho CBGD.	Số 15/TB-ĐHV ngày 09/1/2017.	Đại học Vinh	
51	H6.06.05.11	Kế hoạch, chương trình tháng rèn luyện NVSP hàng năm 2014-18	Năm 2018-2019	Khoa/ Viện	
		Biên bản dự giờ của giảng viên ngành SP Hóa	Năm 2018-2019	Khoa/ Viện	
52	H6.06.05.12	Báo cáo tổng kết năm học hàng năm của Khoa/ Viện	2014-18	Khoa/ Viện	
		Quyết định về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh.	Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017	Đại học Vinh	
53	H6.06.06.01	Văn bản xin ý kiến góp ý của các đơn vị về tiêu chí đánh giá thi đua, quy định xếp loại cán bộ	Số 970/ĐHV-HCTH ngày 18/8/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quy định về đánh giá xếp loại CB (A,B,C)	Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/2017	Đại học Vinh	
54	H6.06.06.02	Quy định về công tác thi đua - khen thưởng của Đại học Vinh	Số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015	Đại học Vinh	
		Quy định về quản lý KHCN	Số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016	Đại học Vinh	
		Quy chế chi tiêu nội bộ (Quy định về định mức giờ làm việc của GV, giờ giảng dạy, chuyên môn nghiệp vụ và NCKH)	2017 ngày 30/12/2016	Đại học Vinh	
		Bản mô tả vị trí công việc của giảng viên	Thông tư số 36/2014/TTLT – BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014		
55	H6.06.06.03	Phần mềm quản lý online về kết quả giảng dạy và NCKH			
56	H6.06.06.04	Quy định về quản lý KHCN	Số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016	Đại học Vinh	
		Quy chế về công tác cán bộ trường ĐH Vinh	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26-9-2016		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quy chế về thi đua khen thưởng	Số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12/10/2015	Đại học Vinh	
		Danh sách khen thưởng các bài báo quốc tế	Số 1066/QĐ –ĐHV 05/11/2018	Phòng KH-HTQT	
57	H6.06.06.05	Hướng dẫn tổng kết năm học, bình xét thi đua	Số 532/QĐ-ĐHV ngày 16/5/2017	Đại học Vinh	
58	H6.06.06.06	Kế hoạch năm học hàng năm ngành Sư phạm Hóa học	Năm 2014-2018	Khoa/ Viện	
		Kế hoạch cụ thể hàng năm của giảng viên	Kế hoạch bộ môn 2017-2018	Bộ môn	
59	H6.06.06.07	Biên bản tổng kết bộ môn	Năm 2014 - 18	Bộ môn	
		Biên bản tổng kết Khoa/ Viện	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
		Bảng kê khai giờ làm việc của GV hàng năm	Bảng kê khai giờ làm việc năm 2017-2018 ngày 15/11/2017	Ngành Hóa học	
60	H6.06.06.08	Danh sách thi đua khen thưởng hàng năm	Năm 2014-18		
		Biên bản họp xét thi đua cấp Khoa, bộ môn	Biên bản Hội đồng thi đua cấp Khoa ngày 1/6/2018	Ngành Hóa học	
61	H6.06.06.08	Danh sách GV được khen thưởng bài báo nước	1066/QĐ –ĐHV 05/11/2018	Phòng KH-	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		ngoài		HTQT	
		Minh chứng khen thưởng cá nhân (Bằng khen trở lên)	Bằng khen Bộ trưởng.. năm học 2013-2014	Bộ GD&ĐT	
		Kết quả bình xét thi đua khen thưởng hàng năm	1198/QĐ-ĐHV ngày 26/10/2018 và các năm khác	Phòng TCCB	
62	H6.06.06.09	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi của người học	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018 Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2018 Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của người học tới hoạt động giảng dạy học kỳ 2 năm 2017-18 Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Phòng CTCT-HSSV	
63	H6.06.06.10	Sơ yếu lí lịch khoa học cán bộ mới nhất	Năm 2018	Phòng TCCB	
64	H6.06.06.11	Biên bản Hội nghị cán bộ Viên chức hàng năm	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
65	H6.06.06.12	Bảng tổng hợp giờ dạy của bộ môn trong năm học	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
66	H6.06.06.13	Danh mục các bài báo NCKH của giảng viên ngành Hóa	Năm 2014-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Khoa/ Viện	
		Danh mục các giáo trình của giảng viên ngành Hóa	Năm 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Khoa/ Viện	
		Danh mục các đề tài khoa học của giảng viên ngành Hóa	Năm 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Khoa/ Viện	
67	H6.06.07.01	Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của trường Đại học Vinh	Số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/05/2016	Đại học Vinh	
68	H6.06.07.02	Kế hoạch năm học 2016 - 2017	Ngày 09/06/2014	Khoa/ Viện	
		Kế hoạch năm học 2017 – 2018	Ngày 30/5/2015	Khoa/ Viện	
		Kế hoạch năm học 2018 - 2019	Ngày 30/5/2016	Khoa/ Viện	
69	H6.06.07.03	Chức năng nhiệm vụ của phòng KH-HTQT	Số 428 QĐ/ ĐHV ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
		Bản phân công nhiệm vụ ban lãnh đạo khoa Viện		Khoa/ Viện	
70	H6.06.07.04	Phần mềm quản lý hoạt động NCKH	Website	Trung tâm	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
				CNTT	
71	H6.06.07.05	Kế hoạch tổ chức SVNCKH các cấp	Số 1329/ĐHV-KH HTQT ĐHV ngày 23/11/2018	Phòng KH& HTQT	
		Danh sách đề tài sinh viên, đề tài tham gia NCKH	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
		Kết quả xếp loại đề tài SVNCKH	Năm 2014	Khoa/ Viện	
72	H6.06.07.06	Thông báo về xemina	http://vinhuni.edu.vn/khoa-hoc-cong-nghe/seminar	Phòng KH& HTQT	
		Biên bản xemina ở tổ bộ môn	các năm 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Khoa/ Viện, Bộ môn	
73	H6.06.07.07	Danh sách thưởng cho các bài báo quốc tế hàng năm	1066/QĐ –ĐHV 05/11/2018	Phòng KH& HTQT	
74	H6.06.07.08	Danh sách các đề tài NCKH của giảng viên ngành Hóa	các năm 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Phòng KH& HTQT	
		Danh sách các giáo trình, sách tham khảo của giảng viên ngành Hóa	các năm 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Nhà xuất bản	
		Danh sách các bài báo của giảng viên ngành Hóa	Năm 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Ngành Hóa	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Danh sách các công trình hướng dẫn sinh viên NCKH giảng viên ngành Hóa đạt các giải	Năm 2015-2016; 2016-2017; 2017-2018; 2018-2019	Ngành Hóa	
75	H6.06.07.09	Công văn triển khai việc thành lập nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh	Số 1277 QĐ/ĐHV-22/12/2018	Trường ĐH Vinh	
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên					
1	H7.07.01.01	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2011-2020	2 bản kế hoạch chiến lược giai đoạn 2011-2020 và 2017-2025	Đại học Vinh	
2	H7.07.01.02	Danh sách trích ngang đội ngũ nhân viên, kỹ thuật viên	Danh sách năm 2018	Phòng TCCB	
3	H7.07.01.03	Danh sách trích ngang của KTV PTN phục vụ ngành SP Hóa học	Danh sách 2019	Phòng TCCB	
4	H7.07.01.04	Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị hành chính, Các quyết định phê duyệt tương ứng		Đại học Vinh	
5	H7.07.01.05	Kế hoạch tuyển dụng nhân viên và Thông báo tuyển viên chức và hợp đồng thử việc	Số 34/TB-ĐHV ngày 21/3/2017	Đại học Vinh	
		Kế hoạch năm học của phòng ban chức năng (Trung tâm THTN)		TT THTN	
6	H7.07.01.06	Minh chứng các khóa tập huấn chuyên môn		Hồ sơ cán bộ	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		của cán bộ KTV		KTV	
7	H7.07.01.07	Mô tả công việc của KTV	Website của trường	Đại học Vinh	
8	H7.07.01.08	Quy định luân chuyển cán bộ hành chính	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26 /9/ 2016	Phòng TCCB	
9	H7.07.01.09	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người về đội ngũ phục vụ .	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018 Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2018 Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi của người học tới hoạt động giảng dạy học kỳ 2 năm 2017-18 Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Phòng CTCT-HSSV	
10	H7.07.02.01	Quyết định ban hành quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh	Số 1128/QĐ-ĐHV ngày 26 / 9 / 2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Công văn xin ý kiến góp ý cho dự thảo quy chế Tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng , bổ nhiệm, miễn nhiệm và luân chuyển cán bộ viên chức	Số 619/ĐHV-TCCB ngày 17/5/2016	Phòng TCCB	
11	H7.07.02.02	Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2015	Số 1866/TB-ĐHV ngày 27/5/2015	Đại học Vinh	
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2017	Số 102/TB-ĐHV ngày 30/6/2017 http://phongtccb.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/seo/thong-bao-tuyen-vien-chuc-va-lao-dong-hop-dong-nam-2017-77730	Đại học Vinh	
		Thông báo tuyển dụng viên chức năm 2018	http://phongtccb.vinhuni.edu.vn/hoat-dong-chuyen-mon/seo/thong-bao-tuyen-dung-vien-chuc-nam-2018-83722	Đại học Vinh	
12	H7.07.02.03	Mô tả nhiệm vụ của nhân viên	Website ở các trung tâm	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			phòng ban chức năng		
13	H7.07.02.04	Kế hoạch điều chuyển cán bộ nhân viên hành chính			
		Quyết định điều chuyển cán bộ nhân viên hành chính	Số 3898/QĐ-ĐHV ngày 06/ 11 /2014	Đại học Vinh	
		Hợp đồng lao động	Số 4913/HĐ-ĐHV ngày 10/ 12 /2014	Đại học Vinh	
		Quyết định điều chuyển cán bộ nhân viên hành chính	Số 3916/QĐ-ĐHV ngày 20 / 10 /2015	Đại học Vinh	
		Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn	Số 68/HĐLV-ĐHV ngày 12 / 7 /2018	Đại học Vinh	
14	H7.07.02.05	Quyết định về việc điều động và bổ nhiệm cán bộ chủ chốt	Số 592/QĐ-ĐHV ngày 12 / 6 /2017	Đại học Vinh	
		Quyết định quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý các tổ chức đảng, đơn vị, đoàn thể trực thuộc Trường Thông báo họp Đảng ủy Trường về quy hoạch cán bộ	Số 1551/QĐ-ĐU ngày 2/10/2017	Đảng ủy Trường	
15	H7.07.02.06	Đề án tái cấu trúc nhà trường	Số 04/ĐA-ĐHV ngày 31/3/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
16	H7.07.03.01	Đề án vị trí việc làm		Đại học Vinh	
		Quyết định ban hành quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh	Số 1128/QĐ-ĐHV 26/9/2016	Đại học Vinh	
		Phiếu đánh giá viên chức, cán bộ hành chính	Mẫu số 03	Phòng TCCB	
17	H7.07.03.02	Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ cán bộ văn phòng khoa và trợ lý quản lý sinh viên	Số 2534/QĐ-ĐHV ngày 29 / 9 / 2011	Đại học Vinh	
		Phân công nhiệm vụ trợ lí đào tạo viện SPTN năm học 2016-2017		Khoa/ Viện	
		Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ cố vấn học tập	Số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10 / 12/ 2012	Đại học Vinh	
18	H7.07.03.03	Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường Đại học Vinh	Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24 / 8 / 2017	Đại học Vinh	
		Danh sách xếp loại hàng tháng của cán bộ hành chính ngành Sư phạm Hóa học		Trường, Khoa/ Viện	
19	H7.07.03.04	Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức Trường Đại học Vinh	Số 929/QĐ-ĐHV ngày 24/8/ 2017	Đại học Vinh	
		Phiếu đánh giá cán bộ hành chính	Năm 2014-18	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
20	H7.07.03.05	Quy định công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động nhà Trường	Số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01 tháng 11 năm 2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch triển khai lấy ý kiến người học	Số 33/KH - ĐHV ngày 22 tháng 09 năm 2016	Đại học Vinh	
		Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động Nhà Trường Trường Đại học Vinh	Số74/BC-ĐHV ngày 22 tháng 12 năm 2016	Đại học Vinh	
21	H7.07.04.01	Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2011-2020	Số 1828/QĐ-ĐHV ngày 25/7/2011	Đại học Vinh	
		Đề án vị trí việc làm		Đại học Vinh	
		Bản đăng ký của nhân viên về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ		P TCCB	
22	H7.07.04.02	Quyết định cử viên chức đi học sau đại học của cán bộ hành chính	Số 638/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 6 năm 2017	Đại học Vinh	
23	H7.07.04.03	Kế hoạch thi thăng hạng viên chức hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước, năm 2016-2017.	Số 70/ĐHV-TCCB ngày 13/1/2017	Phòng TCCB	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
24	H7.07.04.04	Quyết định mở lớp bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng và An ninh.	Số 395/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2017	Đại học Vinh	
		Quyết định mở lớp bồi dưỡng QLHCNN cho chuyên viên	Số 647/QĐ-ĐHV ngày 24/5/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định mở lớp bồi dưỡng lớp ngoại ngữ B1 cho CB hành chính		Phòng TCCB	
25	H7.07.04.05	Quy chế chi tiêu nội bộ (Quy định về chi cho công tác đào tạo)	Năm 2017	Đại học Vinh	
26	H7.07.04.06	Danh sách trích ngang của đội ngũ KTV ngành Hóa học		Phòng TCCB	
27	H7.07.05.01	Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm	2106/QĐ-ĐHV ngày 1/8/2012	Đại học Vinh	
		Bản Mô tả công việc của nhân viên	Website trường	Đại học Vinh	
		Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ cán bộ văn phòng khoa và trợ lý quản lý sinh viên	Số 2534/QĐ-ĐHV ngày 29 / 9 / 2011	Đại học Vinh	
		Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ cố vấn học tập	Số 3814/QĐ-ĐHV ngày 10 / 12 /2012	Đại học Vinh	
28	H7.07.05.02	Đề án vị trí việc làm		Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
29	H7.07.05.03	Kế hoạch công tác hàng tháng của trường Đại học Vinh	Năm 2017-18	Đại học Vinh	
		Báo cáo kết quả hàng tháng của trường Đại học Vinh	Năm 2017-18	Đại học Vinh	
30	H7.07.05.04	Quyết định ban hành tiêu chí thi đua các nhân đánh giá công chức, viên chức Đại học Vinh	Số 3807/QĐ-ĐHV ngày 12 tháng 10 năm 2015	Đại học Vinh	
		Quyết định ban hành quy định đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức Trường Đại học Vinh	Số 929/QĐ-ĐHV này 24 tháng 8 năm 2017	Đại học Vinh	
		Văn bản xin ý kiến góp ý của các đơn vị về tiêu chí đánh giá thi đua, quy định xếp loại cán bộ	Số 970/ĐHV-HCTH ngày 18/8/2017	Đại học Vinh	
31	H7.07.05.05	Chức năng nhiệm vụ của phòng thanh tra-Pháp chế	http://phongttgd.vinhuni.edu.vn/gioi-thieu/seo/gioi-thieu-chung-51237	Đại học Vinh	
		Lịch công tác tuần 41	http://phongttgd.vinhuni.edu.vn/lich-tuan/seo/lich-cong-tac-tuan-le-41-92470	Đại học Vinh	
32	H7.07.05.06	Danh sách xếp loại CB hàng tháng (phòng ban)	Tháng 4 năm 2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
33	H7.07.05.07	Mẫu Phiếu đánh giá cán bộ hành chính			
		QĐ công nhận danh hiệu thi đua	Số 3937/QĐ-ĐHV ngày 10/11/2014 Số 1473/QĐ-ĐHV ngày 12/12/2016 Số 974/QĐ-ĐHV ngày 11/10/2018 Số 1197/QĐ-ĐHV Ngày 26 /10 /2017	Đại học Vinh	
		Biên bản họp hội đồng thi đua, khen thưởng Trường	Ngày 13/10/2017; 19/10/2017; 26/10/2017	Đại học Vinh	
34	H7.07.05.08	Quyết định triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động của các phòng ban chức năng			
		Kế hoạch phản hồi từ người học đối với hoạt động của các phòng ban chức năng	Số 80/TB-ĐHV ngày 27/4/2018 Số 195 /TB-ĐHV ngày 8/12/2017 Số 1307/QĐ-ĐHV ngày		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			01/11/2016 Số 40/QĐ-ĐHV ngày 11/10/2018		
		Bảng tổng hợp ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động của các phòng ban chức năng	Bảng tổng hợp HK 2 năm 2017-18 Số 16/BC-ĐHV ngà y 26/3/2019 (HK1 2018-19) Số 51/BC-ĐHV ngà y 31/7/2019 (HK2 2018-19)	Phòng CTCTHSSV	
35	H7.07.05.09	QĐ công nhận danh hiệu thi đua	Số 1197/QĐ-ĐHV Ngày 26 tháng 10 năm 2017	Đại học Vinh	
		Biên bản họp hội đồng thi đua, khen thưởng Trường	Ngày 13/10/2017; 19/10/2017; 26/10/2017	Đại học Vinh	
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học					

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H08.08.01.01	Đề án Tuyển sinh của Trường từ 2014-2018*	Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 25/02/2017 Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 16/02/2017 Số 247/ĐA-ĐHV, ngày 04/07/2018	Đại học Vinh	
2	H08.08.01.02	Các thông báo về chính sách/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/khoa/Viện	Số 06/KH-ĐHV ngày 23/2/2016 Số 60/KH-ĐHV ngày 27/12/2018 Số 108/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2016 Số 660/QĐ-ĐHV ngày 26/6/2017 Ảnh chụp màn hình	Đại học Vinh	
3	H08.08.01.03	Các văn bản, hồ sơ về hoạt động tư vấn TS của Trường, khoa/Viện và các bộ phận chức năng	Số 06/ KH-ĐHV ngày 23-2-2016 (Kế hoạch tuyển sinh năm 2016)	Đại học Vinh	
			Số 60/ KH-ĐHV ngày 27-12-2018 (Kế hoạch tuyển sinh		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			năm 2018)		
			- Số 02/TB-HĐT, ngày 17/01/2017 – (Kết luận của Chủ tịch Hội đồng trường về Nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh) - Số 07/KH-ĐHV, ngày 23/02/2017 (Kế hoạch Tư vấn tuyển sinh năm 2017)-		
			Số 108/QĐ-ĐHV, ngày 23/02/2016(Quyết định thành lập Ban chỉ đạo tư vấn tuyển sinh năm 2016)-QTKD		
4	H08.08.01.04	Kế hoạch chiến lược phát triển sư phạm ở trường Đại học Vinh giai đoạn 2017-2025	Số 1047a/ QĐ-ĐHV ngày 30/10/2018	Đại học Vinh	
5	H08.08.01.05	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh hàng năm	Năm 2014-18	Phòng Đào tạo	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
6	H08.08.01.06	Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan (Sở GDĐT, trường THPT) trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh		Phòng ĐT/ban TS/ Khoa /Viện	
7	H08.08.02.01	Văn bản quy định về quy trình xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học		Đại học Vinh	
8	H08.08.02.02	Đề án Tuyển sinh của Trường từ 2014-2018	Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 25/02/2017 Số 02/ĐA-ĐHV, ngày 16/02/2017 Số 247/ĐA-ĐHV, ngày 04/07/2018	Đại học Vinh	
9	H08.08.02.03	Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh hàng năm		Trường/Phòng Đào tạo khoa/Viện	
10	H08.08.02.04	- Các thông báo/kế hoạch tuyển sinh, tờ rơi, trang thông tin điện tử của Trường/khoa/Viện Các văn bản, hồ sơ về hoạt động tư vấn TS của Trường và Các bộ phận chức năng	Số 06/KH-ĐHV ngày 23/2/2016 Số 60/KH-ĐHV ngày 27/12/2018 Số 108/QĐ-ĐHV ngày 23/2/2016	Trường/Phòng Đào tạo khoa/Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 660/QĐ-ĐHV ngày 26/6/2017 Ảnh chụp màn hình		
11	H08.08.02.05	Kế hoạch chiến lược phát triển sư phạm ở trường Đại học Vinh giai đoạn 2017-2025	Số 1047a/ QĐ-ĐHV ngày 30/10/2018	Trường ĐH Vinh	
12	H08.08.02.06	Dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng chính sách tuyển sinh	có thể lấy thông tin trên website	Đại học Vinh	
13	H08.08.03.01	Quy chế/quy định đào tạo*. Phần mềm quản lý SV và quản lý đào tạo (CMC)	Số 868/QĐ-ĐHV ngày 2/4/2013	Đại học Vinh Chụp màn hình/đường link	
			QĐ số 2155/ĐHV-ĐHV ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	
14	H08.08.03.02	Bản mô tả CTĐT ngành Sư phạm Hóa học			
15	H08.08.03.03	DS Sinh viên thuộc diện cảnh báo trong các năm học		Khoa/ Viện	
16	H08.08.03.04	Quy định về công tác thi, kiểm tra, đánh giá kết	Số 991/QĐ-ĐHV ngày 25/03/2014	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		quả học tập của trường Đại học Vinh	Số 2155/ĐHV-ĐHV ngày 10/10/2017	Đại học Vinh	
			Số 1262/ QĐ-ĐHV ngày 13/11/2017	Đại học Vinh	
17	H08.08.03.05	Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập;	Số 3814/QĐ-ĐHV, ngày 10/12/2012	Đại học Vinh	
		Hồ sơ về phân công GV phụ trách/CN các lớp, nhóm SV hàng năm	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
		Hồ sơ xét đánh giá, xếp loại rèn luyện SV hằng năm	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
18	H08.08.03.06	- Hướng dẫn, kế hoạch tổ chức Đại hội chi đoàn, lớp hằng năm - Báo cáo tổng hợp kết quả rèn luyện của sinh viên hằng năm; - Báo cáo về kết quả học tập và rèn luyện của	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		người học (in từ phần mềm); - Hướng dẫn về công tác gửi giấy báo thông tin về gia định sinh viên các khóa 55-59;			
19	H08.0803.07	Thông tin thu được thông qua phỏng vấn các bên liên quan về chính sách giám sát người học		Khoa/Viện	
20	H08.08.04.01	Quyết định v/v cử cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo	Số 1131/QĐ-ĐHV, ngày 10/10/2017 (cử CVHT)	Đại học Vinh	
21	H08.08.04.02	Văn bản Quy định chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập và Trợ lý đào tạo	Số 3814/QĐ-ĐHV,ngày 10/12/2012	Đại học Vinh	
22	H08.08.04.03	Quy định chức năng, nhiệm vụ của TT Dịch vụ, hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp; Phòng Đào tạo, Phòng công tác chính trị HS-SV, Đoàn Thanh niên, Hội SV	428/QĐ- ĐHV ngày 21/4/2016 (VB về chức năng nhiệm vụ phòng TT..)	Đại học Vinh	
		Văn bản vv tăng cường các hoạt động hỗ trợ HSSV có hoàn cảnh khó khăn;	1462/QĐ-ĐHV ngày 29/8/2016 (về học bổng, chế độ trợ cấp xã hội)	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		- Thông tri triệu tập hội nghị triển khai công tác HS,SV,HV và công tác an ninh trường học năm 2013-2014;	Số 1351/ĐHV-HTSVQHDN, ngày 14/11/2017 (Văn bản vv tăng cường các hoạt động hỗ trợ HSSV có hoàn cảnh khó khăn)	Phòng HTSV-QHDN	
			Số 3545/TT-ĐHV, ngày 4/11/2013 (an ninh)	Đại học Vinh	
23	H08.08.04.04	Quyết định cử giảng viên chủ nhiệm lớp của Khoa/Viện	Năm 2014-18	Khoa/ Viện	
24	H08.08.04.05	Kế hoạch và nội dung tuần sinh hoạt công dân đầu khóa		Trường ĐH Vinh/Phòng Công tác CT HS-SV	
25	H08.08.04.06	Quyết định miễn, giảm học phí và trao học bổng cho Sinh viên		Đại học Vinh	
26	H08.08.04.07	- Kế hoạch tổ chức Tháng rèn luyện NVSP các năm 2014-2018 - Báo cáo tổng kết tháng Rèn luyện NVSP các	Năm 2014-18	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		năm 2014-2018 - Giải Nhất hội thi NVSP (2016), Giải Nhì (năm 2014 và 2018), Giải Nhất Hội thi tìm hiểu thân thế,sự nghiệp Hồ Chí Minh (2015)			
27	H08.08.04.08	Báo cáo công tác Đoàn, Hội về hoạt động ngoại khóa		Đoàn TN, Hội SV trường, Khoa/Viện	
28	H08.08.04.09	Quyết định thành lập các CLB Play with English, CLB Sư phạm Hóa học, Đội văn nghệ khoa/Viện, ...		Đoàn TN, Hội SV trường, Khoa/Viện	
29	H08.08.04.10	- Danh sách các Sở GD và ĐT, trường THPT phối hợp/liên kết với Trường/Khoa/Viện trong việc hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng*. - Kế hoạch thực tập sư phạm hằng năm		Phòng Đào tạo	
30	H08.08.04.11	- Báo cáo công tác lấy ý kiến phản hồi của SV cuối khoá tốt nghiệp năm 2018-19 về các hoạt động của Nhà trường; - Thông báo vv lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động	Số 16/BC-ĐHV ngày 26/3/2019	Đại học Vinh	
			Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
			Số 40/KH-ĐHV ngày 11/10/2018	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		của Nhà trường và các đơn vị hành chính, 2018-2019; - Phiếu lấy ý kiến người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính, 2018-2019;	Số 217/TB-ĐHV ngày 11/12/2018	Đại học Vinh	
31	H08.08.05.01	- Văn bản qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của nhà trường - Văn bản điều chỉnh qui hoạch Cơ sở 2 do UBND tỉnh ban hành	QĐ Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trường Đại học Vinh tại phường Bến Thủy, TP Vinh Tỉnh Nghệ An (Số 3394/QĐ.UBND-CN ngày 04/8/2008 và Số 5169/QĐ.UBND-ĐTXD ngày 10/10/2014) QĐ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trường Đại học Vinh tại phường Bến Thủy, Vinh, Nghệ An (Số 1259/QĐ.UBND-XD ngày 10/4/2013)	Trường ĐH Vinh/Phòng Quản trị-Đầu tư	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Văn bản điều chỉnh qui hoạch Cơ sở 2 do UBND tỉnh ban hành, 2016(Số 3943/UBND-QLĐT, ngày 21/8/2015) Văn bản qui hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất của nhà trường, 2016(Số 4808/QĐ.UBND-XD, ngày 22/10/2015)		
32	H08.08.05.02	Sơ đồ bố trí khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa/Viện, hội trường, thư viện, khu thực hành, thực tập… ký túc xá		Trường/Phòng Quản trị-Đầu tư	
33	H08.08.05.03	Bảng kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực 2017	BC, ngày 21/7/2017	Đại học Vinh	
34	H08.08.05.04	Chương trình ngày chủ Nhật xanh	Số 73/KH-HSSV, ngày 24/12/2012	Đoàn Trường ĐH Vinh	
35	H08.08.05.05	Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường	Số 80/2017/NĐ-CP, ngày 17/7/2017	Chính phủ	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác HS, SV, 2015-2016	Số 3775/KH-ĐHV, ngày 9/10/2015	Đại học Vinh	
		Quyết định kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ Trường Đại học Vinh	Số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017	Đại học Vinh	
		Các văn bản quy định về môi trường, sức khoẻ, an toàn Trường Đại học Vinh	Số 3057/KH – ĐHV ngày 7/10/2013 Số 1817/ĐHV-KH, ngày 9/6/2014 Số 3852/KH-ĐHV, ngày 3/11/2014 Số 661/KH-ĐHV, ngày 16/2/2015 Số 07/KH – ĐHV ngày 24/2/2016 Số 21/KH – ĐHV ngày 16/5/2016)	Đại học Vinh	
36		Biên bản kiểm tra/nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường/an toàn vệ sinh		Trường /Phòng Quản	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		thực phẩm		trị	
37	H08.08.05.06	Báo cáo kết quả triển khai công tác lấy ý kiến người học về GV và các hoạt động của nhà Trường (năm 2014-18)	Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị					
1	H9.09.01.01	Sơ đồ bố trí phòng làm việc và nghiên cứu phát triển công nghệ cao (Khu hiệu bộ- Nhà điều hành) Thống kê phòng làm việc các đơn vị trong trường	Sơ đồ năm 2018 -19 (cần số liệu mới hơn)	Phòng QT & ĐT	
2	H9.09.01.02	Biên bản kiểm kê tài sản cố định và tài sản khác của hệ thống phòng làm việc (Khu hiệu bộ - Nhà điều hành)	Theo danh mục kiểm kê tài sản năm 2018	Phòng QT & ĐT	
3	H9.09.01.03	Sơ đồ nhà A0 (khu làm việc của Viện SPTN) Biên bản kiểm kê tài sản cố định và tài sản khác tại Khoa/Viện	Thống kê, năm 2018 (cần số liệu mới hơn)	Phòng QT & ĐT	
4	H9.09.01.04	Sơ đồ phòng học nhà A, B, D + Biên bản kiểm kê tài sản cố định của phòng học (danh	Sơ đồ năm 2018 -19 (có trang thiết bị phòng học)	Phòng QT & ĐT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		mục)			
		Thống kê tổng diện tích lớp học và tỷ lệ bình quân diện tích trên tổng số người học	Thống kê, năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
		Thời khóa biểu năm học của ngành Sư phạm Hóa	Năm 2014-2018	Phòng Đào tạo	
		Sơ đồ phòng học nhà A, B;	Sơ đồ, năm 2014-18 (Chỉ cần 1 năm mới nhất)	Phòng QT & ĐT	
		Sơ đồ trường THSP (Quy mô đào tạo; diện tích sử dụng)	Năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
		Sơ đồ Trung tâm THTN	Năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
		Danh mục trang thiết bị hiện đại mỗi phòng TN: Vô cơ, Hữu cơ, PT-MT, Phương pháp Hóa, Hóa lý , Đại cương, Phòng ng cứu 205 (Trung tâm phân tích và ATTP)+211 (PTN phân tích chất lượng và ATTP)		Trung tâm THTN	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
5	H9.09.01.05	Thống kê tổng diện tích lớp học và tỷ lệ bình quân diện tích trên tổng số người học	Thống kê, năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
6	H9.09.01.06	Thống kê tần suất sử dụng phòng học	Năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
7	H9.09.01.07	Thống kê tài sản tại các phòng học	Thống kê tài sản năm 2018	Phòng QT & ĐT	
		Dự án bổ sung và nâng cấp thiết bị cho các PTN Hóa học		Trung tâm THTN	
8	H9.09.01.08	Danh mục thiết bị bổ sung, sửa chữa hàng năm (có cả TT TH TN)	Thống kê, năm 2014, 2015, 2016 (Cần năm 2017, 2018)	Phòng QT & ĐT	
9	H9.09.01.09	Báo cáo tổng kết công tác kiểm kê tài sản năm 2014	Ngày 25/02/2014	Phòng QT & ĐT	
		Báo cáo tổng kết công tác kiểm kê tài sản năm 2015	Ngày 02/02/2015	Phòng QT & ĐT	
		Báo cáo tổng kết công tác kiểm kê tài sản năm 2016	Ngày 31/12/2016	Phòng QT & ĐT	
10	H9.09.01.10	Văn bản về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên, cán bộ viên chức, hoạt động	Số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016	Phòng CT CTHSSV	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		của các đơn vị hành chính và các hoạt động khác của trường (cả TTTHTN)	Số 74/BC-ĐHV, ngày 22/12/2016		
			Số 310/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 24/3/2017		
			Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017	ĐHV	
11	H9.09.02.01	Sơ đồ các phòng tại nhà thư viện	Thông báo, ngày 01/10/2018	Thư viện	
12	H9.09.02.02	Thống kê cơ sở vật chất trang thiết bị tại thư viện	Thống kê, năm 2013, 2015, 2016, 2017, 2018	Thư viện	
13	H9.09.02.03	Danh sách tài liệu thư viện của ngành Sư phạm Hóa học (Bao gồm thống kê danh mục sách, giáo trình, luận văn luận án, tạp chí ngành SP Hóa)	Thống kê, năm 2019	Thư viện	
14	H9.09.02.04	Văn bản về việc chọn lọc, thanh lý tài liệu sắp xếp cơ sở vật chất tại thư viện	Số 1230/ĐHV – TV ngày 16/10/2017	Thư viện	
		Đề xuất kế hoạch mua sắm tài liệu hằng năm của ngành SPHH		Thư viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Nguồn tài liệu bổ sung hàng năm của ngành Sư phạm Hóa học	Thống kê, năm 2013-2018	Thư viện	
15	H9.09.02.05	Đề cương chi tiết học phần ngành Sư phạm Hóa học	Năm 2014-2018	Khoa/Viện	
16	H9.09.02.06	Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý thư viện Kipos	Năm 2016	Thư viện	
17	H9.09.02.07	Tài liệu liên quan đến giải pháp sử dụng thư viện số ILIB	Số TTKHCN-LHTV, ngày 6/5/2013 Số 02/TTKHCN-LHTV, ngày 2/1/2014 Đề nghị ngày 17/3/2014 Số 853/ĐHV-TTTV ngày 03/-1/2014	Thư viện	
18	H9.09.02.08	Tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện	Số 08/GM-ĐHV ngày 06/10/2016	Thư viện	
			Thông báo, ngày 31/10/2017 Thông báo, ngày 01/08/2018 Thông báo, ngày 15/10/2018		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Hệ thống quy định thư viện		Thư viện	
		Hệ thống theo dõi việc sử dụng tài liệu của thư viện		Thư viện	
		Tổng số lượt bạn đọc mượn tài liệu thư viện (Khoa Hóa/Viện SPTN)	Năm 2014-2018	Thư viện	
19	H9.09.02.09	Bản tổng hợp đánh giá phiếu trưng cầu ý kiến từ người học về hoạt động của Trung tâm Thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào	Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Thư viện	
20	H9.09.03.01	QĐ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm thực hành thí nghiệm	Số 182/QĐ-ĐHV, ngày 07/03/2017 Số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016	Đại họcVinh	
		Quyết định thành lập TTTHTN	706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011	Trung tâm THTN	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Sơ đồ TT THTN	Sơ đồ năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
		Sơ đồ bố trí thiết bị trong các PTN Hóa học		Trung tâm THTN	
		Danh mục thống kê trang thiết bị dụng cụ TN	2014-18	Trung tâm THTN	
		Định mức kinh tế kỹ thuật các học phần có thực hành thí nghiệm	2014-18	Trung tâm THTN	
		Sơ đồ mặt bằng phòng học máy tính phục vụ học tập và nghiên cứu cho sinh viên ngành Sư phạm hóa học	Sơ đồ năm 2018-19	Phòng QT & ĐT	
21	H9.09.03.02	Quyết định về việc quy hoạch phòng thực hành thí nghiệm trường Đại học Vinh giai đoạn 2016-2020	Số 686/QĐ-ĐHV ngày 09/06/2016	Trường ĐHV	
		Nhật ký sử dụng thiết bị phòng máy tính của Trung tâm THTN	2018-19	Phòng QT & ĐT	
		Nhật ký phòng thực hành Thí nghiệm	2014-18		
22	H9.09.03.03	Văn bản đề xuất sửa chữa, cập nhật, bảo		Trung	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		dưỡng thiết bị thực hành Thí nghiệm		tâmTHTN	
		Danh mục trang thiết bị đề nghị sửa chữa, , hàng năm Danh mục trang thiết bị đề nghị bổ sung, mua sắm hàng năm	Thống kê, 2016,2017 (cần bổ sung năm 2018)	Trung tâmTHTN	
		Hợp đồng bổ sung, nâng cấp phòng thực hành thí nghiệm	Số 01/VLCN/2016/ĐHV-HQ		
		Các chứng từ thanh toán, biên bản bàn giao nghiệm thu thiết bị PTN		Trung tâmTHTN	
23	H9.09.03.04	Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm thực hành thí nghiệm	Số 182/QĐ-ĐHV, ngày 07/03/2017 Số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
24	H9.09.03.05	Văn bản về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên, cán bộ viên chức, hoạt động	Số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		của các đơn vị hành chính và các hoạt động khác của trường	Số 74/BC-ĐHV, ngày 22/12/2016	Đại học Vinh	
			Số 310/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 24/3/2017	Phòng CTCT-HSSV	
			Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
25	H9.09.04.01	Góp ý cho Dự thảo Quy chế Quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh	Số 562/ĐHV-CNTT ngày 11/03/2013	Trung tâm CNTT	
		Quyết định ban hành quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của trường Đại học Vinh	Số 1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/2013	Đại học Vinh	
		Quyết định ban hành quy hoạch tổng thể hệ thống thông tin quản lý trường Đại học Vinh	Số 62/QĐ-ĐHV ngày 23/1/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
26	H9.09.04.02	Thống kê tài sản tại các phòng học	Thống kê tài sản năm 2017	Phòng QT & ĐT	
27	H9.09.04.03	Danh sách cán bộ tham gia giảng dạy ngành Sư phạm Hóa được phát laptop	Năm 2018	Khoa /Viện	
28	H9.09.04.04	Quyết định ban hành quy định, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường Đại học Vinh	Số 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
		Danh sách địa chỉ email của Giảng viên ngành Sư phạm Hóa học có tên miền vinhuni.		Khoa/ Viện	
29	H9.09.04.05	Quyết định về việc ban hành quy chế quản lý, khai thác hệ thống thông tin điện tử của Trường Đại học Vinh	Số 1044/QĐ-ĐHV ngày 16/4/2013	Đại học Vinh	
		Văn bản lịch triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường	Số 318/ ĐHV- CNTT ngày 28/3/2017 Số 634/ĐHV-CNTT ngày	Trung tâm CNTT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			05/06/2017		
30	H9.09.04.06	Phần mềm quản lý đào tạo CMC	Số 1843/ĐHV-CNTT ngày 21/6/2013 Số 631/ĐHV-KHTC ngày 06/03/2014 Số 4123/ĐHV-ĐT ngày 2/11/2015	Trung tâm CNTT	
		Sổ theo dõi nâng cấp phần mềm, hệ thống mạng, website của trường		Trung tâm CNTT	
		Kế hoạch đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (kèm dự toán, hóa đơn thanh quyết toán)		Trung tâm CNTT	
31	H9.09.04.07	Công văn về bảo dưỡng và cấu hình hệ thống mạng máy tính	Số 1327/ ĐHV - CNTT ngày 28/4/2014	Trung tâm CNTT	
		Công văn về việc bảo trì, bảo dưỡng máy tính cá nhân và máy in của các đơn vị trong trường	Số 1146/ ĐHV- CNTT ngày 26/9/2017	Trung tâm CNTT	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Sổ sách theo dõi việc vận hành và bảo trì, phòng máy tính (Nhật ký)		Trung tâm CNTT	
32	H9.09.04.08	Văn bản về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên, cán bộ viên chức, hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động khác của trường	Số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016	Phòng CT CTHSSV	
			Số 74/BC-ĐHV, ngày 22/12/2016		
			Số 310/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 24/3/2017		
			Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Đại học Vinh	
33	H9.09.05.01	Nghị định quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường	Số 80/2017/ NĐ-CP ngày 17/7/2017 http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/het	Chính phủ	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			hongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=190430		
34	H9.09.05.02	Các văn bản quy định về môi trường, sức khoẻ, an toàn Trường Đại học Vinh	Số 3057/KH – ĐHV ngày 7/10/2013 Số 1817/ĐHV-KH, ngày 9/6/2014 Số 3852/KH-ĐHV, ngày 3/11/2014 Số 661/KH-ĐHV, ngày 16/2/2015 Số 07/KH – ĐHV ngày 24/2/2016 Số 21/KH – ĐHV ngày 16/5/2016	Đại học Vinh	
		Phương án chữa cháy của cơ sở	Tháng 8 /2014	Đại học Vinh	
		Văn bản về việc tập huấn chuyển giao công nghệ hệ thống PCCC	Ngày 19/10/2015	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Biên bản hướng dẫn vận hành và sử dụng hệ thống phòng cháy chữa cháy	Ngày 28/10/2015	Đại học Vinh	
		Quyết định ban hành quy định về công tác sinh viên tự quản trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh	Số 4458/QĐ – ĐHV ngày 26/11/2015	Đại học Vinh	
35	H9.09.05.03	Các văn bản triển khai công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại trường Đại học Vinh	Số 3441/QĐ-ĐHV, ngày 29/10/2013 Số 2515/BGDĐT-CTHSSV, ngày 16/5/2014 Số 578-BC/ĐU, ngày 17/7/2014 Số 2486/ĐHV-TCCB, ngày 8/8/2014 Số 1151/QĐ-ĐHV, ngày 8/04/2015 Số 1152/QĐ-ĐHV, ngày 8/04/2015 Số 12-CV/ĐU, ngày 13/07/2015	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			và các tài liệu liên quan Số 4798/QĐ-ĐHV, ngày 15/12/2015 Số 5085/QĐ-ĐHV, ngày 31/12/2015 Số 35/ĐHV-CTHSSV, ngày 12/1/2016 Số 26/TB-ĐHV, ngày 28/1/2016 Số 07/KH-ĐHV ngày 24/02/2016 Số 328/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 24/3/2016 Số 513/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 29/4/2016 Số 45/KH – ĐHV ngày 8/11/2016 Số 418/ĐHV-HTSVQHDN ngày 23/4/2018		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 212/QĐ-ĐHV, ngày 1/02/2018		
36	H9.09.05.04	Quyết định kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống bão lụt, cháy nổ Trường Đại học Vinh	Số 750/QĐ-ĐHV ngày 14/7/2017	Đại học Vinh	
37	H9.09.05.05	Quyết định điều động sinh viên ngành sư phạm Hóa học tham gia phòng chống bão lụt, cháy nổ	Số 1956/QĐ-ĐHV ngày 14/9/2017	Đại học Vinh	
38	H9.09.05.06	Tờ khai hiện trạng sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và đề xuất phương án xử lý	Các tập văn bản năm 2013	Đại học Vinh	
39	H9.09.05.07	Tài liệu mặt bằng quy hoạch tổng thể trường Đại học Vinh	Số 1259/QĐ.UBND-XD ngày 10/4/2013 Số 2712/UBND-ĐTXD ngày 26/4/2013 Số 5169/QĐ.UBND-ĐTXD ngày 10/10/2014 QĐ 4808/QĐ.UBND-XD ngày 22/10/2015 Số 3943/UBND-QLĐT ngày 21/8/2015	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Thuyết minh điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1.2000 cơ sở 2 Trường Đại học Vinh xã Nghi Ân, Thành phố Vinh	Ngày 25/6/2015	Đại học Vinh	
40	H9.09.05.08	Kế hoạch tổ chức hội nghị tập huấn về công tác nước sạch và vệ sinh môi trường	Số 4211/KH-ĐHV ngày 18/12/2013	Đại học Vinh	
		Kế hoạch tổ chức tuần hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường	Số 14/KH-ĐHV ngày 18/4/2018	Đại học Vinh	
41	H9.09.05.09	Bảng kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực	Thống kê, năm 2017	Đại học Vinh	
42	H9.09.05.10	Kế hoạch khám sức khoẻ định kỳ, mở các đợt tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khoẻ sinh sản	Số 1250/ĐHV-HTSVQHDN ngày 08/05/2013 Số 4075/ĐHV-YT ngày 06/12/2013 Số 200/TB-ĐHV ngày 20/01/2015 Số 354/ĐHV-YT ngày 29/03/2016 Số 625/ĐHV-ĐTLT ngày 17/5/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 1391/ĐHV-YT ngày 05/12/2018		
43	H9.09.05.11	Văn bản liên quan đến công tác bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội trong trường Đại học Vinh	Số 1530/ĐHV-HCTH ngày 19/5/2014 Số 441/ĐHV-HCTH ngày 15/4/2016	Đại học Vinh	
44	H9.09.05.12	Văn bản về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về giảng viên, cán bộ viên chức, hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động khác của trường	Số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016	Phòng CT CTHSSV	
			Số 74/BC-ĐHV, ngày 22/12/2016		
			Số 310/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 24/3/2017		
			Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	ĐHV	
Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng					

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H10.10.01.01	Thông báo kết luận của hội đồng KHĐT về công tác đào tạo tại phiên họp tháng 1/2016	Số 18/TB-ĐHV ngày 19/1/2016	Đại học Vinh	
		Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh	Quyết định 428/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
2	H10.10.01.02	Quyết định thành lập ban xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO cấp khoa	Số 160/QĐ-ĐHV ngày 08/3/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo CDIO	Số 10/KH-ĐHV ngày 08/3/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập Ban giám sát xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO	Số 296/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2016	Đại học Vinh	
		Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học	Hướng dẫn 03/HD-DHV ngày 19/4/2016	Đại học Vinh	
		Thông báo kết luận của Hiệu trưởng về việc triển khai xây dựng CĐR CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO	Số 144/TB-ĐHV ngày 24/5/2016	Đại học Vinh	
		Hướng dẫn thiết kế đề cương môn học và đánh giá năng lực của sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra theo phương pháp tiếp cận CDIO	Hướng dẫn 1447/ĐHV-ĐT ngày 9/12/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Chuẩn đầu ra cấp độ 3 chương trình đào tạo tiếp cận CDIO đại học hệ chính quy ngành Sư phạm Hóa học	Quyết định 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
3	H10.10.01.03	Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh chương trình giáo dục đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ	Số 2246/DHV-DT ngày 7/8/2013	Đại học Vinh	
		Quyết định về việc thành lập hội đồng tư vấn liên ngành rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 2732/QĐ-ĐHV ngày 7/8/2015	Đại học Vinh	
		Kế hoạch rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 2733/TB-ĐHV ngày 10/8/2015	Đại học Vinh	
		Kế hoạch tổ chức hội nghị đối thoại trực tiếp giữa hiệu trưởng với sinh viên năm 2015 – 2016	Số 02/KH-ĐHV ngày 19/1/2016	Đại học vinh	
		Kế hoạch triển khai tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, giảng viên và các hoạt động của Trường	Số 33/KH-DHV ngày 22/9/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Kế hoạch tổ chức hội nghị dân chủ các lớp sinh viên và hội nghị đối thoại trực tiếp giữa hiệu trưởng và sinh viên 2016-2017	Số 02/KH-DHV ngày 11/1/2017 Số 09/KH-DHV ngày 28/3/2018	Đại học Vinh	
		Hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên (dùng cho sinh viên hệ chính quy)	Số 310/ĐH-CTCTHSSV ngày 24/3/2016 kèm thông báo	Đại học Vinh	
		Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động của nhà trường và đơn vị hành chính học kỳ 1 năm 2017-2018	Số 195/TB-ĐHV ngày 8/12/2017 Số 80/TB-ĐHV ngày 27/4/2018	Đại học Vinh	
			217-/TB-ĐHV ngày 11/12/2018		
		Phiếu và kết quả khảo sát chuẩn đầu ra chương trình đào tào ngành SP Hóa học	Phiếu khảo sát	Khoa/Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Phiếu và Kết quả khảo sát các bên liên quan (SV tốt nghiệp,…)về CTĐT	Phiếu khảo sát	Khoa/ Viện	
		Tổng hợp danh sách đối tượng khảo sát thông tin xây dựng CDIO	5-15/1/2016	Khoa/Viện	
4	H10.10.01.04	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan về chương trình đào tạo tiếp cận CDIO	Biên bản ngày	Khoa/Viện	
		Biên bản họp hội đồng Khoa học và đào tạo khoa về tiếp thu ý kiến các bên liên quan		Khoa/Viện	
5	H10.10.01.05	Các tờ trình, biên bản họp Hội đồng khoa học về điều chỉnh chương trình đào tạo	Tờ trình, biên bản (K54, K57, K58)	Khoa/Viện	
		Kế hoạch khảo sát về việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp các năm 2015,2016, 2018	Số 08/KH-ĐHV ngày 23/2/2017	Đại học Vinh	
		Phiếu khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp và các bên liên quan	Phiếu khảo sát	Đại học Vinh	
		Bản đối sánh CTĐT	Từ 2014-18	Khoa/ Viện	
6	H10.10.01.06	Quyết định về việc thành lập đoàn sinh viên đi thực tập sư phạm năm 2014-2015, 2015-2016,	Số 405/QĐ-ĐHV ngày 2/2/2015	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		2016-2017, 2017-2018.			
			Số 237/QĐ-DHV ngày 24/2/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch triển khai thực tập tốt nghiệp đợt năm học 2014-2015, 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018.		Đại học Vinh	
		Kết quả thực tập sư phạm	Bảng điểm	Khoa/ Viện	
7	H10.10.01.07	Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy	Phiếu	Phòng CTCTHS-SV	
		Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính	Phiếu	Phòng CTCTHS-SV	
		Mẫu Phiếu lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động của nhà trường	Phiếu	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường	Số 74/BC-ĐHV, ngày 22/12/2016 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			31/7/2019		
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường đại học Vinh	Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	ĐHV	
		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên	Số 683/ĐHV-CTCTHSSV ngày 20/6/2017 Số 195/TB-ĐHV ngày 8/12/2017 Số 80/TB-ĐHV ngày 27/4/2018 217-/TB-ĐHV ngày 11/12/2018	Đại học Vinh	
		Báo cáo công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của	Số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Hướng dẫn quy trình thực hiện khảo sát trực tuyến lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên	Số 310/ ĐHV-CTCTHSSV ngày 24/3/2017 217-/TB-ĐHV ngày 11/12/2018	Đại học Vinh	
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên Trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2017-2018	Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018	Đại học Vinh	
		Tổng hợp ý kiến người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ 2 năm học 2017 – 2018 đợt lấy ý kiến từ ngày 9/5/2018 – 25/5/2018	Phụ lục 1	Đại học Vinh	
		Báo cáo kết quả lấy ý kiến người học và phụ huynh học sinh học kỳ 2 năm học 2017-2018 ngày 29/8/2018	Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018	Đại học Vinh	
		Trích xuất dữ liệu điện tử phiếu khảo sát của sinh viên về giảng viên và các hoạt động của	Kỳ 2 năm học 2017 – 2018	Đại học Vinh (Phần mềm	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		nhà trường		CMC)	
8	H10.10.01.08	Báo cáo chuyên đề " Sinh viên với nghề sư phạm trong thời kỳ hội nhập"	K58 ngày 10/11/2017	Subweb Khoa/Viện	
9	H10.10.01.09	Các biên bản sinh hoạt bộ môn và họp HĐKH, họp giao ban về thông tin phản hồi và đề xuất điều chỉnh/ cập nhật CTĐT	Biên bản giai đoạn từ 2013 – 2017	Đại học Vinh Khoa/ Viện	
		Quyết định ban hành các phiên bản chương trình đào tạo và các phiên bản chương trình đào tạo tương ứng	Số 1002/QĐ -ĐHV ngày 30 /8/ 2016	Phòng Đào tạo	
			Số 3242/QĐ -ĐHV ngày 29 /9/ 2014		
			Số 3357/QĐ -ĐHV ngày 15 /9/ 2015		
			Số 2224/QĐ-ĐHV ngày 05/9/2011		
10	H10.10.02.01	Chuẩn đầu ra CTĐT ngành SP Hóa, (http://vinhuni.edu.vn/chuan-dau-ra/cac-nganh-dao-tao-su-pham/seo/su-pham-hoa-hoc-52677)	Ngày 11/8/2015	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra đào tạo trình độ đại học	Số 03/HD-ĐHV, ngày 19/4/2016	Đại học Vinh	
		Chuẩn đầu ra CTĐT ngành Sư phạm Hóa học ban hành theo Quyết định số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/4/2017	Số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
11	H10.10.02.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ	Số 3242/QĐ-ĐHV, ngày 29/9/2014	Đại học Vinh	
		Quyết định ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ	Số 1002/QĐ-ĐHV, ngày 30/8/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định ban hành chương trình đào tạo giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ tiếp cận CDIO	Số 747/QĐ-ĐHV, ngày 27/4/2017	Đại học Vinh	
12	H10.10.02.03	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, giảng viên và các hoạt động của Nhà trường	Số 33/KH-ĐHV, ngày 22/9/2016	Đại học Vinh	
		Góp ý Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với cán bộ, viên chức và các hoạt động của Nhà trường	Số 1234/ĐHV-CTCT HSSV, ngày 12/10/2016	Phòng CTCTHS-SV	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Quyết định ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của trường Đại học Vinh	Số 1307/QĐ-ĐHV, ngày 01/11/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I, năm học 2016-2017	Số 55/KH-ĐHV, ngày 30/12/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2015, 2016, 2017, 2018	Số 08/KH-ĐHV, ngày 23/02/2017	Đại học Vinh	
		Triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2016-2017, 2017-2018	Số 310/ĐHV-CTSV, ngày 24/3/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của Nhà trường	Số 63/TB-ĐHV, ngày 10/5/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy và các hoạt động của Nhà trường và đơn vị hành chính	Số 195/TB-ĐHV, ngày 08/12/2017	Đại học Vinh	
		Mẫu Phiếu lấy ý kiến các bên liên quan		Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Bản đối sánh chương trình dạy học với các chương trình trong nước và quốc tế		Khoa / Viện	
13	H10.10.02.04	Kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTĐT	Số 2246/ĐHV-ĐT, ngày 07/8/2013	Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn liên ngành rà soát, bổ sung, điều chỉnh CTĐT	Số 2732/QĐ-ĐHV, ngày 07/8/2015	Đại học Vinh	
14	H10.10.02.05	Các biên bản họp Hội đồng Khoa /Viện về việc điều chỉnh chương trình đào tạo ngành SPHH	Từ năm 2014 –2018	Khoa /Viện	
		Các tờ trình về việc thay đổi, điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học (điều chỉnh thứ tự các học phần trong khung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần thay cho học phần chuyên môn thay thế khóa luận tốt nghiệp, thay đổi điều kiện tiên quyết, điều chỉnh KCTĐT hệ chính quy)	Từ năm 2014 - 2018	Khoa/Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
15	H10.10.02.06	Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát sinh viên tốt nghiệp các năm 2015, 2016	Số 159/ĐHV-HTSVQHDN ngày 17/2/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2016 – 2017	Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017 Số 10/BC-ĐHV ngày 29/3/2018 Số 25/BC/ĐHV ngày 12/6/2017 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019 Số 74/BC-ĐHV, ngày 22/12/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Báo cáo lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của Nhà trường	Số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017	Đại học Vinh	
16	H10.10.02.07	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi các bên liên quan về xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học tiếp cận CDIO	Ngày …2016	Khoa/ Viện	
		Đối sánh và tham khảo các chương trình đào tạo ngành SP Hóa học tiếp cận CDIO	Ngày …./2018	Khoa/Viện	
17	H10.10.03.01	Kế hoạch giám sát, kiểm tra công tác tổ chức dạy học năm học (2014 - 2015)	Số 3948/KH- ĐHV ngày 10/11/2014		
		Kế hoạch giám sát, kiểm tra hoạt động đào tạo năm học (2017 - 2018)	Số 50/KH - ĐHV Ngày 28/11/2017		
		Kiểm tra hành chính Viện Sư phạm Tự nhiên năm học (2018-2019)	Số 168/QĐ-ĐHV Ngày 21/01/2019		
18	H10.10.03.02	Quyết định ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của trường Đại học	Số 1307/QĐ - ĐHV Ngày 01/11/2016		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Vinh			
		Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, giáo viên trường Đại học Vinh học kỳ I năm học (2016 - 2017)	Số 55/KH-ĐHV Ngày 30/12/2016		
		V/v triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học (2016 -2017)	Số 310/ĐHV - CTCT HSSV Ngày 24/03/2017		
		Thông báo việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của nhà trường	Số 63/TB-ĐHV Ngày 10/05/2017		
		Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh học kỳ I năm học (2016 - 2017)	Số 25/BC-ĐHV Ngày 12/06/ 2017		
		Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động của Nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ I năm học (2017 - 2018)	Số 195/TB-ĐHV Ngày 08/12/2017		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Kế hoạch dự giờ Khoa/ VIện học kỳ I năm học 2017 – 2018	Tháng 10, 11, 12 năm 2017		
		Phiếu đánh giá giờ dạy	Phiếu		
19	H10.10.03.04	Đề cương chi tiết học phần (Quy định về việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV trong Chương trình đào tạo các học phần ngành Sư phạm Hóa học)	2014-18	Khoa/ Viện	
20	H10.10.03.05	Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ	Số 1262/QĐ-ĐHV Ngày 13/11/2017	Đại học Vinh	
21	H10.10.03.06	Kế hoạch triển khai Test - online học kỳ II năm học (2015 - 2016)	Số 03/KH- ĐHV Ngày 22/01/2016		
		Thông báo triển khai Test - online học kỳ II năm học (2015 - 2016)	Số 58/TB-ĐHV ngày 10/03/2016		
		Phần mềm quản lý điểm và đào tạo CMC		Đại học Vinh (in màn hình)	
22	H10.10.03.07	Quy định ra đề thi giữa kỳ và cuối kỳ	QĐ số 132/QĐ-ĐHV ngày 23/02/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 05/HD-ĐHV ngày 28/02/2017	Đại học Vinh	
			Số 12/HD-ĐHV ngày 30/8/2017	Đại học Vinh	
23	H10.10.04.01	Danh mục đề tài Khoa hoc, Bài báo, sách của cán bộ	2014-18	Khoa/ Viện	
24	H10.10.04.02	Hồ sơ các đề tài CDIO của ngành SP Hóa (Quyết định, biên bản nghiệm thu)		Khoa/ Viện	
25	H10.10.04.03	Kế hoạch năm học	Năm học 2016-2017,2017-2018, 2018-2019	Khoa/Viện	
26	H10.10.04.04	Thông báo về việc triển khai đề tài NCKH của SV	Số 1329/ ĐHV-KHHTQT	Phòng NCKH và HTQT	
27	H10.10.04.05	Quyết định giao đề tài của sinh viên	Số 429/QĐ-ĐHV ngày 21/4/2016 Số 393/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2017	Đại học Vinh	
		Kết quả và sản phẩm NCKH sinh viên	Sản phẩm NCKH sinh viên Văn bản về Sinh viên Khoa/	Phòng NCKH và	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Viện SPTN đạt nhiều thành tích cao nghiên cứu khoa học.	HTQT	
		Báo cáo tổng kết Hội nghị SVNCKH	Năm 2014-18	Phòng NCKH và HTQT	
		Kế hoạch và biên bản ghi tổ chức hội nghị, hội thảo, sáng kiến kinh nghiệm để phổ biến, áp dụng kết quả NCKH		Phòng NCKH và HTQT	
28	H10.10.05.01	Quyết định về việc ban hành quy định, chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm	Số 2106/QĐ - ĐHV ngày 01/08/2012	Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập trung tâm hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp		Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập trung tâm Nghiên cứu và khởi nghiệp sáng tạo		Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập bộ phận một cửa		Đại học Vinh	
29	H10.10.05.02	Tổ chức các chương trình tư vấn về kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống và trao học bổng tài trợ cho sinh viên	Số 1058/ĐHV-HTSVQHDN ngày 4/4/2014	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Triển khai thực hiện các nội dung, chương trình hợp tác	Số 453/ĐHV-ĐTLT ngày 19/4/2016	Đại học Vinh	
		Tổ chức chương trình tư vấn và chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp cho sinh viên cuối khóa	Số 533/ĐHV-ĐTLT ngày 6/5/2016	Đại học Vinh	
		Tổ chức chương trình tư vấn tuyển dụng, chia sẻ kinh nghiệm, nghề nghiệp cho sinh viên cuối khóa	Số 605/ĐHV-ĐTLT ngày 16/5/2016	Đại học Vinh	
		Tổ chức chương trình truyền thông tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho nữ sinh viên K56	Số 625/ĐHV-ĐTLT ngày 17/5/2016	Đại học Vinh	
		Tổ chức ngày hội việc làm năm 2017 cho sinh viên	Số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017	Đại học Vinh	
		Tổ chức chương trình tư vấn và tuyển dụng việc làm cho sinh viên	Số 534/ĐHV-HTSVQHDN ngày 16/5/2017	Đại học Vinh	
		Tổ chức chương trình truyền thông tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản cho nữ sinh viên K56	Số 625/ĐHV-ĐTLT ngày 17/5/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Tổ chức ngày hội việc làm năm 2017 cho sinh viên	Số 266/ĐHV-HTSVQHDN ngày 15/3/2017	Đại học Vinh	
		Tổ chức chương trình tư vấn và tuyển dụng việc làm cho sinh viên	Số 534/ĐHV-HTSVQHDN ngày 16/5/2017	Đại học Vinh	
30	H10.10.05.03	Báo cáo sơ kết về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và các hoạt động của nhà trường (đợt 1 năm 2016-2017)	Số 74/BC-ĐHV ngày 22/12/2016	Đại học Vinh	
		Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của Nhà trường	Số 63/TB-ĐHV ngày 10/05/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo công tác lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp 2017 về các hoạt động của nhà trường Phiếu khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp	Số 43/BC-ĐHV ngày 14/09/2017	Đại học Vinh	
		Hướng dẫn khảo sát đo lường sự hài lòng của sinh viên hệ chính quy học kỳ I năm 2017-2018	Số 1352/ĐHV-CTCTHSSV ngày 14/11/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo về việc lấy ý kiến phản hồi từ	Số 195/TB-ĐHV ngày	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		người học về các hoạt động giảng dạy, các hoạt động của nhà trường và các đơn vị hành chính học kỳ I năm 2017-2018	8/12/2017		
		Lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên tốt nghiệp năm 2018	Số 492/ĐHV-CTCTHSSV ngày 09/05/2018	Phòng CTCT-HSSV	
31	H10.10.05.04	Quyết định ban hành quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của trường đại học vinh	Quyết định 1307/QĐ - ĐHV ngày 01/11/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công 2017-2018	Quyết định 1255/QĐ - ĐHV ngày 10/11/2017	Đại học Vinh	
32	H10.10.05.05	Hợp đồng mua bán	Số 866/ĐHV-HĐ2015 ngày 18/10/2015	Đại học Vinh	
		Hợp đồng	Số 616/ĐHV-HĐ2015 ngày 28/10/2015	Đại học Vinh	
		Hợp đồng	Số 3332/HĐ-XD ngày 29/6/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Hợp đồng	Số 5158/HĐ-XD ngày 4/7/2016	Đại học Vinh	
		Hợp đồng 02/PM/2016/ĐHV-TN	Ngày 2/11/2016	Đại học Vinh	
		Hợp đồng 01/MPĐ/2016/ĐHV-TTP	Ngày 14/11/2016	Đại học Vinh	
		Đề nghị rà soát, lập dự toán mua sắm trang thiết bị	Số 144/ĐHV-QTĐT ngày 17/2/2016	Đại học Vinh	
33	H10.10.05.06	Hướng dẫn tổ chức Đại hội lớp học sinh , sinh viên năm học 2014-2015	Số 2829/HD-ĐHV ngày 29/8/2014	Đại học Vinh	
		Kế hoạch tổ chức Hội nghị lớp trưởng các lớp sinh viên hệ chính quy năm học 2014-2015	Số 4936/KH-ĐHV ngày 10/12/2014	Đại học Vinh	
		Chương trình hội nghị lớp trưởng các lớp sinh viên hệ chính quy năm học 2014-2015	Ngày 19/12/2014	Đại học Vinh	
		Báo cáo tình hình thực hiện công tác học sinh, sinh viên năm học 2013-2014 và học kỳ I năm học 2014-2015	Ngày 19/12/2014	Đại học Vinh	
		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2014-2015	Số 183/TT-ĐHV ngày 16/1/2015	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Thông tri triệu tập dự Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2014-2015	Số 193/TT-ĐHV ngày 19/1/2015	Đại học Vinh	
		Hướng dẫn tổ chức Đại hội lớp học sinh , sinh viên năm học 2015-2016	Số 3134/HD-ĐHV ngày 4/9/2015	Đại học Vinh	
		Tổ chức Hội nghị dân chủ các lớp sinh viên năm học 2015-2016	Số 4869/ĐHV-CTCTHSSV ngày 18/12/2015	Đại học Vinh	
		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2015-2016	Số 02/KH-ĐHV ngày 19/1/2016	Đại học Vinh	
		Thông tri triệu tập dự Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2015-2016	Số 03/TT-ĐHV ngày 19/1/2016	Đại học Vinh	
		Hướng dẫn tổ chức Đại hội lớp học sinh , sinh viên năm học 2016-2017	Số 1072/HD-ĐHV ngày 12/9/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2016-2017	Số 02/KH-ĐHV ngày 11/1/2017	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Thông tri triệu tập dự Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với sinh viên năm học 2016-2017	Số 02/TT-ĐHV ngày 7/3/2017	Đại học Vinh	
34	H10.10.05.07	Báo cáo tổng hợp đánh giá trưng cầu ý kiến	Năm 2015, 2016, 2017	Thư viện	
		Giấy mời tham dự lễ khai trương và hội nghị lấy ý kiến chuyên môn về bổ sung nguồn học liệu	Giấy mời 08/GM - ĐHV ngày 06/10/2016	Đại học Vinh	
35	H10.10.05.08	Chọn lọc thanh lý tài liệu sắp xếp cơ sở vật chất tại thư viên	Số 1230/ĐHV-TV Ngày 16/10/2017	Đại học Vinh	
		Hệ thống sách bổ sung từ năm 2014 – 2018	Danh mục tài liệu	Đại học Vinh	
36	H10.10.05.09	HĐ 02/PM/2016/DHV-TN	HĐ 02/PM/2016/DHV-TN ngày 2/11/2016	Đại học Vinh	
		Hợp đồng lắp đặt hệ thống mạng, camera nhà đa năng của trường Đại học Vinh	HĐ 01/ĐN/2016/DHV-NET ngày 2/11/2016	Đại học Vinh	
		Hợp đồng đầu tư thiết bị mạng và nhân công triển khai tối ưu hóa hệ thống mạng trường Đại học Vinh	HĐ 01/NCHTM/2016/ĐHV-NET ngày 29/12/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Hợp đồng đầu tư hệ thống máy chủ và hệ thống lưu trữ tối ưu hóa hệ thống mạng trường Đại học vinh	HĐ 02/NCHTM/2016/DHV-NET ngày 29/12/2016	Đại học Vinh	
		Lịch triển khai tối ưu hóa hệ thống mạng toàn trường	Số 634/ĐHV-CNTT ngày 05 tháng 06 năm 2017	Đại học Vinh	
37	H10.10.05.10	Quyết định về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của cố vấn học tập	Số 3814/QĐ-DHV ngày 10/12/2012	Đại học vinh	
		Quyết định về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của quản lý SV	Số 2534/ QĐ -ĐHV ngày 29/9/2011	Đại học Vinh	
		Quyết đinh v/v cử cố vấn học tập năm học 2014-18	Số 3615/QĐ-TCCB ngày 16/10/2014	Trường/Khoa /Viện	
		Phân giáo viên chủ nhiệm lớp	Năm 2014-18	Khoa/Viện	
38	H10.10.06.01	Quyết định ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (phòng CT CTHSSV thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan)	Số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016	Đại học Vinh	
		Chức năng nhiệm vụ của trung tâm dịch vụ hỗ trợ sinh viên và quan hệ doang nghiệp	Số 3869/QĐ-ĐHV, ngày 14/10/2015		

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			Số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 Số 1423/QĐ-ĐHV, ngày 29/11/2016 Quy chế dự thảo tổ chức hoạt động của trung tâm ngày 1/12/2016		
		Quyết định ban hành Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh	Số 1307/QĐ-ĐHV, Ngày 01/11/2016	Đại học Vinh	
39	H10.10.06.02	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm học 2017 – 2018	Số 1255/QĐ-ĐHV, ngày 10/11/2017	Đại học Vinh	
		Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, giảng viên và các hoạt động của Nhà trường	Số 33/KH-ĐHV, ngày 22/9/2016	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I, năm học 2016-2017	Số 55/KH-ĐHV, ngày 30/12/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch khảo sát việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp năm 2015, 2016	Số 08/KH-ĐHV, ngày 23/02/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của Nhà trường	Số 63/TB-ĐHV, ngày 10/05/2017	Đại học Vinh	
		Phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan		Đại học Vinh	
40	H10.10.06.03	Triển khai lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2016-2017	Số 310/ĐHV-CTSV, ngày 24/3/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học về các hoạt động giảng dạy và các hoạt động của Nhà trường và đơn vị hành chính	Số 195/TB-ĐHV, ngày 08/12/2017	Đại học Vinh	
		Thông báo lấy ý kiến phản hồi từ người học và phụ huynh học sinh - học kỳ 2, năm học 2017 - 2018	Số 80/TB-ĐHV, ngày 27/04/2017	Đại học Vinh	
		Triển khai lấy ý kiến phản hồi sinh viên tốt	Số 492/ ĐHV-CTCTHSSV,	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		nghiệp năm 2018	ngày 9/05/2018		
41	H10.10.06.04	Kế hoạch xây dựng và phát triển CTĐT theo tiếp cận CDIO	Số 10/KH-ĐHV, ngày 08/03/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định thành lập Ban giám sát xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO năm 2016	Số 296/QĐ-ĐHV Ngày 28/3/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định cử cán bộ phụ trách khối ngành, ngành đào tạo xây dựng chuẩn đầu ra theo hướng tiếp cận CDIO	Số 414/QĐ-ĐHV, ngày 19/4/2016	Đại học Vinh	
		Kế hoạch khảo sát các bên liên quan về phát triển CTĐT tiếp cận CDIO	Ngày 22/10/2016	Khoa/Viện	
		Phiếu khảo sát chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Hóa học tiếp cận CDIO		Khoa/Viện	
		Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu Chuẩn đầu ra, Chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cấp trường	Số 127/QĐ-ĐHV, ngày 22/02/2017	Đại học Vinh	
42	H10.10.06.05	Kế hoạch triển khai thực tập tốt nghiệp sư phạm năm học 2014-2015	Ngày 02/02/2015	Phòng Đào tạo	
		Quyết định về việc thành lập đoàn sinh viên		Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		ngành Sư phạm Hóa học đi thực tập tốt nghiệp cuối khóa năm học 2014-2015			
		Quyết định thành lập đoàn công tác kiểm tra thực tập sư phạm cuối khóa cho sinh viên ngành Sư phạm Hóa học năm học 2014-2015		Đại học Vinh	
		Báo cáo tổng kết thực tập sư phạm của Trường	Tháng 4/ 2017	Đại học Vinh	
		Hình ảnh đoàn kiểm tra thực tập			
43	H10.10.06.06	Báo cáo tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan năm học 2017 – 2018	Số 202/ĐHV-CTCTHSSV, ngày 09/03/2018	Phòng CT CTHSSV	
44	H10.10.06.07	Báo cáo điều tra ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên, học kỳ 2 năm học 2013 - 2014	Ngày 26/12/2014	Phòng CTCT-HSSV	
		Các báo cáo kết quả khảo sát xây dựng Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học tiếp cận CDIO		Khoa/ Viện	
		Báo cáo xử lý số liệu điều tra từ bảng hỏi xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo ngành		BM PPGD HH	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Sư phạm Hóa học tiếp cận CDIO			
		Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trường Đại học Vinh, học kỳ 1 năm học 2016 – 2017	Số 25/BC-ĐHV ngày 12/6/2017	Đại học Vinh	
		Báo cáo lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khóa tốt nghiệp năm 2017 về các hoạt động của Nhà trường	Số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017	Đại học Vinh	
		Các biên bản họp Hội đồng khoa học Khoa/ Viện về việc điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Sư phạm Hóa học	Từ năm 2014 - 2017	Khoa /Viện	
Tiêu chuẩn 11: Kết quả chuẩn đầu ra của CTĐT					
1	H11.11.01.01	Quy chế công tác Sinh viên	Số 1291/ QĐ-ĐHV ngày 15/8/2016	Đại học Vinh	
2	H11.11.01.02	Hồ sơ thi NVSP, các kết quả	Năm 2014-18	Trường, khoa/viện	
3	H11.11.01.03	Hình ảnh lớp học của SV tình nguyện tổ chức	Năm 2014-18	Đoàn trường, Hội SV	
4	H11.11.01.04	Danh sách SV tham gia lớp kỹ năng đoàn đội hội	Năm 2014-18	Đoàn trường, Hội SV	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
5	H11.11.01.05	Hình ảnh hoạt động của các CLB Sinh viên	Năm 2014-18	Khoa/viện	
6	H11.11.01.06	Các QĐ trao học bổng từ các quỹ học bổng EBM Window, Oddon Vallet, Wantanabe, …	QĐ cấp khoa, trường các năm	Trường, khoa/viện	
7	H11.11.01.07	Quyết định ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 1291/QĐ – ĐHV ngày 15/8/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập	Số 3814/QĐ –ĐHV ngày 10/12/2012	Đại học Vinh	
		Nhật ký của QLSV và cố vấn học tập/Danh sách địa chỉ phụ huynh để gửi thư liên lạc	2014-18	Khoa/ Viện	
8	H11.11.01.08	Minh chứng thực hiện Đồ án nhập môn ngành sư phạm		Khoa/viện, Khoa GD?	
9	H11.11.01.09	Biên bản họp về công tác Sinh viên hàng kỳ/năm, Danh sách SV thuộc diện cảnh báo học tập	Năm 2014-18	Khoa/viện	
10	H11.11.02.01	Thống kê tình hình tốt nghiệp theo khóa học	Năm 2014-18	Khoa/viện	
		Quyết định ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 1291/QĐ – ĐHV ngày 15/8/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập	Số 3814/QĐ –ĐHV ngày 10/12/2012	Đại học Vinh	
11		Nhật ký của QLSV và cố vấn học tập/Danh sách địa chỉ phụ huynh để gửi thư liên lạc	2014-18	Khoa/ Viện	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
12	H11.11.02.02	Giấy khen của Hiệu trưởng cho Sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn			
13	H11.11.02.03	Danh sách SV diện cảnh báo học tập		Khoa/viện	
		Quyết định ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 1291/QĐ – ĐHV ngày 15/8/2016	Đại học Vinh	
		Quyết định về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ của Cố vấn học tập	Số 3814/QĐ –ĐHV ngày 10/12/2012	Đại học Vinh	
		Nhật ký của QLSV và cố vấn học tập/Danh sách địa chỉ phụ huynh để gửi thư liên lạc	2014-18	Khoa/ Viện	
14	H11.11.02.04	Văn bản phân công sinh viên hỗ trợ sinh viên Lào của LCĐ	Năm 2014-18	Khoa/viện	
15	H11.11.03.01	Kế hoạch khảo sát Sinh viên sau Tốt nghiệp	Năm 2015 - 2018	Trường (Trt DV, QHDN)	
16	H11.11.03.02	Quy định đánh giá công tác HSSV	QĐ 510/2016	Trường	
17	H11.11.03.03	Quyết định ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 1291/QĐ – ĐHV ngày 15/8/2016	Đại học Vinh	
18	H11.11.03.04	Các báo cáo kết quả khảo sát việc làm sinh viên sau TN	2015 đến 2017	Trường (Trt DV, QHDN)	
19	H11.11.03.05	Quy định hoạt động ĐBCL ở trường ĐH Vinh	Số 584/ QĐ-ĐHV ngày 26/3/2019	Trường	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
20	H11.11.03.06	Hồ sơ mở lớp và danh sách SV tham gia lớp kỹ năng mềm	Năm 2018-19	Trường	
21	H11.11.03.07	Hình ảnh và hồ sơ tổ chức các buổi nói chuyện ch.đề sư phạm		Khoa/viện	
22	H11.11.03.08	Các thông tin tuyển dụng đã đăng website, facebok, email		Khoa/viện Trường	
23	H11.11.04.01	Kế hoạch triển khai NCKH của sinh viên các năm	Số 1329/ ĐHV- KHHTQT ngà y 23/11/2018 Số 393/QĐ-ĐHV ngày 09/05/2017	Phòng KH-HTQT	
24	H11.11.04.02	Danh mục các đề tài Sinh viên NCKH các năm, danh sách Sinh viên tham dự HN khoa học trong nước, quốc tế		Khoa/ Viện	
25	H11.11.04.03	Danh mục các bài báo Khoa học có tên Sinh viên		Khoa/viện	
26	H11.11.04.04	Danh sách Các giải thưởng Sinh viên NCKH đã đạt		Khoa/viện	
27	H11.11.04.05	Danh sách các SV trưởng thành từ hoạt động NCKH		Khoa/viện	
28	H11.11.05.01	Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học	1307/QĐ-ĐHV ngày 1/11/2016	Đại học Vinh	
29	H11.11.05.02	Qui định đánh giá công tác HSSV	QĐ 510/2016	Đại học Vinh	
30	H11.11.05.03	Quy định hoạt động ĐBCL	Số 584/ QĐ-ĐHV ngày,26/3/2019	Đại học Vinh	

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
31	H11.11.05.04	Báo cáo kết quả lấy ý kiến SV-2017, 2018, 2019, Mẫu phiếu khảo sát SV, Bản in màn hình website khảo sát SV	Số 43/BC-ĐHV ngày 14/9/2017 Số 44/BC-ĐHV ngày 29/8/2018 Số 51/BC-ĐHV ngày 31/7/2019	Trường/ Khoa, Viện	
32	H11.11.05.05	+ Báo cáo tổng hợp ý kiến hội nghị dân chủ Sinh viên và giải trình của khoa/viện; + Biên bản hội nghị dân chủ sinh viên cấp Trường các năm	Năm 2014-18	QLSV khoa/viện Phòng QLSV Trường	
33	H11.11.05.06	Các biên bản: hội nghị CBVC năm học, hội nghị tổng kết năm học	Năm 2014-18	Khoa/viện	
34	H11.11.05.07	Biên bản họp triển khai/và tổng kết TTSP các năm	Năm 2014-18	Phòng ĐT	
35	H11.11.05.08	Dự án đầu tư nâng cấp PTN PPGD Hóa học	Năm 2014-18	Trường ĐH Vinh	